

CÔNG TY CỔ PHẦN KOSY

Số: 16/2023/CBTT-KOS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Kosy

- Mã chứng khoán: KOS
- Địa chỉ trụ sở chính: B6-BT5, khu đô thị mới Mỹ Đình 2, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 024 37833660 Fax: 024 37833661
- Email: infor@kosy.vn

2. Nội dung của thông tin công bố

Báo cáo thường niên năm 2022

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 19/04/2023 tại đường dẫn https://kosy.vn/shareholder_category/cong-ty-co-phan-kosy/

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo thường niên năm 2022..

Đại diện tổ chức

Người được ủy quyền Công bố thông tin


Lê Thị Phương



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2022

CÔNG TY CỔ PHẦN KOSY

(Giấy CNĐKDN số 0103022871 do Sở KH&ĐT thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10/03/2008, Giấy chứng nhận ĐKKD số 0102681319 thay đổi lần thứ 17 ngày 09/12/2021)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI: CÔNG TY CỔ PHẦN KOSY

Địa chỉ: B6-BT5 Khu đô thị mới Mỹ Đình 2, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 02437833660

Fax: 02437833661

Website: www.Kosy.vn

NGƯỜI PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ và tên: Bà Lê Thị Phương



MỤC LỤC

05

01 - THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát
 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
 4. Định hướng phát triển
 5. Các rủi ro
-

16

02 - TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2022

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
 2. Tổ chức và nhân sự
 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
 4. Tình hình tài chính
 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty
-

43

03 - BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá vị thế/so sánh với các doanh nghiệp cùng ngành
 2. Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022
 3. Tình hình tài chính
 4. Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái đến kết quả kinh doanh của Công ty
 5. Ảnh hưởng của chênh lệch lãi vay đến kết quả kinh doanh của Công ty
 6. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
 7. Kế hoạch phát triển trong tương lai
 8. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
 9. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty
-

49

04 - ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty
 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị
-

50

05 - QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị
 2. Ban kiểm soát
 3. Các giao dịch, thù lao và lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát
-

56

06 - BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến của kiểm toán
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN KOSY

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Được thành lập từ năm 2008, Công ty cổ phần Kosy mang trong mình khát vọng cháy bỏng và hoài bão trở thành một trong những doanh nghiệp lớn mạnh tại Việt Nam của những người sáng lập.

Cùng với những thăng trầm của thị trường, chúng tôi luôn đổi mới và sáng tạo, không ngừng nỗ lực để kiến tạo toàn bộ máy, thích nghi với sự thay đổi của môi trường kinh doanh và đạt được những thành công nhất định. Hiện tại, chúng tôi đang hoạt động trong các lĩnh vực: bất động sản, xây dựng, năng lượng – thủy điện ... Trong đó, bất động sản được xác định là lĩnh vực mũi nhọn.

Để phát triển lớn mạnh, chúng tôi ý thức rất rõ nhân sự chính là yếu tố then chốt, là tài sản quý giá nhất của doanh nghiệp. Do đó, đội ngũ cán bộ nhân viên tại Công ty đều là những người có năng lực tốt, tác phong làm việc chuyên nghiệp, tư duy sáng tạo, không ngừng phấn đấu để hoàn thiện bản thân, đóng góp chung vào sự phát triển của Công ty.

Chúng tôi luôn nỗ lực hết mình để phát triển những sản phẩm tốt nhất, mang lại sự trải nghiệm thú vị và hài lòng cho khách hàng, góp phần thúc đẩy nền kinh tế đất nước ngày càng phát triển.

Thay mặt Công ty, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất và cam kết đem đến những lợi ích thiết thực cho các quý khách hàng, cổ đông và đối tác đã luôn tin tưởng, đồng hành cùng chúng tôi.

Trân trọng./.

Chủ tịch HĐQT

NGUYỄN VIỆT CƯỜNG

01 THÔNG TIN CHUNG

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

• Tên tiếng Việt:	Công ty Cổ phần KOSY
• Tên tiếng Anh:	KOSY Joint Stock Company
• Tên giao dịch viết tắt:	KOSY., JSC
• Vốn điều lệ đăng ký:	2.164.813.350.000 đồng
• Vốn thực góp đến thời điểm hiện tại:	2.164.813.350.000 đồng
• Địa chỉ trụ sở chính:	B6-BT5 Khu đô thị mới Mỹ Đình 2, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.
• Điện thoại:	02437833660
• Fax:	02437833661
• Website:	www.kosy.vn
• Mã cổ phiếu:	KOS
• Người đại diện theo pháp luật:	Nguyễn Việt Cường - Chủ tịch Hội đồng Quản trị
• Logo:	
• Ngày trở thành công ty đại chúng:	27/09/2017
• Giấy CNĐKDN số 0103022871 do Sở KH&ĐT thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10/3/2008, Giấy chứng nhận ĐKKD số 0102681319 thay đổi lần thứ 17 ngày 09/12/2021.	

1.1. Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi và mục tiêu



TẦM NHÌN

Trở thành “Nhà phát triển đô thị và năng lượng tái tạo” là tầm nhìn dài hạn của Công ty Cổ phần Kosy.



SỨ MỆNH

Công ty mang đến cho cộng đồng năng lượng sạch, các sản phẩm nhà ở, khu đô thị hài hòa với thiên nhiên, phù hợp với sự phát triển của văn minh xã hội.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Nghiêm túc và trung thực trong các mối quan hệ với đối tác, khách hàng và cán bộ nhân viên công ty.



MỤC TIÊU

Mục tiêu Công ty Cổ phần Kosy đến 31/12/2025: Trở thành một tập đoàn kinh tế đa ngành, giá trị tài sản và thương hiệu công ty nằm trong top 200 doanh nghiệp ngoài nhà nước lớn nhất Việt Nam. Bất động sản là ngành kinh doanh chính, công ty làm chủ đầu tư nhiều khu đô thị trên lãnh thổ Việt Nam và một số nước trên thế giới. Các khu đô thị của công ty đáp ứng tốt các điều kiện sống, làm việc và sinh hoạt của các tầng lớp nhân dân.



CHIẾN LƯỢC KINH DOANH

Công ty xây dựng chiến lược kinh doanh tập trung vào các điểm như sau:

- Tập trung xây dựng, phát triển tại các địa bàn chính ở miền Bắc và miền Trung, Nam như: Lào Cai, Bắc Giang, Thái Nguyên, Hà Nam, Ninh Bình, Phú Thọ, Hà Nội, Nghệ An, Hà Tĩnh.... Tăng cường công tác thu thập thông tin, phân tích đánh giá tình hình thị trường, khách hàng để đưa ra các chính sách bán hàng phù hợp cho từng thời điểm đem lại hiệu quả kinh doanh cho Công ty;
- Thiết lập kênh phân phối tại địa bàn có dự án: Bán hàng trực tiếp, cộng tác viên (các phòng bán lẻ tại thành phố, các huyện, các sản bất động sản trên địa bàn);
- Thực hiện đầu tư cho quảng bá thương hiệu, cam kết tiến độ, truyền thông online, SMS, Facebook, truyền thông trực tiếp tại thành phố, các huyện. Tổ chức sự kiện giới thiệu dự án, mở bản, trao sổ đỏ, tri ân khách hàng.
- Tìm kiếm hợp tác với các đối tác có thế mạnh về quy hoạch, công nghệ, kiến trúc, bán hàng, vốn để hỗ trợ nhau phát triển.
- Thực hiện nghiêm chỉnh quy định về quản lý, giám sát, tăng hiệu quả kinh doanh và an toàn trong sử dụng vốn của Công ty.
- Không ngừng học hỏi, không ngừng phê bình, không ngừng phát huy trí sáng tạo và cải tiến của mọi người.
- Xây dựng đội ngũ làm việc có đẳng cấp là cách duy nhất để Công ty gặt hái được nhiều thành công to lớn.
- Ngoài các bất động sản khu đô thị, Công ty từng bước mở rộng sang thủy điện, năng lượng tái tạo.

“

TRỞ THÀNH
**NHÀ PHÁT TRIỂN
ĐÔ THỊ VÀ
NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO**

”

1.2. Quá trình hình thành, phát triển

Công ty Cổ phần Kosy (KOSY) hoạt động theo Giấy CNĐKDN số 0103022871 do Sở KH&ĐT thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10/03/2008, Giấy chứng nhận ĐKKD số 0102681319 thay đổi lần thứ 17 ngày 09/12/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

2009

Công ty thực hiện mở rộng lĩnh vực hoạt động: phát triển thêm lĩnh vực xây dựng công trình giao thông, cầu đường, thủy lợi.

2011

Bất động sản được xác định là lĩnh vực mũi nhọn của Công ty. Hiện Công ty đã và đang làm chủ đầu tư thực hiện một số dự án lớn về bất động sản tại các địa phương như: Khu đô thị Kosy - Lào Cai thành phố Lào Cai; Khu đô thị Kosy - Bắc Giang, Khu dân cư Cầu Gò - Bắc Giang; Khu đô thị Kosy - Gia Sàng thành phố Sông Công tỉnh Thái Nguyên; Khu đô thị Kosy - Sông Công thành phố Thái Nguyên, Khu chức năng đô thị Kim Nỗ, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội Ở lĩnh vực Xây dựng, ngoài thi công các dự án Khu đô thị mới, Kosy còn triển khai thực hiện nhiều công trình giao thông, thủy lợi, viễn thông tại các địa phương. Với hệ thống máy móc, trang thiết bị hiện đại, đồng bộ, các công trình do Công ty làm chủ đầu tư và thi công luôn đáp ứng yêu cầu cao về chất lượng, đảm bảo kỹ thuật, mỹ thuật, thỏa mãn kỳ vọng của đối tác, chính quyền và nhân dân địa phương. Công ty bắt đầu triển khai một số dự án bất động sản tại Thái Nguyên, Lào Cai, Bắc Giang.

2016

Công ty phát triển nhiều dự án Bất động sản tại các tỉnh/thành miền Bắc và miền Trung. Công ty được vinh danh là doanh nghiệp tiêu biểu của huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang. Mặc dù là doanh nghiệp mới tham gia đầu tư trên địa bàn huyện nhưng Công ty được các cấp ủy đảng, chính quyền và nhân dân huyện Yên Thế đánh giá rất cao trong việc nỗ lực triển khai thực hiện các bước của quy trình đấu thầu và được lựa chọn làm chủ đầu tư của dự án khu dân cư mới thị trấn Cầu Gò, huyện Yên Thế đồng thời tích cực tham gia các hoạt động tương trợ, giúp cho người nghèo cũng như nhiều hoạt động từ thiện khác của huyện Yên Thế.

2017

Công ty thực hiện tăng vốn lên 415 tỷ đồng. Công ty phát triển ấn tượng và được vinh danh tại Giải thưởng hiệu năng Việt Nam.

2018

Đánh dấu bước phát triển mạnh mẽ của Công ty với hàng loạt sự kiện lớn diễn ra và là bước chuyển mình quan trọng trong chiến lược phát triển dài hạn của Công ty trong lĩnh vực thủy điện và năng lượng tái tạo. Tháng 7 năm 2018, Công ty phát hành thành công trái phiếu riêng lẻ, tăng vốn Điều lệ lên 1.037,5 tỷ đồng. Năm 2018 cũng là năm bắt đầu công cuộc Nam tiến của Công ty. Tháng 8 năm 2018, Công ty khai trương văn phòng đại diện tại TP. HCM, bắt đầu công cuộc Nam tiến, đặt chân vào thị trường bất động sản miền Nam sôi động với nhiều cơ hội song cũng cạnh tranh gay gắt.

2019

Được xem là năm bản lề của Công ty với sự kiện niêm yết thành công cổ phiếu của Công ty trên Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE), một năm gặt hái được nhiều thành quả, Công ty tiếp tục được vinh danh tại Top 10 Thương hiệu bất động sản xuất sắc Việt Nam năm 2019.

2020

Một năm khiến cho nhiều doanh nghiệp phải điều chỉnh, nhưng cũng là năm được đánh giá là trong “nguy” có “cơ” dành cho những đơn vị có chiến lược phát triển dài hạn và bền vững. Những doanh nghiệp lớn, có tiềm lực kinh tế mạnh vẫn có thể tiếp tục triển khai các dự án mà không bị gián đoạn bởi đại dịch. Đại dịch Covid-19, mặc dù không dự báo được trước, nhưng do chiến lược và kế hoạch phát triển luôn lường trước những giai đoạn khó khăn nên các dự án bất động sản và năng lượng vẫn có nguồn tiền triển khai phù hợp, công tác bán hàng và thu tiền được thực hiện đều theo tiến độ. Đồng thời, Công ty không ngừng mở rộng, phát triển các dự án mới có quy mô lớn tại nhiều tỉnh, thành phố: Hà Nội, Lào Cai, Phú Thọ, Nghệ An, Hà Tĩnh, Long An, Bến Tre, Bạc Liêu, Quảng Bình... nhằm mở rộng quỹ đất, từ đó tăng quỹ sản phẩm bất động sản cung cấp ra thị trường, chuẩn bị cho chiến lược tập trung và dài hạn sắp tới. Cũng trong năm, Công ty đã thành công phát hành hơn 61 triệu cổ phiếu trả cổ tức năm 2019 và chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.

2021

Công ty đã hoàn thành việc hoán đổi hơn 51 triệu cổ phiếu để hoán đổi cổ phần cho cổ đông của CTCP Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thủy điện với tỷ lệ sở hữu của KOS tại Tư vấn Thủy điện đạt 98%. Đánh dấu bước đầu triển khai theo đúng chiến lược dài hạn của Công ty, đánh dấu sự tăng trưởng, gia tăng tín nhiệm với các đối tác tài chính ngân hàng, khách hàng và nhà đầu tư của Công ty.

2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

- Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng; Đầu tư xây dựng dự án năng lượng tái tạo ...

- Địa bàn kinh doanh: Tỉnh Lào Cai, Tỉnh Bắc Giang, Tỉnh Thái Nguyên, Tỉnh Lai Châu là các địa bàn hoạt động kinh doanh chính.



3. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

3.1. Mô hình quản trị Công ty

Công ty cổ phần Kosy hoạt động theo mô hình có Ban kiểm soát, thuộc điểm a, mục 1, Điều 137 Luật Doanh nghiệp.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HĐQT)

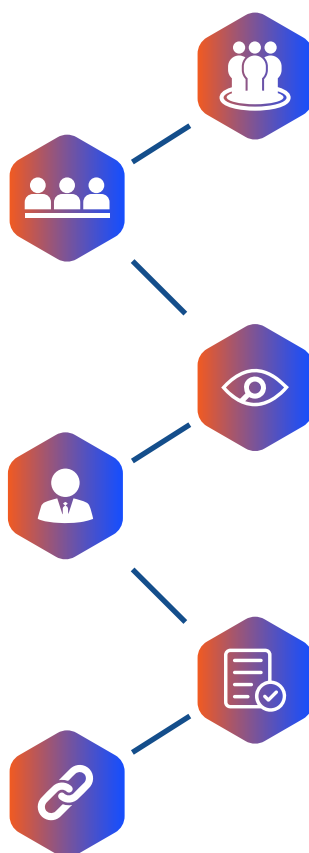
Do ĐHĐCĐ bầu, là cơ quan quản trị cao nhất, có đầy đủ quyền hạn để thay mặt ĐHĐCĐ quyết định các vấn đề liên quan đến mục tiêu và lợi ích của Công ty, ngoại trừ các vấn đề thuộc quyền hạn của ĐHĐCĐ.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TGD)

Bao gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, tổ chức thực hiện nhiệm vụ kinh doanh của Công ty. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật và là người điều hành cao nhất mọi hoạt động kinh doanh.

BỘ MÁY HOẠT ĐỘNG

Bao gồm các phòng ban trực thuộc quản lý của các Phó Tổng Giám đốc và các phòng ban có nhiệm vụ thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày, hoạt động huy động và quản lý vốn, phát triển thương hiệu, các hoạt động nhân sự và quản trị rủi ro, tham mưu, đề xuất Ban Tổng Giám đốc các định hướng phát triển, hoạt động của Công ty.



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG (ĐHĐCĐ)

Là cơ quan quyền lực cao nhất, ra các quyết định định hướng phát triển của Công ty, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các quyết định khác theo quy định pháp luật.

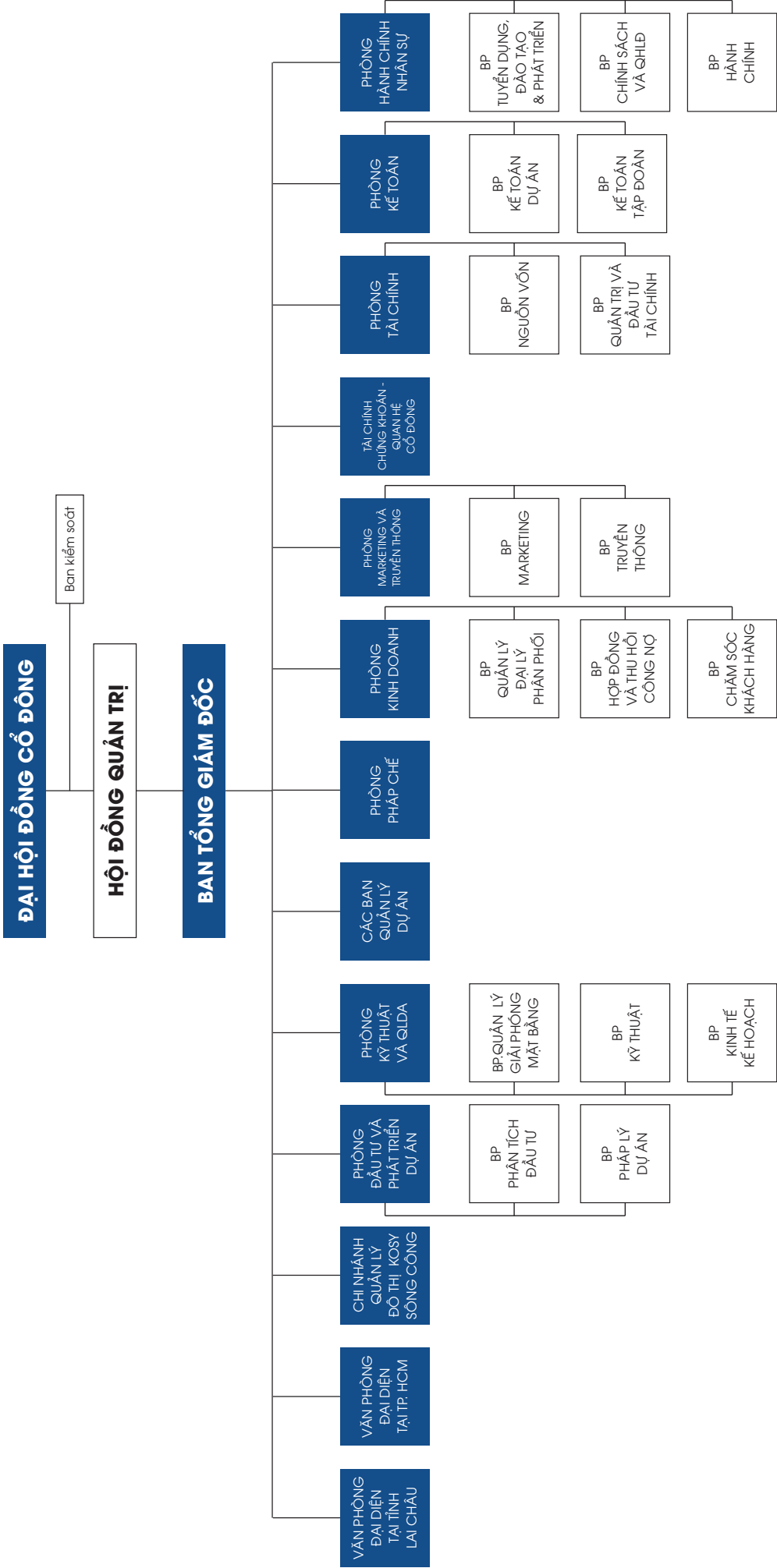
BAN KIỂM SOÁT (BKS)

Là cơ quan thay mặt cổ đông để giám sát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra và hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

TIỂU BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Chịu sự chỉ đạo trực tiếp của HĐQT, có chức năng tham mưu cho HĐQT và cấp có thẩm quyền về công tác kiểm toán nội bộ của Công ty.

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty



3.3. Các Công ty con, Công ty liên kết

Hiện nay, Công ty cổ phần Kosy có 01 Công ty con với tỷ lệ sở hữu 98%.

Chi tiết:

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THỦY ĐIỆN

- Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 3 phường Quyết Tiến, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu
- Vốn điều lệ: 350.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm năm mươi tỷ đồng)
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6200084255 do Sở KH&ĐT tỉnh Lai Châu cấp lần đầu ngày 21/08/2015, cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 09/10/2018.
- Ngành nghề kinh doanh chính:

STT	Ngành nghề kinh doanh chính	Mã ngành
1	Sản xuất điện	3511 (chính)
2	Truyền tải và phân phối điện	3512
3	Lắp đặt hệ thống điện	4321
4	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan - Tư vấn thiết kế công trình thủy điện đến 30MW; Tư vấn thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 110kV; Giám sát thi công công trình thủy điện đến 30MW; Giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp đến 110kV.	7110
5	Xây dựng nhà để ở	4101
6	Xây dựng công trình đường bộ	4212
7	Chuẩn bị mặt bằng	4312

- Sản phẩm/dịch vụ chính: Sản xuất điện, phân phối điện.

4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Tập trung triển khai thi công nhanh chóng và phát triển kinh doanh các dự án hiện tại như: Khu đô thị Kosy Lào Cai, Khu đô thị Kosy Sông Công, Khu đô thị Kosy Gia Sàng, Khu đô thị Kosy Bắc Giang và Khu dân cư mới thị trấn Cầu Gò thuộc phân khúc trung bình khá tại các tỉnh, thành phía Bắc.

Tạo đà để tiếp tục đẩy mạnh hơn 10 dự án đang tiến hành giải phóng mặt bằng và chuẩn bị công tác đầu tư mới khác ở các tỉnh, thành phố như: Hà Nội, Lào Cai, Nghệ An, Phú Thọ, Ninh Bình, Hà Nam ... với tổng quy mô dự án ước tính hàng nghìn ha.

Mở rộng hợp tác với các doanh nghiệp, quỹ đầu tư nước ngoài để phát triển quy mô, tận dụng năng lực, kinh nghiệm, công nghệ và trình độ quản lý của đối tác để nâng cao chất lượng sản phẩm.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Theo chiến lược dài hạn, trong vòng 5 năm tới, Công ty sẽ vẫn duy trì những dự án bất động sản thuộc phân khúc trung bình khá song song với việc triển khai những dự án quy mô lớn hơn, thuộc phân khúc cao cấp, để thực hiện được mục tiêu trên Công ty tập trung vào các mục tiêu sau:

VỀ ĐẦU TƯ

Sử dụng nguồn vốn với mục đích tối ưu hóa lợi nhuận, gia tăng giá trị vốn hóa đầu tư ban đầu nhưng vẫn bảo toàn nguồn vốn của Cổ đông.

VỀ QUẢN TRỊ

Xây dựng Công ty hoạt động hiệu quả hơn trên cơ sở thực hiện cơ cấu, sử dụng hợp lý các nguồn lực tài chính, công nghệ, nhân sự; nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, tăng cường sự liên kết về tài chính, công nghệ và thị trường;

VỀ THỊ TRƯỜNG

Đẩy mạnh các hoạt động về tiếp thị nhằm quảng bá thương hiệu và sản phẩm dịch vụ của Công ty nhằm thu hút và gia tăng lượng khách hàng;

VỀ DỊCH VỤ

Quản lý chặt chẽ các chi phí, đảm bảo việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả; nâng cao năng lực tài chính, bảo đảm phát triển ổn định, vững chắc;

4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững và chương trình chính sách liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

Tiếp tục gấp rút hoàn thiện các dự án đang thực hiện của Công ty đồng thời tập trung đẩy mạnh việc phát triển các dự án mới.

Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, minh bạch, năng động và thân thiện để nhân viên phát huy tài năng và sáng tạo, thực hiện tốt các cam kết với người lao động.

Xây dựng và duy trì mối quan hệ bền vững với đối tác (cổ đông, cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị truyền thông...) Hợp tác hiệu quả với các đối tác để phát triển bền vững đóng góp xây dựng cho cộng đồng.

Không ngừng tăng cường trách nhiệm xã hội, tích cực tham gia các chương trình từ thiện, các công tác xã hội. Huy động mọi sức mạnh đội ngũ cán bộ nhân viên vào các phong trào xã hội, nâng cao uy tín của Công ty với cộng đồng.

5. CÁC RỦI RO

5.1. Rủi ro về kinh tế

Những diễn biến của kinh tế vĩ mô đến từ các yếu tố như tốc độ tăng trưởng kinh tế, sự biến động về lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái... có thể có những tác động mang tính hệ thống tới nền kinh tế Việt Nam và các chủ thể tham gia nền kinh tế nói chung, cũng như Công ty Cổ phần Kosy nói riêng.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là yếu tố vĩ mô rất quan trọng, có tác động lớn đến chu kỳ phát triển của ngành Bất động sản. Khi tốc độ tăng trưởng GDP ở mức cao, thu nhập của người dân tăng lên sẽ thúc đẩy nhu cầu đầu tư vào thị trường bất động sản.

Trước bất kỳ thay đổi nào của nền kinh tế, ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Kosy cũng tiến hành phân tích, nghiên cứu và đưa ra các hành động cụ thể cho từng giai đoạn phát triển của Công ty. Chính vì thế, hoạt động kinh doanh của Công ty những năm vừa qua luôn bám sát nhu cầu của thị trường và phù hợp với năng lực tài chính của Công ty.

a) Rủi ro về tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế.

Theo Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 của Thủ tướng Phạm Minh Chính báo cáo Quốc hội cho biết, dù có nhiều khó khăn, thách thức khó lường, đất nước ta vẫn đạt được những kết quả rất tích cực. Tuy nhiên, còn những tồn tại, hạn chế, khó khăn trên các lĩnh vực: Ổn định kinh tế vĩ mô đối mặt với nhiều thách thức, sức ép lạm phát lớn, giá xăng, dầu, nguyên vật liệu đầu vào biến động mạnh; các thị trường xuất, nhập khẩu lớn, truyền thống bị thu hẹp. Một số quy định pháp luật còn vướng mắc, bất cập, chưa được sửa đổi, bổ sung kịp thời. Với lĩnh vực kinh doanh chính là bất động sản, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Kosy phụ thuộc vào tốc độ tăng trưởng và những diễn biến của nền kinh tế.

b) Rủi ro về lạm phát

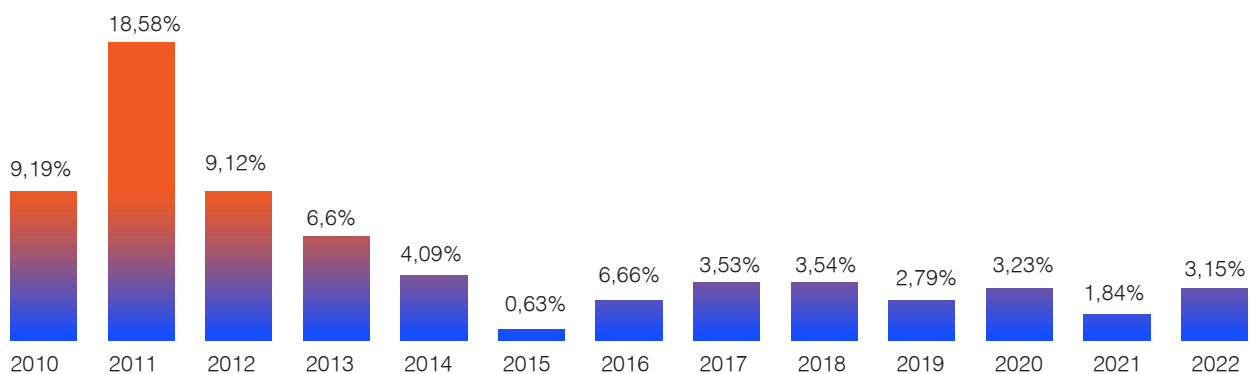
Các rủi ro trong tài chính doanh nghiệp thường gắn liền với hiện tượng lạm phát trong nền kinh tế. Theo số liệu được công bố trong những năm gần đây, tỷ lệ lạm phát của Việt Nam đang được kiểm soát ở mức ổn định.

Theo Báo cáo “Kinh tế Việt Nam năm 2022 và triển vọng 2023” được Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương (CIEM) công bố, lạm phát cơ bản bình quân cả năm 2022 tăng 2,59%, thấp hơn mức lạm phát tổng thể. Tuy nhiên, lạm phát cơ bản liên tục tăng cao từ quý III/2022, đặc biệt trong quý IV/2022. Lạm phát cơ bản thậm chí còn đạt các mức kỷ lục 4,47%, 4,81% và 4,99% trong các tháng 10, 11 và 12/2022 so với cùng kỳ năm 2021.

Diễn biến lạm phát cơ bản trong những tháng cuối năm đã vượt “thông lệ” khoảng 2% mà Việt Nam cố gắng giữ kể từ năm 2015 đến nay, cao hơn cả mức lạm phát cơ bản cuối năm 2019 - nửa đầu năm 2020 (đạt mức đỉnh 3,25% vào tháng 1/2020; trung bình năm 2020 là 2,31%).

Tuy nhiên, so sánh quốc tế, Việt Nam thuộc nhóm nền kinh tế có tốc độ tăng CPI thấp. Nhiều quốc gia hiện đáng đối mặt với những mức lạm phát cao kỷ lục, tập trung ở châu Âu, châu Phi và Nam Mỹ, như Khu vực châu Âu (10%), Đức (10%), Anh (10,7%), Italy (11,8%), Argentina (83%); Venezuela (hơn 80%). Lạm phát tại Mỹ cũng đã đạt cao nhất kể từ năm 1980, lên tới 9,1% trong tháng 6 trước khi giảm còn 7,1% vào tháng 11/2022 nhờ động thái thắt chặt chính sách tiền tệ nhanh và mạnh nhất trong nhiều năm trở lại đây.

Áp lực lạm phát phần nào được kiềm chế bởi những nỗ lực điều hành quyết liệt, linh hoạt và có trọng tâm của Chính phủ. Nỗ lực ổn định tỷ giá đã giúp giảm áp lực lạm phát và kỳ vọng lạm phát.



Lạm phát của Việt Nam qua các năm

Đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bất động sản, trong đó có Kosy lạm phát tăng cao sẽ ảnh hưởng trực tiếp và làm gia tăng các chi phí đầu vào, bao gồm: chi phí nguyên vật liệu, chi phí xây dựng, chi phí nhân công và các chi phí khác trong khi tốc độ tăng trưởng của Doanh thu không theo kịp tốc độ tăng của chi phí thì lợi nhuận của Công ty sẽ bị ảnh hưởng theo. Để giảm thiểu rủi ro lạm phát đối với hoạt động của Công ty, Ban lãnh đạo Công ty thường xuyên cập nhật, tìm kiếm các nguồn cung ổn định, chủ động dự báo sớm thời điểm phát sinh nhu cầu nguyên vật liệu, tăng cường công tác kiểm soát định mức chi phí và quản lý biến động giá cả đầu vào, đồng thời điều chỉnh giá bán sản phẩm phù hợp với tình hình thị trường.



Tuy nhiên, một môi trường lạm phát được kiểm soát tốt sẽ hỗ trợ tích cực cho hoạt động kinh doanh sản xuất lâu dài của doanh nghiệp. Công ty cũng cần theo dõi sát sao tình hình kinh tế vĩ mô và các dự báo thị trường để giảm thiểu rủi ro về giá thông qua điều chỉnh điều chỉnh định hướng kinh doanh linh hoạt, phù hợp tình hình. Để giảm thiểu tác động của rủi ro lạm phát đến hoạt động đầu tư kinh doanh, Công ty đã chủ động rà soát và tiết giảm chi phí hoạt động, siết chặt các hoạt động đầu tư và tăng cường công tác phân tích, dự báo thị trường, đa dạng hóa nguồn cung nguyên liệu, nhằm giảm chi phí và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

c) Rủi ro về lãi suất

Đối với doanh nghiệp thì rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí trả lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành với nhau tùy theo cơ cấu nợ vay của các ngành đó. Để tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty có sử dụng nguồn vốn vay ngắn hạn và dài hạn từ các ngân hàng. Vì vậy, bất kỳ sự thay đổi nào của Ngân hàng Nhà nước và các ngân hàng thương mại về chính sách tiền tệ, lãi suất cũng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Yếu tố lãi suất ảnh hưởng rất lớn đến kế hoạch kinh doanh cũng như tác động mạnh đến doanh thu và chi phí hoạt động tài chính. Rủi ro về lãi suất sẽ là một yếu tố mà Công ty cần quan tâm để có những giải pháp hợp lý trong việc sử dụng hiệu quả vốn vay.

5.2. Rủi ro pháp lý

Công ty Cổ phần Kosy hoạt động dưới sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật kinh doanh bất động sản, Luật đất đai, luật nhà ở và các văn bản luật có liên quan khác. Việc thay đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật, đặc biệt là văn bản của Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Bộ tài nguyên môi trường đều có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của Công ty. Do chứng khoán là một lĩnh vực mới ở Việt Nam, nên hệ thống luật điều chỉnh còn đang được bổ sung và hoàn thiện, làm phát sinh những rủi ro tiềm ẩn liên quan đến sự điều chỉnh các văn bản pháp luật về lĩnh vực chứng khoán, và tính nhất quán giữa Luật Chứng khoán và các văn bản luật khác liên quan khác.

Mặt khác, hiện nay Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam cũng đang họp bàn về việc sửa đổi Luật đất đai, Luật kinh doanh bất động sản. Việc sửa đổi các quy định tại các Luật này cũng ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty.

Để hạn chế các tác động do rủi ro pháp lý, Bộ phận Pháp chế của Công ty với đội ngũ chuyên viên pháp lý có trình độ chuyên môn cao, am hiểu về thị trường chứng khoán, thị trường bất động sản luôn kịp thời cập nhật và đánh giá các thay đổi về quy định pháp lý nhằm bảo đảm cho công ty hoạt động trong khuôn khổ quy định của pháp luật.

5.3. Rủi ro đặc thù ngành

a) Rủi ro biến động giá cả nguyên liệu đầu vào

- Đối với hoạt động đầu tư xây dựng bất động sản:

Chi phí đầu tư có thể bị ảnh hưởng đáng kể bởi biến động giá của một số nguyên vật liệu đầu vào, nguyên nhân do mất cân bằng cung cầu trong và ngoài nước, các loại thuế và các nhân tố khác nằm ngoài kiểm soát của Công ty.



Các dự án bất động sản của Kosy đều có yêu cầu về cơ sở hạ tầng và một bộ phận xây thô. Việc nhà cung cấp/đối tác của Công ty không thể đáp ứng nhu cầu về nguyên vật liệu, trang thiết bị và các dịch vụ bảo dưỡng sẽ khiến chi phí hoạt động của công ty tăng, gây ảnh hưởng bất lợi đối với lợi nhuận biên của dự án, từ đó ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Đối với hoạt động thương mại:

Các nguyên vật liệu Công ty sử dụng chủ yếu là: thép ống các loại, thép xây dựng, vật liệu xây dựng.... Nguồn cung cấp nguyên vật liệu nói trên là từ các nhà cung cấp có uy tín trên thị trường, chất lượng và nguồn cung ứng tương đối ổn định. Thị trường cung cấp nguyên vật liệu phong phú, đa dạng. Bên cạnh đó, Công ty luôn tập trung tìm hiểu, phân tích và chủ động tìm kiếm thêm các nhà cung cấp nhằm đảm bảo nguồn cung cấp luôn ổn định về cả giá cả và chất lượng, hạn chế rủi ro biến động giá cả nguyên vật liệu.

b) Rủi ro đền bù giải phóng mặt bằng

Công tác đền bù giải phóng mặt bằng để có quỹ đất sạch là tiền đề cơ bản cho mọi dự án bất động sản. Với thực trạng ở Việt Nam hiện nay, tâm lý người dân vẫn còn nhiều e ngại với những phương án, chính sách đền bù của các công ty xây dựng, kinh doanh bất động sản. Trên thực tế, nhiều đơn vị thi công bị chậm tiến độ, thậm chí xin hủy dự án do công tác đền bù giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn: người dân không hợp tác, giá tiền bồi thường tăng cao vượt ngoài dự toán... Mặc dù pháp luật có những biện pháp cưỡng chế di dời người dân, tuy nhiên doanh nghiệp vẫn gặp rất nhiều khó khăn trong công tác này.

c) Rủi ro từ diễn biến bất lợi của thị trường bất động sản ở Việt Nam

Hoạt động kinh doanh bất động sản của Công ty phụ thuộc rất nhiều vào biến động của thị trường bất động sản Việt Nam. Nếu không có phương án dự phòng cụ thể, khi tình hình thị trường bất động sản diễn biến xấu, các dự án Công ty triển khai có thể bị chậm tiến độ, gây đọng vốn, tăng cao chi phí hoạt động và ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của Công ty.

d) Rủi ro cạnh tranh trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản

Trong hoạt động kinh doanh của mình, Công ty phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt từ các đối thủ cùng ngành. Các doanh nghiệp này có thể có những lợi thế cạnh tranh hơn so với Công ty xét trên các khía cạnh như quy mô, năng lực tài chính, uy tín và thương hiệu

như: APEC Group, Công ty Cổ phần Danko, Công ty Cổ phần Tập đoàn Bách Việt...

Sự cạnh tranh gay gắt giữa các công ty phát triển bất động sản về nguồn tài trợ, nguyên liệu thô, nguồn lao động và đội ngũ quản lý có kỹ năng có thể làm gia tăng chi phí và giảm giá bất động sản, qua đó có ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động kinh doanh, triển vọng, điều kiện tài chính và kết quả hoạt động của Công ty. Do vậy, để tăng tính cạnh tranh và xây dựng vị thế thương hiệu, Công ty đã và đang định hướng phát triển đến phân khúc thị trường được các nhà đầu tư quan tâm và yêu thích; tập trung vào bán đất nền để quay vòng vốn nhanh,

e) Rủi ro về khả năng huy động vốn

Đa số doanh nghiệp bất động sản Việt Nam vừa và nhỏ hiện nay phát triển chủ yếu dựa trên vốn vay ngân hàng, một bộ phận nhỏ huy động thêm từ thị trường chứng khoán. Trong khi đó, Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách hạn chế dòng vốn vay cho thị trường bất động sản, tốc độ tăng trưởng tín dụng giảm khiến các doanh nghiệp gặp khó khăn nhất định. Không phải đến bây giờ Ngân hàng Nhà nước mới siết chặt nguồn tín dụng bất động sản mà từ đầu năm 2020, với việc thắt chặt cho vay của bất động sản, để hạn chế rủi ro, Công ty luôn cập nhật thay đổi trong các chính sách tín dụng, đồng thời chủ động triển khai các dự án của mình bằng nguồn vốn tự có trước khi dùng nguồn huy động.

f) Rủi ro về tiến độ thực hiện dự án

Rủi ro về tiến độ thực hiện dự án hợp trong từng thời kỳ, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án có thể kể đến như: Các thủ tục pháp lý; Tiến độ giải phóng mặt bằng; Rủi ro về các chính sách tín dụng đối với bất động sản.

Trường hợp tiến độ thực hiện dự án bị chậm trễ sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến kế hoạch doanh thu lợi nhuận và dòng tiền hoạt động của doanh nghiệp. Do vậy, để hạn chế rủi ro này, Công ty thành lập các Ban quản lý riêng cho từng dự án. Các ban có chuyên môn hóa sâu, có bộ máy đủ năng lực, trình độ, kinh nghiệm, luôn chú trọng, sâu sát tiến độ thực hiện để kiểm soát trước những yếu tố rủi ro và đưa ra các biện pháp khắc phục kịp thời.

g) Rủi ro đối với các dự án mục tiêu

Để đảm bảo cho hoạt động kinh doanh diễn ra thường xuyên và liên tục, các doanh nghiệp bất động sản luôn phải tìm kiếm các dự án tiềm năng mới phù hợp với năng lực của Công ty và mang tính chất gối đầu nhau.



Mục tiêu của Công ty hướng đến các dự án bất động sản ở tỉnh có vị trí chiến lược, giao thông hạ tầng tốt, Công ty đã thực hiện triển khai các dự án có quy mô lớn ở: Hà Nam, Ninh Bình, Thái Nguyên, ... Trong thời gian tới, Công ty sẽ chính thức bước chân vào thị trường Hà Nội với dự án Công ty Đông Anh tại phía Bắc Cầu Nhật Tân, Hà Nội và các dự án năng lượng tái tạo khác về điện gió, điện mặt trời, điện tích năng, ... Đây đều là những dự án rất tiềm năng sẽ là mục tiêu của Công ty trong trung và dài hạn. Tuy nhiên, quá trình chờ đợi các cấp có thẩm quyền tiến hành phê duyệt thực hiện dự án có thể xảy ra rủi ro cho Công ty không được trở thành chủ đầu tư của dự án đó. Ngoài ra, công tác giải phóng mặt bằng, đền bù đất đai và các thủ tục hành chính kéo dài cũng ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện của các dự án.

h) Rủi ro biến động giá chứng khoán

Việc đăng ký niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh giúp Công ty Cổ phần Kosy nâng cao hình ảnh thương hiệu, tạo điều kiện thuận lợi trong việc mở rộng hợp tác với các đối tác chiến lược. Nhờ vào việc niêm yết, Công ty sẽ có điều kiện tăng cường minh bạch thông tin hoạt động kinh doanh, cải thiện quy trình quản trị, qua đó gia tăng lợi nhuận cũng như giá trị của cổ phiếu của Công ty Cổ phần Kosy trên thị trường. Tuy nhiên, rủi ro biến động giá cổ phiếu trên thị trường chứng khoán là điều không tránh khỏi. Giá chứng khoán trên thị trường được quyết định bởi nhiều yếu tố, trong đó tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của tổ chức niêm yết chỉ là một trong các yếu tố tác động. Giá chứng khoán biến động có thể do: cung - cầu cổ phiếu, tình hình kinh tế - xã hội, sự thay đổi quy định pháp luật về chứng khoán, yếu tố tâm lý của nhà đầu tư... Sự biến động giá cổ phiếu có thể gây ảnh hưởng đến thương hiệu, giá trị, tâm lý của các khách hàng của Công ty. Để hạn chế rủi ro biến động cổ phiếu, Công ty không ngừng nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp, thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin đầy đủ kịp thời, cung cấp thông tin trung thực của Công ty tới các nhà đầu tư.



5.4. Rủi ro về môi trường, thiên tai, dịch bệnh và các rủi ro khác

Các rủi ro bất khả kháng như thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh trong khu vực và trên thế giới đều có thể gây ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Đặc biệt, với việc dịch SARS-CoV-2 bùng phát ở thành phố Vũ Hán và bắt đầu lây lan nhanh chóng sau đó, trở thành một đại dịch toàn cầu đã gây ra những ảnh hưởng nặng nề về kinh tế xã hội cũng như tính mạng con người. Kinh tế toàn cầu đình trệ, các Doanh nghiệp đóng cửa, tái cơ cấu, hoạt động cầm chừng, phá sản hay giải thể ... không còn xa lạ trong khoảng thời gian này. Những rủi ro đó sẽ có thể gây thiệt hại về con người, tài sản của Công ty hoặc làm cho số lượng khách hàng của Công ty bị giảm sút và các thị trường tiềm năng có thể mất ổn định. Những rủi ro này dù ít hay nhiều cũng sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, các bất ổn về kinh tế, xã hội cũng có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Để hạn chế rủi ro, Công ty thường thu thập, nắm bắt kịp thời thông tin về những diễn biến tình hình kinh tế, chính trị, xã hội và dịch bệnh của Việt Nam cũng như các thế giới để lên kế hoạch điều hành Công ty một cách tối ưu, cơ cấu lại quy mô đầu tư của các sản phẩm, dịch vụ mà Công ty đang cung cấp cho phù hợp với nhu cầu thực tế của thị trường.

5.5. Các hoạt động quản trị rủi ro

Rủi ro xuất phát từ quản trị yếu kém là rủi ro tiềm ẩn, nhưng có thể ảnh hưởng lớn đến sự phát triển lâu dài và bền vững của một doanh nghiệp, gây thiệt hại cho cổ đông như rủi ro về quản trị tài sản và nguồn vốn, rủi ro về nguồn nhân lực, rủi ro về quy trình và hệ thống... Tuy nhiên, Công ty đã luôn chủ động giảm thiểu tối đa các rủi ro về quản trị Công ty thông qua việc tăng cường xây dựng tính hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro, tuân thủ đúng các quy định và chuẩn mực về quản trị công ty đối với công ty đại chúng niêm yết, thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo về kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ và kế toán,...

Để đối phó với những bất ổn về tình hình kinh tế - xã hội nói chung, Hội đồng quản trị Công ty đã chỉ đạo Ban điều hành, Phòng/Ban liên quan chủ động linh hoạt, chủ động trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Để kịp thời ứng phó với các rủi ro tác động khách quan trên, Ban lãnh đạo Công ty luôn theo sát và cập nhật liên tục diễn biến và tình hình kinh tế vĩ mô nhằm kịp thời nhận diện cơ hội lẫn thách thức để xây dựng chiến lược và kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp, giảm thiểu tác động các rủi ro thị trường.

02 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2022

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

Trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục rơi vào tình trạng bất ổn, lạm phát, nhu cầu tiêu dùng trên toàn thế giới giảm mạnh, ảnh hưởng đến sản xuất và xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam. Cùng với đó là xu hướng tăng lãi suất, chính sách thắt chặt tiền tệ, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng đã và đang chịu tác động lớn, Ban lãnh đạo luôn theo sát những diễn biến của thị trường và triển khai nhiều giải pháp điều hành linh hoạt nhằm ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh và cố gắng hoàn thành các chỉ tiêu đề ra.

Sau đây là chi tiết kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2022.

Đơn vị: Đồng

STT	Các chỉ tiêu	Số tiền (Đồng)
1	Tổng doanh thu	1.378.908.181.799
1.1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.343.460.401.347
1.2	Doanh thu hoạt động tài chính	35.419.302.790
1.3	Thu nhập khác	28.477.662
2	Tổng chi phí	1.346.525.433.239
2.1	Giá vốn hàng bán	1.196.808.073.642
2.2	Chi phí tài chính	98.887.823.915
2.3	Chi phí bán hàng	2.570.171.827
2.4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	42.443.187.798
2.5	Chi phí khác	5.816.176.057
3	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	32.382.748.560
4	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	21.830.001.290
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	100,33

Trước những cố gắng của Ban lãnh đạo nói riêng, toàn thể cán bộ nhân viên nói chung, lợi nhuận trước thuế của Công ty vẫn tăng trưởng so với năm 2021. Việc phát triển các dự án mới gặp nhiều khó khăn do những quy định về đất đai, vướng mắc trong khâu giao đất, thủ tục hưởng đền bù giải phóng mặt bằng... Các địa phương gặp khó khăn trong việc xác định giá đất, tính tiền sử dụng đất ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện cũng như hoàn thiện hồ sơ pháp lý cho các dự án Bất động sản kéo theo sự sụt giảm đáng kể doanh thu và chi phí bán hàng đối với hoạt động này. Tuy nhiên, hoạt động kinh doanh thương mại năm 2022 của Công ty có những ảnh hưởng tích cực trước biến động của thị trường vật liệu xây dựng trong nước và quốc tế. Giá vật liệu xây dựng gia tăng dẫn đến thúc đẩy hoạt động kinh doanh của Công ty cả về số lượng đơn hàng và lợi nhuận.

1.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch đặt ra

Đứng trước những khó khăn do tình hình kinh tế- xã hội có nhiều biến động toàn thể cán bộ nhân viên và Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Kosy đã nỗ lực thực hiện đồng bộ các chiến lược và hành động quyết liệt nhằm giữ ổn định doanh thu, góp phần hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch do ĐHĐCĐ giao phó.

Đơn vị: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ % đạt được
1	Tổng doanh thu	1.600.000.000.000	1.343.460.401.347	83,97%
2	Lợi nhuận sau thuế	220.000.000.000	21.830.001.290	9,92%
3	Cổ tức dự kiến	10%	0%	

Tổng doanh thu công ty đạt 1.343,46 tỷ đồng, đạt 83,97% so với kế hoạch đề ra, trong đó Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2022 đạt 1.281,65 tỷ đồng, doanh thu kinh doanh bất động sản đạt 61,81 tỷ đồng, doanh thu hoạt động tài chính đạt 35,42 tỷ đồng và thu nhập khác 28,48 triệu đồng.

Năm 2022, tình hình kinh tế- xã hội có nhiều biến động gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đặc biệt là hoạt động kinh doanh Bất động sản. Để phấn đấu thực hiện kế hoạch Doanh thu đề ra, Ban lãnh đạo Công ty đã đưa ra nhiều biện pháp, chính sách bán hàng phù hợp đồng thời tích cực xử lý nhưng tồn đọng trong năm đã dẫn tới Lợi nhuận sau thuế năm 2022 đạt 21,83 tỷ đồng, tương đương tỷ lệ hoàn thành 9,92% so với kế hoạch đề ra.

KẾT QUẢ SXKD SO SÁNH VỚI CÁC NĂM LIỀN KỀ

Đơn vị: Đồng

STT	Các chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng/giảm so với năm 2020
1	Tổng doanh thu	1.154.316.062.919	1.378.908.181.799	19,46%
1.1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.106.568.127.246	1.343.460.401.347	21,41%
1.2	Doanh thu hoạt động tài chính	47.603.967.767	35.419.302.790	-25,60%
1.3	Thu nhập khác	143.967.906	28.477.662	-80,22%
2	Tổng chi phí	1.123.944.612.543	1.346.525.433.239	19,80%
2.1	Giá vốn hàng bán	1.056.061.985.100	196.808.073.642	13,33%
2.2	Chi phí tài chính	25.912.900.410	98.887.823.915	281,62%
2.3	Chi phí bán hàng	4.026.026.326	2.570.171.827	-36,16%
2.4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25.142.521.192	42.443.187.798	68,81%
2.5	Chi phí khác	12.801.179.515	5.816.176.057	-54,57%
3	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	30.371.450.376	32.382.748.560	6,62%
4	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	22.554.212.077	21.830.001.290	-3,21%
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	137,48	100,33	-27,02%

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2022 tăng 236,89 tỷ đồng tương ứng tăng 21,41% so với năm 2021. Sự gia tăng của doanh thu kéo theo sự gia tăng của chi phí. Cụ thể: Giá vốn hàng bán đạt 1.196,81 tỷ đồng tăng 140,72 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ 13,33%, chi phí quản lý doanh nghiệp đạt 42,44 tỷ đồng tăng 17,3 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ 68,81%, chi phí tài chính đạt 98,89 tỷ đồng tăng 72,97 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ 281,62%. Tuy nhiên, chi phí bán hàng và chi phí khác giảm do trong năm chi phí bán hàng cho hoạt động kinh doanh bất động sản và các khoản tài trợ, ủng hộ của Công ty giảm. Cụ thể, Chi phí bán hàng đạt 2,57 tỷ đồng giảm 1,46 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ 36,16% và chi phí khác đạt 5,82 tỷ đồng giảm 6,96 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ 54,57% so với năm 2021.

Doanh thu hoạt động tài chính năm 2022 đạt 35,42 tỷ đồng giảm 25,6% tương đương số tiền là 12,18 tỷ đồng do lãi chuyển nhượng các khoản đầu tư trong kỳ giảm.

Lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2022 đạt 32,38 tỷ, tăng 2,01 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ tăng 6,62% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2022 đạt 21,83 tỷ, giảm 724,21 triệu tương ứng tỷ lệ giảm 3,21% so với năm 2021. Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành năm 2022 tăng so với năm 2021 cùng với sự giảm của lợi nhuận sau thuế năm 2022 so với năm 2021 dẫn đến chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2022 của Công ty đạt 100,33 đồng/CP giảm 27,02% so với cùng kỳ năm trước.

2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

2.1. Những thay đổi trong ban điều hành năm 2022

- Căn cứ Quyết định số: 15/KOSY-QĐ ngày 28/02/2022 về việc miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc đối với ông Lương Hồng Phong;
- Căn cứ Quyết định số: 16/KOSY-QĐ ngày 28/02/2022 về việc miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc của đối với Nguyễn Tiến Hoàn;
- Căn cứ Quyết định số: 17/KOSY-QĐ ngày 28/02/2022 về việc miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc đối với bà Phùng Thị Hải Vân;
- Căn cứ Quyết định số: 18/QĐ-HĐQT ngày 01/03/2022 về việc bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính đối với ông Nguyễn Tiến Nam;
- Căn cứ Nghị quyết HĐQT số: 14/2022/NQ-HĐQT/KOS ngày 23/05/2022 về việc:
 - Bổ nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT đối với ông Nguyễn Việt Cường;
 - Bổ nhiệm chức danh Phó Chủ tịch HĐQT đối với bà Nguyễn Thị Hằng.
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 20/05/2022, Công ty đã thực hiện:
 - Bổ nhiệm chức danh Thành viên BKS đối với ông Hà Việt Hùng;
 - Tái bổ nhiệm chức danh Thành viên BKS đối với bà Trần Thị Thu Hà;
 - Tái bổ nhiệm chức danh Thành viên BKS đối với bà Trần Thị Thu Hoài;
 - Tái bổ nhiệm chức danh Thành viên HĐQT đối với ông Nguyễn Việt Cường;
 - Tái bổ nhiệm chức danh Thành viên HĐQT đối với bà Nguyễn Thị Hằng;
 - Tái bổ nhiệm chức danh Thành viên HĐQT đối với bà Nguyễn Thị Phương Thảo;
 - Tái bổ nhiệm chức danh Thành viên HĐQT đối với ông Đỗ Quốc Việt;
 - Tái bổ nhiệm chức danh Thành viên HĐQT độc lập đối với bà Trần Thị Kim Oanh;
 - Tái bổ nhiệm chức danh Thành viên HĐQT độc lập đối với ông Nguyễn Công Khánh;
 - Tái bổ nhiệm chức danh Thành viên HĐQT độc lập đối với ông Tạ Ngọc Sơn.
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 ngày 05/09/2022, Công ty đã thực hiện:
 - Miễn nhiệm chức danh Thành viên HĐQT đối với bà Nguyễn Thị Phương Thảo;
 - Miễn nhiệm chức danh Thành viên HĐQT độc lập đối với bà Trần Thị Kim Oanh;

- Căn cứ Biên bản họp BKS số: 04/BB-BKS/KOS ngày 29/08/2022 về việc bầu Trưởng BKS đối với ông Hà Việt Hùng;

- Căn cứ Nghị quyết HĐQT số: 16/2022/NQ-HĐQT/KOS ngày 07/06/2022 về việc tái bổ nhiệm các vị trí sau:
- Tái bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc thường trực đối với ông Nguyễn Đức Diệp;
 - Tái bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc phụ trách khu vực Tây Bắc đối với bà Nguyễn Thị Phương Thảo;
 - Miễn nhiệm chức danh Kế toán trưởng đối với bà Phạm Thị Thắng;
 - Bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng đối với ông Nguyễn Quốc Hưng.

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

STT	Họ và tên	Chức vụ
I	Hội đồng quản trị	
1	Nguyễn Việt Cường	Chủ tịch HĐQT
2	Nguyễn Thị Hằng	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Nguyễn Thị Phương Thảo	Thành viên HĐQT miễn nhiệm ngày 05/09/2022
4	Đỗ Quốc Việt	Thành viên HĐQT
5	Trần Thị Kim Oanh	Thành viên HĐQT độc lập miễn nhiệm ngày 05/09/2022
6	Nguyễn Công Khánh	Thành viên HĐQT độc lập
7	Tạ Ngọc Sơn	Thành viên HĐQT độc lập
II	Ban Tổng Giám đốc	
1	Nguyễn Đức Diệp	Phó Tổng Giám đốc thường trực
2	Nguyễn Thị Phương Thảo	Phó Tổng Giám đốc phụ trách khu vực Tây Bắc
3	Nguyễn Đức Doanh	Phó Tổng Giám đốc phụ trách thủy điện (1)
4	Đỗ Quốc Việt	Phó Tổng Giám đốc
5	Hà Sỹ Dinh	Phó Tổng Giám đốc
6	Nguyễn Việt Thung	Phó Tổng Giám đốc
7	Nguyễn Tiến Nam	Phó Tổng Giám đốc (2)
8	Nguyễn Tiến Hoàn	Phó Tổng Giám đốc miễn nhiệm ngày 01/03/2022
9	Phùng Thị Hải Vân	Phó Tổng Giám đốc miễn nhiệm ngày 01/03/2022
10	Lương Hồng Phong	Phó Tổng Giám đốc miễn nhiệm ngày 01/03/2022
III	Ban Kiểm soát	
1	Nguyễn Quốc Hưng	Trưởng Ban miễn nhiệm ngày 20/05/2022
2	Trần Thị Thu Hà	Kiểm soát viên
3	Trần Thị Thu Hoài	Kiểm soát viên
4	Hà Việt Hùng	Trưởng ban bổ nhiệm ngày 29/08/2022
IV	Kế toán trưởng	
1	Phạm Thị Thắng	Kế toán trưởng miễn nhiệm ngày 07/06/2022
2	Nguyễn Quốc Hưng	Kế toán trưởng bổ nhiệm ngày 07/06/2022

Ghi chú:

(1) Theo Quyết định của HĐQT số 01/KOSY-QĐ ngày 06/03/2023 đã miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính đối với ông Nguyễn Tiến Nam;

(2) Theo Quyết định của HĐQT số 02/2023/NQ-HĐQT/KOS ngày 14/03/2023 đã miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc phụ trách Thủy điện đối với ông Nguyễn Đức Doanh;

2.2. Tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu

DANH SÁCH HĐQT



Ông
NGUYỄN VIỆT CƯỜNG
Chủ tịch Hội đồng quản trị

- + Họ và tên: NGUYỄN VIỆT CƯỜNG
- + Giới tính: Nam
- + Ngày sinh: 23/8/1976
- + Quốc tịch: Việt Nam
- + Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Kinh tế
- + Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện pháp luật
- + Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức khác:
 - Chủ tịch HĐQT kiêm Đại diện theo pháp luật của CTCP tư vấn đầu tư xây dựng thủy điện
 - Chủ tịch HĐQT kiêm Đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Điện gió Kosy Bạc Liêu
 - Chủ tịch HĐQT kiêm TGD, người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Đầu tư Leo Regulus
 - Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Đầu tư Địa ốc Kosy

Số cổ phần nắm giữ tại kỳ chốt DSCĐ gần nhất:

101.640.000 cổ phần

Tỷ lệ 46,95%

Ghi chú:

Theo báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu gần nhất của ông Nguyễn Việt Cường, sau khi hoàn thành giao dịch, số lượng cổ phiếu nắm giữ tại ngày 14/03/2023 là 86.640.000 cổ phần, chiếm 40,02% vốn điều lệ.



Bà
NGUYỄN THỊ HẰNG
Phó chủ tịch Hội đồng quản trị

- + Họ và tên: NGUYỄN THỊ HẰNG
- + Giới tính: Nữ
- + Ngày sinh: 06/12/1983
- + Quốc tịch: Việt Nam
- + Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- + Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
- + Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức khác:
 - Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc kiêm Đại diện theo pháp luật của CTCP đầu tư phát triển hạ tầng Đông Tây
 - Thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Đầu tư Leo Regulus
 - Thành viên Hội đồng thành viên của Công ty TNHH Đầu tư Địa ốc Kosy

Số cổ phần nắm giữ tại kỳ chốt DSCĐ gần nhất:

18.898.054 cổ phần

Tỷ lệ 8,73%

Ghi chú:

Theo báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu gần nhất của bà Nguyễn Thị Hằng, sau khi hoàn thành giao dịch, số lượng cổ phiếu nắm giữ tại ngày 14/03/2023 là 13.898.054 cổ phần, chiếm 6,42% vốn điều lệ.



Ông **ĐỖ QUỐC VIỆT**
Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên: ĐỖ QUỐC VIỆT
+ Giới tính: Nam
+ Ngày sinh: 02/09/1974
+ Quốc tịch: Việt Nam
+ Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
+ Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Tổng giám đốc
+ Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ tại kỳ chốt DSCĐ gần nhất:

0 cổ phần
Tỷ lệ 0,00%

Ghi chú:

Theo báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu gần nhất của ông Đỗ Quốc Việt, sau khi hoàn thành giao dịch, số lượng cổ phiếu nắm giữ tại ngày 21/12/2022 là 45.000 cổ phần, chiếm 0,02% vốn điều lệ.



Ông **NGUYỄN CÔNG KHÁNH**
Thành viên Hội đồng quản trị

+ Họ và tên: NGUYỄN CÔNG KHÁNH
+ Giới tính: Nam
+ Ngày sinh: 31/7/1976
+ Quốc tịch: Việt Nam
+ Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật
+ Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị độc lập
+ Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức khác: Phó Giám đốc Công ty TNHH Luật Hồng Việt

Số cổ phần nắm giữ tại kỳ chốt DSCĐ gần nhất:

0 cổ phần
Tỷ lệ 0,00%



Ông **TẠ NGỌC SƠN**
Thành viên Hội đồng quản trị

+ Họ và tên: TẠ NGỌC SƠN
+ Giới tính: Nam
+ Ngày sinh: 22/09/1971
+ Quốc tịch: Việt Nam
+ Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật
+ Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị độc lập
+ Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức khác: Giám đốc tại Công ty TNHH Niềm tin Công Lý

Số cổ phần nắm giữ tại kỳ chốt DSCĐ gần nhất:

21.000 cổ phần
Tỷ lệ 0,01%

DANH SÁCH BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông **NGUYỄN ĐỨC DIỆP**

Phó Tổng Giám đốc Thường trực

- + Họ và tên: NGUYỄN ĐỨC DIỆP
- + Giới tính: Nam
- + Ngày sinh: 05/6/1970
- + Quốc tịch: Việt Nam
- + Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Kinh tế
- + Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc thường trực
- + Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ tại kỳ chốt DSCĐ gần nhất:

176.611 cổ phần

Tỷ lệ 0,08%

Ghi chú:

Theo báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu gần nhất của ông Nguyễn Đức Diệp, sau khi hoàn thành giao dịch, số lượng cổ phiếu nắm giữ tại ngày 21/12/2022 là 239.111 cổ phần, chiếm 0,11% vốn điều lệ.



Bà **NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO**

Phó Tổng Giám đốc phụ trách khu vực Tây Bắc

- + Họ và tên: NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO
- + Giới tính: Nữ
- + Ngày sinh: 21/10/1978
- + Quốc tịch: Việt Nam
- + Trình độ chuyên môn: Cử nhân
- + Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc phụ trách khu vực Tây Bắc
- + Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ tại kỳ chốt DSCĐ gần nhất:

7.225.000 cổ phần

Tỷ lệ 3,34%

Ghi chú:

Theo báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu gần nhất của ông Nguyễn Đức Diệp, sau khi hoàn thành giao dịch, số lượng cổ phiếu nắm giữ tại ngày 21/12/2022 là 239.111 cổ phần, chiếm 0,11% vốn điều lệ.



Ông **ĐỖ QUỐC VIỆT**

Phó Tổng Giám đốc

Nhu đã nêu ở mục Thành viên Hội đồng quản trị



Ông **HÀ SỸ DINH**

Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: HÀ SỸ DINH
+ Giới tính: Nam
+ Ngày sinh: 08/12/1979
+ Quốc tịch: Việt Nam
+ Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kỹ thuật
+ Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Tổng giám đốc
+ Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức khác: Tổng giám đốc tại Công ty cổ phần đầu tư năng lượng sạch Điện Biên

Số cổ phần nắm giữ tại kỳ chốt DSCĐ gần nhất:

0 cổ phần

Tỷ lệ 0,00%

Ghi chú:

Theo báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu gần nhất của ông Hà Sỹ Dinh, sau khi hoàn thành giao dịch, số lượng cổ phiếu nắm giữ tại ngày 21/12/2022 là 30.000 cổ phần, chiếm 0,01% vốn điều lệ.



Ông **NGUYỄN VIỆT THUNG**

Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: NGUYỄN VIỆT THUNG
+ Giới tính: Nam
+ Ngày sinh: 26/06/1974
+ Quốc tịch: Việt Nam
+ Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị hệ thống thông tin KD
+ Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Tổng giám đốc
+ Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ tại kỳ chốt DSCĐ gần nhất:

0 cổ phần

Tỷ lệ 0,00%

Ghi chú:

Theo báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu gần nhất của ông Nguyễn Việt Thung, sau khi hoàn thành giao dịch, số lượng cổ phiếu nắm giữ tại ngày 23/12/2022 là 123.000 cổ phần, chiếm 0,06% vốn điều lệ.

DANH SÁCH BAN KIỂM SOÁT



Ông **HÀ VIỆT HÙNG**

Trưởng Ban kiểm soát

- + Họ và tên: HÀ VIỆT HÙNG
- + Giới tính: Nam
- + Ngày sinh: 16/02/1992
- + Quốc tịch: Việt Nam
- + Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính – Ngân hàng
- + Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Trưởng Ban kiểm soát
- + Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ tại kỳ chốt DSCĐ gần nhất:

0 cổ phần
Tỷ lệ 0,00%



Bà **TRẦN THỊ THU HÀ**

Thành viên Ban Kiểm soát

- + Họ và tên: TRẦN THỊ THU HÀ
- + Giới tính: Nữ
- + Ngày sinh: 08/6/1983
- + Quốc tịch: Việt Nam
- + Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- + Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên Ban Kiểm soát
- + Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ tại kỳ chốt DSCĐ gần nhất:

0 cổ phần
Tỷ lệ 0,00%

Ghi chú:

Theo báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu gần nhất của bà Trần Thị Thu Hà, sau khi hoàn thành giao dịch, số lượng cổ phiếu nắm giữ tại ngày 30/12/2022 là 90.000 cổ phần, chiếm 0,04% vốn điều lệ.



Bà **TRẦN THỊ THU HOÀI**

Thành viên Ban Kiểm soát

- + Họ và tên: TRẦN THỊ THU HOÀI
- + Giới tính: Nữ
- + Ngày sinh: 10/12/1985
- + Quốc tịch: Việt Nam
- + Trình độ chuyên môn: Cử nhân
- + Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên Ban Kiểm soát
- + Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ tại kỳ chốt DSCĐ gần nhất:

0 cổ phần
Tỷ lệ 0,00%

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Ông **NGUYỄN QUỐC HUNG**

Kế toán trưởng

- + Họ và tên: NGUYỄN QUỐC HUNG
- + Giới tính: Nam
- + Ngày sinh: 04/09/1989
- + Quốc tịch: Việt Nam
- + Trình độ chuyên môn: Cử nhân
- + Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Kế toán trưởng
- + Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ tại kỳ chốt DSCĐ gần nhất:

0 cổ phần
Tỷ lệ 0,00%

Ghi chú:

Theo báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu gần nhất của ông Nguyễn Quốc Hung, sau khi hoàn thành giao dịch, số lượng cổ phiếu nắm giữ tại ngày 13/02/2023 là 375.000 cổ phần, chiếm 0,17% vốn điều lệ.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển của Công ty, Vì vậy Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình. Tính đến ngày 31/12/2022, số lượng cán bộ nhân viên chính thức của Công ty là 67 người.

STT	Cơ cấu nhân sự	Số người	Tỷ lệ (%)
I	Phân loại theo loại hợp đồng	67	100,00
1	Hợp đồng không xác định thời hạn	25	37.31%
2	Hợp đồng từ 12-36 tháng	42	62.69%
3	Hợp đồng thử việc	0	0.00%
II	Phân loại theo giới tính	67	100,00
1	Nam	44	65.67%
2	Nữ	23	34.33%
III	Phân theo trình độ lao động	67	100,00
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	56	83.58%
2	Trình độ Cao đẳng và trung cấp	11	16.42%
3	Trình độ phổ thông	0	0.00%

NHỮNG CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

- Chế độ làm việc:

+ **Thời gian làm việc:** Đảm bảo tuân thủ quy định của Bộ luật lao động, thời gian làm việc là 8h/ngày, 5 ngày/tuần, nghỉ trưa 1h. Khi có yêu cầu về tiến độ kinh doanh thì nhân viên Công ty có thể làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của pháp luật và đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động.

+ **Văn phòng làm việc:** được thiết kế thoáng mát, trang bị đầy đủ thiết bị làm việc hiện đại.

- Chính sách tuyển dụng, đào tạo:

+ **Tuyển dụng:** Mục tiêu của Công ty là thu hút người lao động có trình độ, kỹ năng, kinh nghiệm cho vị trí cần tuyển dụng và có tư cách đạo đức tốt, có nguyện vọng gắn bó lâu dài với Công ty. Những lao động đảm nhận vị trí cao được Công ty lựa kỹ càng nhằm đáp ứng được năng lực trình độ và kinh nghiệm theo yêu cầu của công việc.

+ **Đào tạo:** Chính sách đào tạo của Công ty phải đảm bảo nguyên tắc nguồn lực ổn định và lâu dài đảm bảo cân đối giữa gián tiếp và trực tiếp. Đề cao tính chuyên nghiệp, năng động trong các hoạt động của mình, Công ty luôn chú trọng đầu tư đào tạo cho nhân viên, đặc biệt là các kỹ năng về marketing và phát triển bền vững.

- Bảo hiểm và phúc lợi:

Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Công ty và pháp luật về lao động. Công ty luôn quan tâm đến đời sống của cán bộ nhân viên. Các chế độ bảo hiểm cho người lao động được Công ty thực hiện theo Luật lao động. Các ngày lễ, tết... Công ty luôn tổ chức đi tham quan, nghỉ mát định kỳ cho CBCNV trong Công ty.



- Chính sách lương, thưởng, phúc lợi:

+ **Chính sách lương:** Công ty thực hiện chi trả lương cho nhân viên dựa vào cấp công việc, năng lực, bằng cấp, thang bảng lương và điều kiện kinh doanh của Công ty và hàng tháng được chi trả một lần và thời gian từ ngày 01 đến ngày 10 hàng tháng. Việc nâng lương hàng năm được thực hiện theo quy định của pháp luật.

+ **Chính sách thưởng:** Nhằm khuyến khích động viên cán bộ nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc, hàng quý, hàng năm Công ty đều tổ chức đánh giá các cá nhân, tập thể và khen thưởng kịp thời đối với các nhân và tập thể có nhiều đóng góp xây dựng cho Công ty cũng như các sáng kiến làm tăng hiệu quả công việc. Bên cạnh đó, Công ty cũng đã xử lý, kỷ luật thích đáng những cá nhân gây ra những thiệt hại liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư tài chính lớn

Trong năm 2022, các khoản đầu tư tài chính lớn của Công ty Cổ phần Kosy bao gồm:

STT	Tên Công ty	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu
1	CTCP Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thủy điện	514.500.000.000	98,0%
2	CTCP Điện gió Kosy Bạc Liêu	221.324.400.000	19,8%
Tổng cộng		735.824.400.000	

3.2. Các khoản đầu tư dự án lớn

Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Kosy là kinh doanh bất động sản, phát triển khu đô thị quy mô lớn. Hiện tại, Công ty đang thực hiện các dự án cụ thể như sau:

Tên dự án	Tổng diện tích (m2)	Tổng đầu tư (tỷ đồng)
Tiểu khu đô thị số 17, Khu đô thị mới Lào Cai - Cam Đường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai	380.000	1.419,700
Khu dân cư đô thị Kosy Cầu Gồ - Bắc Giang	88.701	93,450
Khu đô thị Kosy Sông Công	387.800	296,000
Khu đô thị mới Kosy Bắc Giang	24.33	277,673
Khu đô thị Kosy Gia Sàng	143.558	233,809
Kosy Hà Nam (Dự án Đầu tư xây dựng Khu nhà ở đô thị Kosy Hà Nam tại xã Duy Hải, huyện Duy Tiên)	229.431	77.116
Kosy Ninh Bình (Dự án Khu đô thị mới phía Bắc, tiểu khu IX, thuộc xã Ninh Nhất, thành phố Ninh Bình và xã Ninh Mỹ, huyện Hoa Lu)	407.043	144.940
Kosy - Gia Sàng 2 (Dự án Khu đô thị số 11, phường Gia Sàng, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên)	196.340	77.808
Tiểu khu đô thị mới số 16, thành phố Lào Cai	418.400	1.842
Khu nhà ở thương mại Đá Lả, thị trấn Quán Hàu, huyện Quảng Ninh	65.000	285

3.2.1 DỰ ÁN TIỂU KHU ĐÔ THỊ SỐ 17, KHU ĐÔ THỊ MỚI LÀO CAI – CAM ĐƯỜNG, THÀNH PHỐ LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI

TỔNG QUAN

+ Địa điểm: Phường Bình Minh và phường Bắc Lệnh, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai
+ Quy mô sử dụng đất: 38 ha
+ Quy mô về dân số khoảng: 6.000 người
+ Tổng mức đầu tư dự kiến: 1.419,7 tỷ đồng
+ Số lô đất xây dựng nhà liền kề: 927;
diện tích: 80 - 100m²/lô

+ Số lô đất xây dựng nhà biệt thự: 146;
diện tích: 200 - 450m²/lô
+ Số lô nhà vườn: 05 lô; diện tích: 500 - 650m²/lô
+ Đất hành chính: 2.4802 m²
+ Đất văn hóa – thể dục thể thao: 2.290 m²
+ Đất giáo dục: 4.625m² m²
+ Đất giao thông & hạ tầng kỹ thuật khác: 171.028 m²



CƠ SỞ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Thành phố Lào Cai chưa có nhiều khu dân cư được quy hoạch và xây dựng hạ tầng đồng bộ nên thị trường bất động sản thành phố còn thiếu những sản phẩm có chất lượng tốt để đáp ứng nhu cầu ngày càng lớn của người dân.

Khu đô thị Kosy - Lào Cai được xây dựng ở điểm đầu tuyến cao tốc Lào Cai - Hà Nội, là cửa ngõ dẫn vào trung tâm thành phố và ở ngay cạnh trung tâm hành chính mới của tỉnh.

+ Phía Đông Bắc giáp khu nhà ở Thương mại - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị HUD8 (đại lý Trần Hưng Đạo);
+ Phía Đông Nam giáp khu dân cư phố Hoàng Sào;
+ Phía Tây Bắc giáp suối cầu Bắc Lệnh;
+ Phía Tây Nam giáp các khu chức năng sau đường Hoàng Văn Thụ.

Tiểu khu đô thị cách: Bệnh viện đa khoa tỉnh 1,5 km; Trường Cao đẳng Su phạm 0,7 km; Trung tâm thể thao văn hóa 0,5 km; Quảng trường trung tâm 1,5 km; Trụ sở Tỉnh ủy 1,5 km, rất thuận tiện cho việc đi lại, kết nối với các khu chức năng xung quanh. Đây

là khu vực có trình độ dân trí cao, kinh tế - xã hội phát triển, cơ sở hạ tầng được quy hoạch đồng bộ, hiện đại đáp ứng đầy đủ nhu cầu về công việc, sinh hoạt và giải trí của người dân.

Giá bán được đề xuất cho 1m² chủ đầu tư được phép kinh doanh là phù hợp với khả năng của phần lớn người dân trên địa bàn thành phố Lào Cai, các khu vực lân cận với các dự án và các địa phương khác trong tỉnh Lào Cai, đặc biệt là cán bộ, nhân viên đang làm việc tại các sở, ban, ngành, các tổ chức, doanh nghiệp... trên địa bàn tỉnh.

Công ty Cổ phần Kosy – chủ đầu tư dự án đã lựa chọn những đơn vị có năng lực thi công với phương án linh hoạt, đảm bảo chất lượng và chi phí hợp lý nên hạ được giá thành, giá đất đưa ra thị trường có tính cạnh tranh cao so với các dự án khác trên địa bàn.

Với những ưu điểm nổi bật nói trên, đất tại Dự án Khu đô thị Kosy – Lào Cai được đánh giá có khả năng tiêu thụ mạnh, có sức cạnh tranh lớn trên thị trường. Đây là cơ hội kinh doanh thuận lợi, chắc chắn sẽ đem lại lợi nhuận cao đối với các nhà đầu tư.

3.2.2 KHU DÂN CU ĐÔ THỊ THỊ TRẤN CẦU GỒ – BẮC GIANG



TỔNG QUAN

- + Vị trí dự án: Đường Hoàng Hoa Thám, thị trấn Cầu Gò, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.
- + Quy mô dự án: 8,87 ha.
- + Tổng mức đầu tư: 93,45 tỷ đồng
- + Số lô nhà ở liền kề: 323 lô;
- Diện tích: 70 - 160 m2/lô

- + Mật độ xây dựng: 33,74%
- + Diện tích đất xây dựng công trình công cộng, dịch vụ - thương mại: 7.667,71 m²
- + Diện tích đất công viên cây xanh giao thông: 2.038,82 m²
- + Diện tích đất giao thông: 38.093,60 m²

CƠ SỞ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Khu dân cư đô thị Cầu Gò sở hữu vị trí thuận lợi dọc tuyến đường Hoàng Hoa Thám, là vị trí trung tâm nhất của thị trấn Cầu Gò, huyện Yên Thế. Dự án nằm kề cận: di tích lịch sử Hoàng Hoa Thám, UBND, Ngân hàng chính sách, bến xe Trung tâm huyện, sân vận động...

Cách thành phố Bắc Giang: 27 km

Cách trung tâm kinh tế Bồ Hạ: 7,4 km.

3.2.3 DỰ ÁN KHU ĐÔ THỊ KOSY SÔNG CÔNG THÁI NGUYÊN

TỔNG QUAN

- + Địa điểm: Phường Thắng Lợi, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên
- + Diện tích: 38,78 ha
- + Tổng vốn đầu tư dự kiến: 296 tỷ đồng
- + Quy mô dân số khoảng: 5.716 người
- + Số lô nhà ở biệt thự: 72 lô; Diện tích: 250m²/lô
- + Số lô nhà ở liền kề: 1.242 lô; Diện tích: 100m²/lô
- + Diện tích đất xây dựng công trình công cộng, dịch vụ - thương mại: 4,5 m²/người
- + Đất giao thông, bãi đỗ xe: 28 m²/người; Đất cây xanh TDTT: 10 m²/người.
- + Đất giao thông, bãi đỗ xe: 28 m²/người; Đất cây xanh TDTT: 10 m²/người.



CƠ SỞ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Những năm gần đây, kinh tế của thành phố Sông Công và tỉnh Thái Nguyên có tốc độ phát triển nhanh, đời sống vật chất, tinh thần của người dân không ngừng nâng cao. Với mức thu nhập khá, rất đông người dân có nhu cầu mua đất xây nhà hoặc đầu tư kinh doanh. Việc Tập đoàn Samsung tiếp tục đầu tư thêm 3 tỷ USD để mở rộng nhà máy tại tỉnh Thái Nguyên sẽ thu hút thêm nhiều lao động từ các tỉnh thành tới làm việc cũng góp phần làm tăng lượng cầu về nhà ở. Tuy nhiên nguồn cung thị trường bất động sản của Sông Công hiện tại còn khá hạn chế, đặc biệt là thiếu những sản phẩm có chất lượng cao.

Giá bán được đề xuất cho 1m² đất chủ đầu tư được phép kinh doanh là phù hợp với khả năng của phần lớn người dân đặc biệt là cán bộ, công nhân viên của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp... trên địa bàn thành phố Sông Công, các khu vực lân cận với dự án và các địa phương khác trong tỉnh Thái Nguyên.

Với những ưu điểm về vị trí địa lý, quy hoạch kiến trúc, giá bán hợp lý và những điều kiện khác phù hợp với nhu cầu khách hàng và nhà đầu tư, dự án Khu đô thị Kosy- Sông Công là một điểm sáng trên thị trường. Đây sẽ là điểm đến hấp dẫn với các nhà đầu tư, đồng thời là lựa chọn đúng đắn đối với những người có nhu cầu tìm kiếm một môi trường sống hiện đại, thuận tiện cho sinh hoạt, công việc và mở mang, phát triển kinh tế.

Sông Công là thành phố công nghiệp, trung tâm kinh tế, hành chính, văn hóa, xã hội phía Nam của tỉnh Thái Nguyên; là đầu mối giao thông, giao lưu phát triển kinh tế - xã hội quan trọng của vùng Đông Bắc Bắc Bộ. Thành phố đang trong quá trình đẩy mạnh xây dựng hạ tầng các khu đô thị mới, khu hành chính xã, phường và được nâng cấp lên thành phố vào năm 2015.

Khu đô thị Kosy - Sông Công nằm ở vị trí đắc địa hàng đầu của thành phố Sông Công: Phía Bắc cách trục đường Thăng Lợi 40m và giáp khu dân cư lô 1 đường Thăng Lợi; phía Nam giáp khu dân cư hiện có; phía Đông giáp khu đường phân khu phía Tây trường PTTH Sông Công và khu dân cư; phía Tây giáp khu dân cư hiện có và đất hoa màu. Khu đô thị Kosy - Sông Công rất gần với trung tâm: Hành chính, Thương mại, Văn hóa... của Thành phố; cách thành phố Thái Nguyên 15 km về phía Nam, cách Nhà máy Samsung - Thái Nguyên gần 10 km và cách khu du lịch Hồ Núi Cốc khoảng 20 km. Nơi đây được quy hoạch phát triển thành một khu đô thị xanh, sạch, đẹp, tạo ra quỹ nhà ở có đầy đủ cơ sở hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, cư dân tương lai có thể lựa chọn những ngôi nhà ước mơ của mình.



3.2.4 DỰ ÁN KHU ĐÔ THỊ MỚI KOSY - BẮC GIANG



TỔNG QUAN

- + Địa điểm: Phường Xương Giang, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
- + Diện tích: 23,3 ha
- + Tổng vốn đầu tư: 277,673 tỷ đồng
- + Quy mô dân số: 3.500 người
- + Số lô nhà ở biệt thự: 50 lô; Diện tích: 250 - 400m²/lô
- + Số lô nhà ở liền kề: 705 lô; Diện tích: 75 - 110m²/lô

- + Diện tích nhà chung cư, dịch vụ hỗn hợp: 80 - 150m²/hộ
- + Diện tích đất xây dựng công trình công cộng, dịch vụ - thương mại: 4,5 m²/người
- + Diện tích đất giao thông, bãi đỗ xe: 28 m²/người
- + Diện tích đất cây xanh TDTT: 10 m²/người.

CƠ SỞ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Thành phố Bắc Giang là trung tâm kinh tế - văn hóa - chính trị của tỉnh Bắc Giang, với vị trí rất thuận lợi về giao thông: Cách thủ đô Hà Nội khoảng 50 km về phía Bắc, cách Hải Phòng hơn 100 km về phía Đông, ở vị trí trung lộ trên tuyến giao thông huyết mạch (đường bộ, đường sắt liên vận quốc tế) nối Thủ đô Hà Nội với thành phố Lạng Sơn và cửa khẩu quốc tế Đồng Đăng; là đầu mối giao thông cấp liên vùng quan trọng.

Thành phố Bắc Giang trước kia và nay được biết đến với vai trò là một trong những trung tâm lớn của vùng về công nghiệp: Đạm, hoá chất, may mặc. Đồng thời là trung tâm phân phối, trung chuyển hàng hóa từ Trung Quốc cho miền Bắc, nơi tập kết các sản phẩm nội địa xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc nên tiềm năng phát triển rất lớn.

Khu đô thị mới Kosy - Bắc Giang có vị trí rất đẹp, thuận lợi cho sinh hoạt và công việc của người dân. Dự án chỉ cách trung tâm thành phố Bắc Giang khoảng 1,5 km.

- + Phía Bắc giáp cánh đồng Đồng Gốm;
- + Phía Nam giáp đường Tỉnh lộ 295B (Quốc lộ 1A cũ);
- + Phía Đông giáp khu dân cư Trại Bắc, phường Xương Giang;
- + Phía Tây giáp đường vành đai Đông Bắc (nay là đường Nguyễn Chí Thanh).



Khu đô thị Kosy - Bắc Giang được xây dựng khi nguồn cung thị trường bất động sản của tỉnh Bắc Giang nói chung và thành phố Bắc Giang nói riêng còn rất hạn chế trong khi đó nhu cầu thực sự về nhà ở của người dân trên địa bàn thành phố Bắc Giang, các địa phương trong tỉnh và các vùng phụ cận rất cao. Theo số liệu do UBND thành phố Bắc Giang cung cấp: Hiện nay và trong khoảng 1- 2 năm tới trên địa bàn thành phố Bắc Giang không còn nguồn cung đất ở nào của Nhà nước cũng như các doanh nghiệp bán ra thị trường.

Bắc Giang là địa phương hiện có tỷ lệ dân cư sống trong các khu đô thị thấp nhất trong cả nước (chỉ chiếm 22% trong khi tỷ lệ trung bình của cả nước là 35%). Vì vậy, lãnh đạo tỉnh Bắc Giang có chủ trương quyết tâm phấn đấu đến năm 2015 đưa tỷ lệ dân cư sống trong khu đô thị ít nhất khoảng 30% và đến năm 2030 đạt tỷ lệ bình quân của cả nước, đây là điều kiện rất thuận lợi để thúc đẩy người dân mua đất ở các khu đô thị.

Mặt khác, kinh tế của Bắc Giang tăng trưởng mạnh làm gia tăng số lượng người dân ở thành phố Bắc Giang và các huyện trong tỉnh có thu nhập cao và ổn định, có điều kiện mua đất để ở; điển hình như các cán bộ, nhân viên đang làm việc tại các cơ quan, các Sở/Ban/Ngành, nhà máy phân đạm Hà Bắc, các khu công nghiệp, các doanh nghiệp... trên địa bàn của tỉnh. Nhiều người dân đi lao động xuất khẩu tích lũy được lượng tiền khá lớn có nhu cầu đầu tư kinh doanh đất...

Bên cạnh đó, diện tích phân lô đất cũng rất phù hợp với nhu cầu của khách hàng có nhu cầu về nhà ở. Giá bán được đề xuất cho 1m² đất chủ đầu tư được phép kinh doanh là phù hợp với khả năng của phần lớn người dân trên địa bàn thành phố Bắc Giang, các xã lân cận với dự án và các địa phương khác trong tỉnh Bắc Giang. Không những thế thành phố Bắc Giang đã trở thành đô thị loại 2, nên giá đất sẽ nhanh chóng tăng tỷ lệ thuận với tốc độ phát triển của tỉnh đang mở ra rất nhiều cơ hội cho các nhà đầu tư và những người có nhu cầu sinh sống lâu dài tại Bắc Giang.

Ngoài ra, dự án được chuẩn bị đầu tư trong giai đoạn thị trường bất động sản suy giảm nên các hầu hết các doanh nghiệp Bất động sản khác phải phá sản, giải thể hoặc ngừng hoạt động. Nhưng thời điểm triển khai thi công thị trường bất động sản có nhiều khởi sắc, nhu cầu mua đất của người dân cao hơn. Chủ đầu tư đã nắm bắt xu hướng của thị trường để kịp thời đáp ứng nhu cầu của khách hàng nên sản phẩm được khách hàng đón nhận mà ít có đối thủ cạnh tranh.

Từ những phân tích trên, có thể nhận định: Dự án Khu đô thị mới Kosy phường Xương Giang, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang có tính cạnh tranh cao và khả năng tiêu thụ rất lớn.

3.2.5 KHU ĐÔ THỊ KOSY GIA SÀNG THÁI NGUYÊN

TỔNG QUAN

- + Địa điểm: Khu trung tâm số 5, phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
- + Diện tích: 14,3 ha;
- + Tổng mức đầu tư: 233,809 tỷ đồng
- + Quy mô dân số dự kiến: 1.800 người
- + Mật độ xây dựng: 33%
- + Đất cây xanh: 7.602 m²
- + Đất giáo dục: 12.415 m²
- + Đất công cộng: 5.035 m²
- + Đất giao thông: 59.033,4 m²
- + Số lô liền kề: 358 lô
- + Số lô biệt thự: 22 lô



CƠ SỞ THỰC HIỆN DỰ ÁN



Thành phố Thái Nguyên là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học kỹ thuật, y tế, du lịch, dịch vụ của tỉnh Thái Nguyên và vùng trung du, miền núi Bắc Bộ; cách thủ đô Hà Nội 80 km; là cửa ngõ đi các tỉnh phía Bắc như: Cao Bằng, Bắc Kạn, Hà Giang, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Bắc Ninh, Bắc Giang. Thành phố là trung tâm giáo dục - đào tạo lớn thứ ba của cả nước. Trong những năm qua, Thái Nguyên đã đón nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước vào đầu tư, kinh tế phát triển mạnh, đời sống vật chất, tinh thần của người dân không ngừng được nâng cao.

Khu đô thị Kosy - Gia Sàng thành phố Thái Nguyên nằm ở vị trí trung tâm của thành phố, rất gần các trường: Đại học Công nghiệp, Đại học Su phạm, chỉ cách Bệnh viện Đa khoa Trung ương khoảng 4km, bến xe khách Thái Nguyên 5km. Đây là địa điểm thuận tiện nhất cho việc sinh hoạt, đi lại và làm việc của người dân. Khu đô thị Kosy Gia Sàng được quy hoạch phát triển thành một khu đô thị xanh, sạch, đẹp, tạo ra quỹ nhà ở có đầy đủ cơ sở hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, nơi đây cư dân tương lai có thể lựa chọn những ngôi nhà ước mơ của mình.

3.2.6 DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU NHÀ Ở ĐÔ THỊ KOSY HÀ NAM TẠI XÃ DUY HẢI, HUYỆN DUY TIỀN

TỔNG QUAN

- | | |
|---|---|
| <ul style="list-style-type: none">+ Địa điểm: phường Duy Hải, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.+ Diện tích: 22,943 ha;+ Tổng mức đầu tư dự kiến: 243,888 tỷ đồng;+ Đất ở mới: 77.115,7m² chiếm 29,71%, trong đó đất biệt thự 6268m² tương đương 28 lô, đất nhà ở liền kề 70.847,7 m² tương đương 776 lô;+ Đất nhà ở xã hội: 17.463,7m² chiếm 6,73%;+ Đất thương mại dịch vụ: 8.637,8m² chiếm 3,33%; | <ul style="list-style-type: none">+ Đất trường mầm non: 4.762,1m² chiếm 1,83%;+ Đất sinh hoạt cộng đồng: 2.769,9m² chiếm: 1,07%;+ Đất sinh cây xanh, mặt nước cảnh quan: 29.911,1m² chiếm: 8,27%;+ Đất bãi để xe: 4.336,4m² chiếm: 1,67%;+ Đất giao thông : 114.555,5m² chiếm: 44,14%; |
|---|---|

CƠ SỞ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Thị xã Duy Tiên đã có nhiều bước tiến quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội. Đó cũng chính là tiền đề và động lực để Duy Tiên đã trở thành đô thị loại IV năm 2020. Tốc độ tăng trưởng kinh tế luôn duy trì ở mức cao, bình quân đạt 15,56%/năm; cơ cấu kinh tế chuyển dịch nhanh, năm 2015 tỷ trọng công nghiệp - xây dựng chiếm 58,13%, dịch vụ chiếm 33,27% và nông nghiệp chỉ còn 8,6%; GDP bình quân/người đạt mức 45,7 triệu đồng/người/năm.

Nét nổi bật trong phát triển công nghiệp là tốc độ tăng trưởng cao, quy mô mở rộng, đưa Duy Tiên trở thành địa phương trọng điểm phát triển công nghiệp của tỉnh. Có được điều đó, một yếu tố quan trọng là huyện đã nỗ lực thực hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng (cho 3 KCN, 2 cụm CN với tổng diện tích gần 1000ha), thực hiện tốt công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội tạo điều kiện thu hút doanh nghiệp đầu tư sản xuất, kinh doanh, đặc biệt là các doanh nghiệp FDI.

Trên địa bàn thị xã Duy Tiên hiện có 508 doanh nghiệp, trong đó có hơn 200 sản xuất công nghiệp (90 doanh nghiệp FDI), giải quyết việc làm cho 26.500 lao động (trong đó có 12.500 lao động của địa phương). Với tốc độ tăng trưởng bình quân trong 5 năm đạt 24,49%, năm 2015, giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn đạt 7.237,67 tỷ đồng. Các KCN tiếp tục hoạt động ổn định, một số khu đang được mở rộng diện tích. Tỷ lệ lấp đầy các KCN đạt trên 80% và 100% đối với các cụm công nghiệp Hoàng Đông và Cầu Giát. Cùng với đó, huyện cũng duy trì và phát huy lợi thế các làng nghề truyền thống. Một số làng nghề như Trống Đọi Tam, lụa Nha Xá đã thành lập Hiệp hội, tạo sự liên kết chặt chẽ trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.



Khu vực nghiên cứu quy hoạch có địa hình bằng phẳng, mang đặc trưng Đồng bằng Sông Hồng. Địa hình phần lớn là ruộng canh tác thấp.

- + Phía Đông Bắc giáp dân cư hiện trạng thôn Nhị Giáp và khu đất đấu giá;
- + Phía Đông Nam giáp đường tránh QL1A và QL38;
- + Phía Tây Bắc giáp đất ở mới theo quy hoạch và UBND xã Duy Hải;
- + Phía Tây Nam giáp đê Sông Nhuệ.

Trong năm 2020, Công ty cổ phần Kosy đã thực hiện chào bán cổ phiếu ra công chúng để thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng Khu nhà ở Đô thị Kosy Hà Nam với kế hoạch sử dụng vốn đã được thông qua là 110 tỷ đồng. Đến ngày 28/01/2022, tiến độ sử dụng vốn đạt 90,08 tỷ đồng (tương đương 81,89%) theo Báo cáo tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành định kỳ số 01/2022/BCSDV/KOS.



3.2.7. DỰ ÁN KHU ĐÔ THỊ SỐ 11, PHƯỜNG GIA SÀNG, TP THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

TỔNG QUAN

- + Địa điểm: phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
- + Diện tích: 19,6339 ha
- + Tổng mức đầu tư dự kiến: 584,747 tỷ đồng

CƠ SỞ PHÁP LÝ

- + Quyết định số 8153/QĐ-UBND ngày 09/10/2018 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Thái Nguyên về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết Khu dân cư số 11, phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên;
- + Quyết định số 1249/QĐ-UBND ngày 05/5/2020 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án Khu đô thị số 11, phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên;
- + Hợp đồng thực hiện đầu tư dự án số 02/2020/HDDA ngày 13/5/2020 giữa Công ty Cổ phần Kosy và Ủy ban Nhân dân Thành phố Thái Nguyên về việc thực hiện đầu tư dự án Khu đô thị số 11, phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên.

Trong năm 2020, Công ty cổ phần Kosy đã thực hiện chào bán cổ phiếu ra công chúng để thực hiện Dự án Khu đô thị số 11, phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên với kế hoạch sử dụng vốn đã được thông qua là 110 tỷ đồng. Đến nay, tiến độ sử dụng vốn đã hoàn thành 100% theo Báo cáo tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành định kỳ số 01/2022/BCSDV/KOS ngày 28/01/2022.

3.2.8. DỰ ÁN KHU ĐÔ THỊ MỚI PHÍA BẮC, TIỂU KHU IX, THUỘC XÃ NINH NHẤT, THÀNH PHỐ NINH BÌNH VÀ XÃ NINH MỸ, HUYỆN HOA LƯ

TỔNG QUAN

- + Địa điểm: xã Ninh Nhất, thành phố Ninh Bình và xã Ninh Mỹ, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
- + Diện tích: 40,7 ha
- + Tổng mức đầu tư: 1.220,334 tỷ đồng

Trong năm 2020, Công ty cổ phần Kosy đã thực hiện chào bán cổ phiếu ra công chúng để thực hiện Dự án Khu đô thị mới phía Bắc, tiểu khu IX, thuộc xã Ninh Nhất, thành phố Ninh Bình và xã Ninh Mỹ, huyện Hoa Lư với kế hoạch sử dụng vốn đã được thông qua là 135 tỷ đồng. Đến nay, tiến độ sử dụng vốn đã hoàn thành 100% theo Báo cáo tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành định kỳ số 01/2022/BCSDV/KOS ngày 28/01/2022.



CƠ SỞ PHÁP LÝ

- + Quyết định số 800/QĐ-UBND ngày 14/6/2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị mới phía Bắc tiểu khu IX, thuộc xã Ninh Nhất, thành phố Ninh Bình và xã Ninh Mỹ, huyện Hoa Lư;

+ Quyết định số 874/QĐ-UBND ngày 23/7/2019 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc phê duyệt kết quả sơ tuyển và Danh sách ngắn dự án Khu đô thị mới phía Bắc, tiểu khu IX thuộc xã Ninh Nhất, thành phố Ninh Bình và xã Ninh Mỹ, huyện Hoa Lư;

+ Quyết định số 393/QĐ-UBND ngày 12/3/2020 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án Khu đô thị mới phía Bắc tiểu khu IX, thuộc xã Ninh Nhất, thành phố Ninh Bình và xã Ninh Mỹ, huyện Hoa Lư;

+ Quyết định số 808/QĐ-UBND ngày 29/6/2020 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc ủy quyền cho Sở Xây dựng tỉnh Ninh Bình ký kết hợp đồng và thực hiện nội dung hợp đồng với nhà đầu tư dự án Khu đô thị mới phía Bắc, tiểu khu IX thuộc xã Ninh Nhất, thành phố Ninh Bình và xã Ninh Mỹ, huyện Hoa Lư;

+ Hợp đồng thực hiện đầu tư dự án có sử dụng đất số 06/2020/HĐDA ngày 30/6/2020 giữa Sở Xây dựng Ninh Bình và Công ty Cổ phần Kosy.

3.2.9. DỰ ÁN TIỂU KHU ĐÔ THỊ MỚI SỐ 16, THÀNH PHỐ LÀO CAI



TỔNG QUAN

+ Vị trí dự án: Phường Xuân Tăng, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.
+ Quy mô dự án: Diện tích đất thực hiện dự án là 41,84 ha
+ Tổng mức đầu tư: 1.841.667.279.000 đồng
+ Số lô nhà ở Liên kề: 750 lô, tổng diện tích: 81.602,25 m²
+ Số lô nhà ở Biệt thự: 113 lô, tổng diện tích: 26.202,31m²

+ Diện tích đất xây dựng công trình thương mại: 17.812,06 m²
+ Diện tích đất văn hóa: 4.402,44 m²
+ Diện tích đất cơ quan: 6.248,09m²
+ Diện tích đất trường học: 2.038,33m²
+ Diện tích đất dịch vụ: 17.812,06 m²
+ Diện tích cây xanh, mặt nước: 63.771,41m²
+ Diện tích đất hạ tầng kỹ thuật: 216.323,11m²

CƠ SỞ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Hợp đồng số 02/2021/HĐ-DASDD ngày 09/4/2021 giữa UBND thành phố Lào Cai và Công ty Cổ phần Kosy về việc thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất dự án Tiểu khu đô thị mới số 16, thành phố Lào Cai.

3.2.10. DỰ ÁN KHU NHÀ Ở ĐÁ LỎ, THỊ TRẤN QUÁN HẦU, HUYỆN QUẢNG NINH

TỔNG QUAN

- + Vị trí dự án: Thị trấn Quán Hàu, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình

+ Quy mô dự án: Diện tích đất thực hiện dự án là 6,5 ha

+ Tổng mức đầu tư: 285.013.520.000 đồng

+ Số lô nhà ở Liên kề: 141 lô, tổng diện tích: 28.399,30m2

+ Diện tích đất xây dựng trường mầm non: 2.028,39m2
- + Diện tích đất thương mại dịch vụ: 2.060,25m2

+ Diện tích đất cây xanh đô thị: 2.633,96m2

+ Diện tích đất Cây xanh cách ly: 523,65m2

+ Diện tích đất ở hiện trạng: 3.410,90m2

+ Diện tích đất giao thông: 24.981,03m2

CƠ SỞ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Hợp đồng thực hiện dự án đầu tư số 39/2021/HĐ-ĐAĐT ngày 09/03/2021.

Trong giai đoạn 2022-2023, Công ty dự kiến sẽ triển khai thêm một số dự án bất động sản như Dự án Khu đô thị Kosy Phú Thọ (85 ha), Dự án Kosy Nghệ An (55,6 ha), Dự án Kosy Quảng Ngãi (49,4 ha) và một phần của Dự án Nhà máy điện gió Kosy Bạc Liêu giai đoạn 2 (tổng công suất cả dự án 50MW)



Ngoài ra, trong các năm tiếp theo, Kosy tiếp tục triển khai thêm các dự án bất động sản tại Hà Tĩnh, Hà Nội, Thái Bình, Bến Tre, Long An, Hoà Bình, ... và một số dự án thủy điện, thủy điện tích năng, điện mặt trời, điện gió trên bờ; điện gió ngoài khơi và các dự án năng lượng điện khác.

3.3. Các công ty con, Công ty liên kết:

- Trong năm 2021, Công ty cổ phần Kosy có 01 Công ty con. Thông tin chung:
- Tên Công ty con: Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thủy điện
 - + Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 3 phường Quyết Tiến, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu
 - + Vốn điều lệ: 350.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm năm mươi tỷ đồng)
 - + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6200084255 do Sở KH&ĐT tỉnh Lai Châu cấp lần đầu ngày 21/08/2015, cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 09/10/2018.
 - Ngành nghề kinh doanh chính:

STT	Ngành nghề kinh doanh chính	Mã ngành
1	Sản xuất điện	3511 (chính)
2	Truyền tải và phân phối điện	3512
3	Lắp đặt hệ thống điện	4321
4	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan - Tư vấn thiết kế công trình thủy điện đến 30MW; Tư vấn thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 110kV; Giám sát thi công công trình thủy điện đến 30MW; Giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp đến 110kV.	7110
5	Xây dựng nhà để ở	4101
6	Xây dựng công trình đường bộ	4212
7	Chuẩn bị mặt bằng	4312

- Sản phẩm/dịch vụ chính: Sản xuất điện, phân phối điện.
- Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thủy điện hiện là chủ đầu tư 2 dự án Thủy điện trên địa bàn tỉnh Lai Châu bao gồm:
 - + Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Pạc 1 tại xã Sin Súi Hồ và Nậm Xe, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu với công suất 14,5 MW, điện lượng bình quân khoảng 57,414 triệu kWh/năm;
 - + Dự án Thủy điện Nậm Pạc 2 tại xã Sin Súi Hồ và Nậm Xe, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu với công suất 16 MW, điện lượng bình quân khoảng 63,638 triệu kWh/năm;
- Tình hình tài chính công ty con năm 2022:

Đơn vị: Đồng

CHỈ TIÊU	NĂM 2021	NĂM 2022
Tổng giá trị tài sản	682.253.904.831	1.096.611.550.448
Doanh thu thuần	3.092.225.385	4.706.254.710
Lợi nhuận từ HĐKD	470.153	431.281.532
Lợi nhuận khác	4.664.644	4.099.016
Lợi nhuận trước thuế	5.134.797	435.380.548
Lợi nhuận sau thuế	3.779.086	348.007.110
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

Đơn vị: Đồng

CHỈ TIÊU	NĂM 2021	NĂM 2022	% TĂNG, GIẢM
Tổng giá trị tài sản	2.198.472.335.394	3.874.815.267.089	76,25%
Doanh thu thuần	1.308.626.066.969	1.106.568.127.246	-15,44%
Lợi nhuận từ HĐKD	53.403.582.928	43.028.661.985	-19,43%
Lợi nhuận khác	(19.667.641.060)	(12.657.211.609)	-35,64%
Lợi nhuận trước thuế	33.735.941.868	30.371.450.376	-9,97%
Lợi nhuận sau thuế	21.911.531.731	22.554.212.077	2,93%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	4%	-

Qua bảng số liệu về kết quả sản xuất kinh doanh, lợi nhuận sau thuế năm 2022 đạt 21,83 tỷ đồng, tăng 21,41% so với năm 2021. Lợi nhuận từ HĐKD của công ty năm 2022 đạt 38,17 tỷ, giảm 4,86 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ giảm 11,29%. Lợi nhuận khác của công ty năm 2022 lỗ 5,79 tỷ đồng, năm 2021 lỗ 12,66 tỷ (do phát sinh khoản chi phí khác năm 2022 giảm so với năm 2021). Lợi nhuận khác năm 2022 lỗ chủ yếu là do trong năm công ty đã thực hiện tài trợ, ủng hộ với tổng số tiền 4,73 tỷ đồng trong đó: tài trợ, ủng hộ xây dựng nhà tình nghĩa 4 tỷ đồng, tài trợ chương trình văn hóa tỉnh Tuyên Quang 500 triệu đồng và tài trợ khác 230 triệu đồng. Tuy lợi nhuận thuần từ HĐKD giảm nhưng lỗ của hoạt động khác giảm dẫn đến Lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty tăng 2,01 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ tăng 6,62% tuy nhiên chi phí thuế TNDN năm 2022 tăng 2,74 tỷ đồng tương ứng tăng 35% dẫn đến lợi nhuận sau thuế của Công ty giảm 724,21 triệu đồng tương ứng tỷ lệ giảm 3,21%.

Hiện nay, công ty đang trong giai đoạn đẩy mạnh triển khai các dự án mới và gấp rút thực hiện các dự án đang triển khai, vì vậy, trong năm 2022, công ty không thực hiện chia cổ tức, phần lợi nhuận giữ lại sẽ được dùng để tái đầu tư.

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

CHỈ TIÊU	NĂM 2021	NĂM 2022
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần):		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	2,93	2,59
+ Hệ số thanh toán nhanh:	1,37	0,81
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (lần):		
+ Hệ số nợ/ Tổng tài sản	0,42	0,53
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	0,71	1,12
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động (vòng):		
+ Vòng quay hàng tồn kho	0,90	1,5
+ Vòng quay tổng tài sản	0,36	0,31
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%):		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	2,04	1,62
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	1,41	0,96
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,74	0,5
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	3,89	2,84

Về khả năng thanh toán: Nhìn chung, so với năm 2021, khả năng thanh toán của Công ty trong năm 2022 có sự biến động theo xu hướng giảm. Cụ thể, hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn trong năm 2021 là 2,93 lần, giảm xuống còn 2,59 lần vào năm 2022. Nguyên nhân là do trong năm 2022, tài sản ngắn hạn và nợ ngắn hạn đều tăng, tuy nhiên tốc độ tăng của tài sản ngắn hạn nhỏ hơn tốc độ tăng của nợ phải trả, tốc độ tăng của tài sản ngắn hạn đạt 36,11% trong khi nợ ngắn hạn tăng nhanh với tốc độ tăng 54,14%. Hệ số khả năng thanh toán nhanh năm 2022 đạt 0,81 lần giảm so với năm 2021 (1,37 lần). Nguyên nhân là do tốc độ tăng của tài sản có khả năng thanh khoản nhanh (Tiền và các khoản tương đương tiền, Các khoản phải thu, Các khoản đầu tư và các tài sản ngắn hạn khác) nhỏ hơn tốc độ tăng của của hàng tồn kho và nợ phải trả.

Về cơ cấu vốn: Theo cơ cấu vốn năm 2022, tỷ trọng nợ trong tổng tài sản của Công ty đều chiếm trên 50%. Tỷ trọng nợ/tổng tài sản tăng từ 0,42 lần năm 2021 lên 0,53 lần năm 2022.

Về năng lực hoạt động: Vòng quay hàng tồn kho của Công ty tăng từ 0,9 vòng năm 2021 lên 1,5 vòng năm 2022. Trước tình hình khó khăn chung của nền kinh tế, Vòng quay tổng tài sản của công ty giảm nhẹ từ 0,36 lần năm 2021 xuống 0,31 lần năm 2022. Nguyên nhân là do tốc độ tăng của doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong kỳ chưa theo kịp tốc độ tăng của tổng tài sản.

Về khả năng sinh lời: Năm 2022, tình hình kinh tế- xã hội có nhiều biến động gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đặc biệt là hoạt động kinh doanh Bất động sản. Nhìn chung, các chỉ tiêu về khả năng sinh lời trong năm 2022 có sự sụt giảm so với năm trước.

Nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn 2022 - 2025 của Kosy là tiếp tục phát huy tối đa mọi nguồn lực để triển khai các dự án bất động sản mới cũng như hoàn thiện, bàn giao các dự án đang triển khai theo đúng tiến độ đã cam kết với khách hàng. Dự kiến, các dự án bất động sản của Kosy khi đi vào hoàn thiện và bàn giao trong giai đoạn 2022 - 2025 sẽ mang lại doanh thu tương đối lớn.



5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần

STT	Nội dung	Số lượng (Cổ phần)	Tỷ lệ (%)
1	Tổng số cổ phần đang lưu hành	216.481.335	100,00%
2	Chuyển nhượng tự do	216.481.335	100,00%
3	Hạn chế chuyển nhượng	0	0,00%

5.2. Cơ cấu cổ đông

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Cổ đông Nhà nước	0	0,00
2	Cổ đông sáng lập/cổ đông FDI	6.142.346	2,84
	- Trong nước	6.142.346	2,84
	- Nước ngoài	0	0,00
3	Cổ đông lớn	145.738.054	67,32
	- Trong nước	145.738.054	67,32
	- Nước ngoài	0	0,00
4	Công đoàn Công ty	0	0,00
	- Trong nước	0	0,00
	- Nước ngoài	0	0,00
5	Cổ phiếu quỹ	0	0,00
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)	0	0,00
7	Cổ đông khác	64.600.935	29,84
	- Trong nước	64.548.392	29,82
	- Nước ngoài	52.543	0,02
TỔNG CỘNG		216.481.335	100,00
Trong đó:	- Trong nước	216.428.792	99,98
	- Nước ngoài	52.543	0,02

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Ngày tháng	Nội dung	Vốn điều lệ	Đối tượng phát hành
03/2008	Thành lập Công ty	120.000.000.000	
07/2011	Tăng vốn lần 1	180.000.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
12/2015	Tăng vốn lần 2	350.000.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
05/2016	Tăng vốn lần 3	400.000.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
03/2017	Tăng vốn lần 4	415.000.000.000	Phát hành riêng lẻ cho: - Ông Nguyễn Việt Cường
08/2018	Tăng vốn lần 5	1.037.500.000.000	Phát hành riêng lẻ cho: - Ông Nguyễn Việt Cường - Bà Nguyễn Thị Hằng - Ông Nguyễn Mạnh Sáu - Ông Nguyễn Trung Kiên - Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Ông Lương Thế Vũ - CTCP đầu tư Mavico
01/2021	Tăng vốn lần 6	1.089.374.680.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2019
02/2021	Tăng vốn lần 7	1.650.313.350.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
12/2021	Tăng vốn lần 8	2.164.813.350.000	Phát hành cổ phiếu để hoán đổi

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Công ty không có cổ phiếu Quỹ.

5.5. Các chứng khoán khác:

Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường

Công ty luôn chú trọng vào việc giảm thiểu các tác động đến môi trường và xã hội từ việc tiêu dùng năng lượng và xả thải trong hoạt động hàng ngày. Năng lượng tái tạo cũng là một ngành mũi nhọn của Công ty trong tương lai, theo đó Công ty luôn lan tỏa ý thức bảo vệ môi trường bằng các hoạt động nội bộ.



6.2. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt cũng như thường xuyên cập nhật các quy định của pháp luật về môi trường. Do đó trong suốt quá trình hoạt động Công ty chưa từng bị vi phạm hay xử phạt, nhắc nhở do không tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

6.3. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Số lượng lao động của công ty tại 31/12/2021 là 67 người với mức lương trung bình năm 2022 ở mức 25.681.000 VNĐ/tháng.

+ Công ty luôn duy trì chính sách lao động cạnh tranh, nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi cho người lao động:

+ Công ty luôn đảm bảo cho người lao động được hưởng các chế độ về lương và phụ cấp theo quy định của pháp luật, phù hợp với năng lực và trình độ của từng người. Ngoài lương cơ bản, lương theo vị trí, người lao động được hưởng phụ cấp theo bằng cấp, chứng chỉ và năng suất hiệu quả làm việc. Chính sách lương được đánh giá minh bạch, cạnh tranh, nhằm thu hút nhân tài.

+ Song song với chính sách lương minh bạch và cạnh tranh, chính sách khen thưởng, phúc lợi đãi ngộ được áp dụng gắn liền với hiệu quả công việc và kết quả kinh doanh nhằm tạo động lực làm việc tích cực cho người lao động. Hiệu suất công việc và năng lực nhân sự được đánh giá khách quan, cụ thể và công bằng thông qua cơ chế đánh giá chỉ số hiệu quả KPI.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Chế độ bảo hiểm xã hội: Các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được Công ty tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật, nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động trong Công ty.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

+ Hoạt động đào tạo của người lao động: Năm 2021 số giờ đào tạo trung bình trong Công ty khoảng 20 giờ/ nhân viên (khoảng 60/giờ toàn Công ty), bao gồm cả các chương trình đào tạo nội bộ được thực hiện bởi nhân sự Công ty.

+ Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

6.4. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty luôn hiểu và ý thức rõ ràng về trách nhiệm đóng góp của mình đối với các hoạt động cộng đồng chung của xã hội. Ban lãnh đạo Công ty nỗ lực cân bằng các hoạt động tạo ra lợi nhuận cho các cổ đông Công ty với hoạt động có lợi cho xã hội nói chung. Theo đó, Công ty luôn tích cực và hưởng ứng và lan tỏa các hoạt động quyên góp và có trách nhiệm với cộng đồng thông qua các chương trình hướng về bão lũ miền Trung, Đông ách Tây Bắc, các chương trình ủng hộ Quỹ phòng chống Covid-19, xây dựng các công trình công ích tại các địa phương, ...

6.5. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Mặc dù Công ty chưa có hoạt động đầu tư cụ thể vào các “ cổ phiếu xanh”, đội ngũ Phân tích và Tư vấn của Công ty – trong quá trình thực hiện các báo cáo và phân tích của mình – luôn chú trọng hướng tới yếu tố xanh/ bền vững. Công ty đánh giá cao những cổ phiếu của những công ty có quản lý tốt, chú trọng đến đánh giá tác động môi trường, có các hoạt động tích cực thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng, hạ chi phí nhờ việc sử dụng năng lượng hợp lý. Đây là các nội dung quan trọng để Công ty hướng tới các nhà đầu tư là khách hàng của mình lưu tâm đến, cũng là cách thể hiện trách nhiệm của Công ty đến các hoạt động xanh của thị trường vốn.

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá vị thế/so sánh với các doanh nghiệp cùng ngành

Trong quá trình hoạt động của Công ty luôn gặp sự cạnh tranh gay gắt giữa các từ các đối thủ cùng ngành có quy mô, năng lực tài chính, uy tín và thương hiệu như: Công ty Cổ phần Danko, Công ty Cổ phần Bách Việt.... Tuy nhiên với mục tiêu và chiến lược phát triển của Công ty đã từng bước khẳng định được vị thế của mình tại thị trường Bất động sản, trong năm vừa qua Công ty đã xây dựng được thương hiệu, uy tín đối với khách hàng. Với mục tiêu đến năm 2025 Công ty sẽ hướng tới trở thành Doanh Nghiệp Ngoài Quốc Doanh thuộc Top 200, góp phần tạo công việc cho nhiều lao động và đóng góp cho sự phát triển chung của đất nước.

2. Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022

Trong năm 2022, Công ty đã đạt được những tiến bộ đáng ghi nhận như sau:

- Gấp rút hoàn thành các dự án bất động sản cũ, đẩy mạnh triển khai dự án KĐT Kosy Lita Hà Nam, phường Duy Hải, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam; đồng thời tích cực triển khai Dự án Khu nhà ở Thương mại Đá Lả, thị trấn Quán Hàu, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.
- Tích cực triển khai phát triển thị trường, mở rộng quỹ đất, hoàn thiện pháp lý để tạo tiền đề thực hiện tiếp các dự án mới trong năm 2022;
- Không ngừng kiện toàn, mở rộng và chuyên môn hóa bộ máy hoạt động.

Đứng trước những khó khăn do tình hình kinh tế- xã hội có nhiều biến động toàn thể cán bộ nhân viên và Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Kosy đã nỗ lực thực hiện đồng bộ các chiến lược và hành động quyết liệt nhằm giữ ổn định doanh thu, góp phần hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch do ĐHĐCĐ giao phó.

Đơn vị: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Tỷ lệ % đạt được
1	Tổng doanh thu	1.600.000.000.000	1.343.460.401.347	83,97%
2	Lợi nhuận sau thuế	220.000.000.000	21.830.001.290	9,92%
3	Cổ tức dự kiến	10%	0%	

Tổng doanh thu công ty đạt 1.343,46 tỷ đồng, đạt 83,97% so với kế hoạch đề ra, trong đó Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2022 đạt 1.281,65 tỷ đồng, doanh thu kinh doanh bất động sản đạt 61,81 tỷ đồng, doanh thu hoạt động tài chính đạt 35,42 tỷ đồng và thu nhập khác 28,48 triệu đồng.

Năm 2022, tình hình kinh tế- xã hội có nhiều biến động gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đặc biệt là hoạt động kinh doanh Bất động sản. Để phấn đấu thực hiện kế hoạch Doanh thu đề ra, Ban lãnh đạo Công ty đã đưa ra nhiều biện pháp, chính sách bán hàng phù hợp đồng thời tích cực xử lý nhưng tồn đọng trong năm đã dẫn tới Lợi nhuận sau thuế năm 2022 đạt 21,83 tỷ đồng, tương đương tỷ lệ hoàn thành 9,92% so với kế hoạch đề ra.

3. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Đơn vị: Đồng

CHỈ TIÊU	NĂM 2021	NĂM 2022	% TĂNG, GIẢM
Tổng giá trị tài sản	3.874.815.267.089	4.835.564.262.546	24,79%
Tài sản ngắn hạn	2.454.099.696.132	3.340.282.524.366	36,11%
Tài sản dài hạn	1.420.715.570.957	1.495.281.738.180	5,25%

Tổng giá trị tài sản năm 2022 đạt xấp xỉ 4.835,56 tỷ, tăng 24,79% so với năm 2021. Trong đó, Tài sản ngắn hạn chiếm tới 69,08% trong cơ cấu tổng tài sản.

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn của Công ty tại 31/12/2022

Đơn vị: Đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2021	Năm 2022	% chênh lệch	Tỷ trọng năm 2022
Tài sản ngắn hạn	2.454.099.696.132	3.340.282.524.366	36,11%	69,08%
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.773.053.844	45.752.508.349	190,07%	1,37%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	11.043.951.964	11.284.732.400	2,18%	0,34%
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.076.565.684.677	956.548.254.741	-11,15%	28,64%
Hàng tồn kho	1.304.068.809.900	2.288.055.517.315	75,46%	68,5%
Tài sản ngắn hạn khác	46.648.195.747	38.641.511.561	-17,16%	1,16%

So với năm 2021, tài sản ngắn hạn của Công ty tăng 36,11%. Hàng tồn kho và Các khoản phải thu ngắn hạn là 2 chỉ tiêu chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu của Tài sản ngắn hạn của Công ty tại 31/12/2022 với tỷ trọng lần lượt là 68,5% và 28,64%.

Việc tiếp tục hoàn thiện các dự án hiện có và triển khai dự án mới được ghi nhận dẫn đến chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại 31/12/2022 của Công ty tăng hơn 983,99 tỷ, đồng nghĩa với chỉ tiêu hàng tồn kho năm 2022 đạt 2.288,06 tỷ đồng, tăng 75,46% so với cùng kỳ năm trước.

Các khoản phải thu ngắn hạn của công ty năm 2022 chiếm tỷ trọng 28,64% trong tổng Tài sản ngắn hạn giảm 11,15% so với năm trước. Các khoản phải thu ngắn hạn năm 2022 giảm chủ yếu là do gia giảm các khoản ứng trước cho người bán (tạm ứng chi phí thi công hạ tầng dự án).



Cơ cấu Tài sản dài hạn của Công ty tại 31/12/2022

Đơn vị: Đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2021	Năm 2022	% chênh lệch	Tỷ trọng năm 2022
Tài sản dài hạn	1.420.715.570.957	1.495.281.738.180	5,25%	100,00%
Các khoản phải thu dài hạn	40.000.000	40.000.000	-	-
Tài sản cố định hữu hình	629.901.748.987	1.111.234.187.196	76,41%	74,32%
Bất động sản đầu tư	-	-	-	-
Tài sản dở dang dài hạn	389.740.972.752	1.102.314.815	-99,72%	0,07%
Đầu tư tài chính dài hạn	229.664.644.799	229.274.644.799	-0,17%	15,33%
Tài sản dài hạn khác	171.368.204.419	153.630.591.370	-10,35%	10,27%

Trong năm tài chính 2022, khoản mục Tài sản cố định hữu hình chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản dài hạn là 74,32%. Giá trị khoản mục tài sản cố định tăng mạnh so với năm trước nguyên nhân là do trong năm Nhà máy thủy điện Nậm Pạc 1 của Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thủy điện đã phát điện và hòa lưới điện quốc gia.

b) Tình hình nợ phải trả

Đơn vị: Đồng

CHỈ TIÊU	NĂM 2021	NĂM 2022	% TĂNG, GIẢM
Nợ phải trả	1.611.274.172.291	2.550.337.166.458	58,28%
Nợ ngắn hạn	837.733.314.156	1.291.296.906.829	54,14%
Nợ dài hạn	773.540.858.135	1.259.040.259.629	62,76%

Tổng nợ phải trả năm 2022 đạt xấp xỉ 2.550,34 tỷ, tăng 58,28% so với năm 2021. Trong đó, Nợ ngắn hạn tăng 54,14% và Nợ dài hạn tăng 62,76%.

Cơ cấu Nợ dài hạn của Công ty tại 31/12/2022

CHỈ TIÊU	Năm 2021	Năm 2022	% chênh lệch	Tỷ trọng năm 2022
Nợ dài hạn	773.540.858.135	1.259.040.259.629	62,76%	100,00%
Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	-	-	-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	-	7.157.368.297	-	0,57%
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	773.540.858.135	1.251.882.891.332	61,84%	99,43%

Vay và nợ thuê tài chính dài hạn chiếm tỷ trọng 99,43% trong tổng cơ cấu Nợ dài hạn của công ty. Chỉ tiêu này tăng đáng kể, tăng 478,34 tỷ tương ứng 61,84% so với năm 2021.

Cơ cấu Nợ ngắn hạn của Công ty tại 31/12/2022

Đơn vị: Đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2021	Năm 2022	% chênh lệch	Tỷ trọng năm 2022
Nợ ngắn hạn	837.733.314.156	1.291.296.906.829	54,14%	100,00%
Phải trả người bán ngắn hạn	219.469.494.145	135.499.351.747	-38,26%	10,49%
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	4.817.154.829	11.424.140.072	137,16%	0,88%
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	24.529.541.247	284.079.048.995	1058,11	22,00%
Phải trả người lao động	2.392.977.585	2.660.489.317	11,18%	0,21%
Chi phí phải trả ngắn hạn	102.576.102.679	89.715.170.077	-12,54%	6,95%
Phải trả nội bộ ngắn hạn	-	-	-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	-	-	-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	-	-	-
Phải trả ngắn hạn khác	38.310.159.049	39.638.402.949	3,47%	3,07%
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	445.637.884.622	282.642.419.050	63,42%	56,40%
Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-	-	-

Trong năm 2022, Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước là 02 chỉ tiêu chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu Nợ ngắn hạn của Công ty. Khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn của Công ty chiếm tỷ trọng lớn cho thấy Công ty vẫn tiếp tục sử dụng đòn bẩy tài chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh, Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tăng là tiền thuế đất phải nộp của các dự án đang triển khai.



4. Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái đến kết quả kinh doanh của Công ty

Rủi ro tỷ giá là rủi ro phát sinh do sự biến động của tỷ giá làm ảnh hưởng đến giá trị kỳ vọng trong tương lai. Rủi ro này có thể phát sinh trong nhiều hoạt động khác nhau của Ngân hàng cũng như của Doanh nghiệp. Mọi hoạt động mà dòng tiền thu vào phát sinh bằng một loại đồng tiền trong khi dòng tiền chi ra lại phát sinh bằng một loại đồng tiền khác đều chứa đựng nguy cơ rủi ro tỷ giá. Rủi ro tỷ giá là rủi ro thường xuyên gặp phải và đáng lo ngại đối với các Công ty có hoạt động liên quan đến xuất nhập khẩu.

Đối với bản thân Kosy, Công ty không phát sinh các khoản giao dịch liên quan đến ngoại tệ. Đứng dưới khía cạnh bản thân là một Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực bất động sản và hoạt động thương mại nói riêng, các sản phẩm đầu vào đều lấy từ nguồn cung trong nước nên gần như không có ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái đến kết quả kinh doanh của Công ty.



5. Ảnh hưởng của chênh lệch lãi vay đến kết quả kinh doanh của Công ty

Để phục vụ kinh doanh, đầu tư, hầu như tất cả các doanh nghiệp nói chung đều phải sử dụng vốn vay. Do đó, lãi suất tiền vay - chi phí sử dụng vốn - trở thành bộ phận cấu thành quan trọng trong chi phí sản xuất kinh doanh và đầu tư của doanh nghiệp. Lượng tiền vay càng lớn, tác động tiêu cực của rủi ro này càng nghiêm trọng. Rủi ro lãi suất là khả năng xảy ra tổn thất của doanh nghiệp khi có sự thay đổi của lãi suất trên thị trường. Rủi ro này phát sinh sẽ ảnh hưởng đến thu nhập kỳ vọng từ tài sản sinh lời hoặc chi phí kỳ vọng từ nguồn vốn phải trả lãi.

Hoạt động kinh doanh của Công ty có nhu cầu vốn lớn để đầu tư vào các dự án dài hạn. Phần lớn nguồn vốn này được huy động từ ngân hàng và phát hành trái phiếu doanh nghiệp. Nếu lãi suất tăng cao sẽ làm tăng chi phí lãi vay và gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Để hạn chế ảnh hưởng của chênh lệch lãi vay đến kết quả kinh doanh, Công ty đã chủ động xây dựng cơ cấu nợ và vốn chủ sở hữu phù hợp với từng thời kỳ của nền kinh tế và hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Nhờ có mối quan hệ tốt với các ngân hàng thương mại lớn, Công ty có thể đạt được những thỏa thuận vay vốn với chi phí phù hợp.

6. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2022, Ban Tổng Giám đốc đã tập trung công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh, tập trung vào một số việc như sau:

- + Triển khai thực hiện áp dụng đánh giá kết quả mục tiêu công việc (KPI) theo từng tháng, Quý và năm đối với các Phòng/ ban/ đơn vị trong Công ty; khen thưởng các Phòng/ban/đơn vị đạt kết quả đánh giá KPI cao nhằm khích lệ CBNV tăng động lực làm việc, tăng năng suất lao động;

- + Tăng cường truyền thông giá trị văn hóa doanh nghiệp đến CBNV, đối tác và khách hàng để thống nhất ý chí, sức mạnh đoàn kết nội bộ và tăng cường hiểu biết, tin cậy với các bên liên quan;

- + Chú trọng công tác tìm kiếm các đối tác hợp tác đầu tư trong và ngoài nước; tìm kiếm các đối tác đầu tư tài chính phục vụ SXKD;

- + Tăng cường công tác kiểm soát kế hoạch tài chính nhằm đảm bảo cân đối dòng tiền phục vụ cho SXKD;

- + Công tác phát triển nguồn nhân lực: Khuyến khích và tạo điều kiện để CBQL đào tạo, chia sẻ kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm; đẩy mạnh việc tuyển chọn và đào tạo nhân sự kế thừa; khuyến khích mọi CBNV tìm kiếm ứng viên có chất lượng cho các vị trí chủ chốt.

- + Ban hành các quy trình, quy định về an toàn lao động, 5S văn phòng, công trường và tổ chức thường xuyên công tác kiểm tra đánh giá toàn bộ các dự án của Công ty.



7. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Do hội nhập kinh tế sâu rộng, nền kinh tế Việt Nam chịu ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch COVID- 19. Năm 2023 dự báo tình hình còn gặp nhiều khó khăn và tiếp tục tác động, ảnh hưởng tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội của cả nước.

Trước diễn biến của nền kinh tế của thế giới và Việt Nam, Công ty Cổ phần Kosy xác định tập trung và thực hiện các mục tiêu và kế hoạch phát triển như sau:

- + Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh;
- + Nghiên cứu, ban hành và thực hiện các cơ chế chính sách kinh doanh mới phù hợp với tình hình thị trường cụ thể;
- + Tiếp tục thực hiện các hoạt động từ thiện, xã hội: Tiếp tục thực hiện các hoạt động hướng đến cộng đồng và xã hội, từ thiện gắn liền với công tác xây dựng thương hiệu, phát triển thị trường Công ty.

Trên cơ sở kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022 và định hướng phát triển trong tương lai của Công ty, Ban Tổng Giám đốc dự kiến kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2023 như sau:



8. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có):

Không có ý kiến loại trừ, nhấn mạnh, ý kiến khác, ... của Kiểm toán tại BCTC riêng năm 2022, BCTC hợp nhất năm 2022.

9. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

Công ty luôn ý thức, trách nhiệm đối với sự phát triển bền vững của Công ty sẽ đồng hành cùng sự phát triển của đất nước. Theo đó các quy định nội bộ của Công ty cũng hướng tới tuyên truyền thực hiện các chương trình tiết kiệm và sử dụng hợp lý mọi nguồn lực năng lượng như: Điện, Nước, Giấy in, Không xả rác thải bừa bãi... Đây không chỉ đơn giản là việc tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường, kinh tế, xã hội mà còn là sự đóng góp của Công ty với sự phát triển chung của xã hội.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Công ty đã ban hành chính sách về nhân sự, lao động trong toàn Công ty với quyết tâm xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện, xây dựng Công ty trở thành mái nhà chung, an toàn, hạnh phúc để tập thể cán bộ nhân viên được yên tâm làm việc, phát huy năng lực sáng tạo và phát triển sự nghiệp.

Tạo điều kiện và hỗ trợ kinh phí tổ chức Đoàn thanh niên, tổ chức Công Đoàn, Đảng bộ Công ty hoạt động tự do, dân chủ. Cam kết đảm bảo quyền tự do tham gia các tổ chức, không có hành động ngăn cản hoặc gây khó dễ.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công ty luôn ý thức trách nhiệm đối với cộng đồng và cam kết thực hiện có trách nhiệm xã hội để đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty sẽ đồng hành cùng sự lớn mạnh của đất nước.

Theo đó, ngay trong các quy định nội bộ, Công ty luôn phổ biến đến toàn bộ nhân sự thực hiện chương trình tiết kiệm và sử dụng hợp lý mọi nguồn năng lượng như tiết kiệm nước, giấy in, không xả rác thải ra môi trường bừa bãi... Đây không chỉ đơn giản là tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường, kinh tế, xã hội, những hành động này còn là sự đóng góp của Công ty đối với xã hội nói chung.

Mặc dù chưa có đủ điều kiện và nhân sự để tổ chức các chương trình có quy mô lớn, tuy nhiên Công ty luôn tích cực, cố gắng góp một phần nhỏ vào các hoạt động được địa phương phát động thông qua các chương trình thiện nguyện và các chương trình ngoài giờ làm việc. Các hoạt động đóng góp này không chỉ gắn kết tình đồng nghiệp, xây dựng văn hóa Công ty, nó còn mang một ý nghĩa lớn lao thể hiện trách nhiệm của Công ty với xã hội.

Chúng tôi hiểu rằng, con người tại nên xã hội, do đó Công ty luôn chú trọng đảm bảo đến đời sống của toàn thể cán bộ nhân viên bằng cơ chế lương thưởng minh bạch, cạnh tranh so với thị trường, tạo điều kiện cho nhân viên cân bằng công việc và gia đình. Do vậy, Công ty cam kết sẽ tiếp tục nỗ lực hết mình vì trách nhiệm và uy tín của doanh nghiệp với xã hội, khách hàng, cổ đông, và đội ngũ nhân sự của mình.

04

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



Về hoạt động sản xuất kinh doanh: Năm 2022, Công ty đã có một năm hoạt động sản xuất kinh doanh nhiều biến động về doanh thu và lợi nhuận. Trong năm, Ban Tổng Giám đốc và toàn thể cán bộ nhân viên công ty đã nỗ lực và hành động quyết liệt, kịp thời để hướng tới kết quả mà Đại hội đồng cổ đông giao phó. Tuy nhiên, trước các khó khăn chung của thị trường bất động sản nói riêng và ảnh hưởng nặng nề từ đại dịch Covid – 19, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chưa đạt được kỳ vọng đề ra.



Về công tác giám sát tài chính và công bố thông tin: Hội đồng quản trị đánh giá tốt việc thiết lập và mở rộng các mối quan hệ nhằm tìm kiếm và thu hút nguồn vốn cũng như dòng tiền nhằm đáp ứng nhu cầu thanh khoản và mục tiêu tăng trưởng của Công ty. Việc công bố thông tin chính xác và kịp thời đến các cổ đông một cách minh bạch và toàn bộ hoạt động cũng giúp thu hút và duy trì mối quan hệ với các cổ đông tạo thuận lợi trong việc huy động vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty



Trách nhiệm liên quan đến môi trường và xã hội: Hội đồng quản trị đánh giá cao các chính sách khuyến khích các ý tưởng sáng tạo tiết kiệm

nguyên liệu và tận dụng hiệu quả điện nước đã đi vào thực tế, góp phần giúp giảm thiểu chi phí gia tăng tỷ lệ lợi nhuận cho doanh nghiệp cũng như đóng góp bảo vệ các nguồn tài nguyên và môi trường.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị Công ty đã chỉ đạo và giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

- + Giám sát việc xây dựng kế hoạch kinh doanh vào các dự án trong năm 2022;
- + Chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc hoàn thành báo cáo đúng thời hạn các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cũng như Báo cáo thường niên theo đúng quy định của pháp luật.
- + Chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận liên quan triển khai tập trung Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 thành công tốt đẹp theo đúng quy trình, quy định.
- + Đề ra phương hướng cho hoạt động của Công ty trong năm và chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc lên kế hoạch chi tiết và cụ thể.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Để đạt được mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023, Hội đồng quản trị sẽ tiến hành các biện pháp:

- + Tiếp tục thực hiện chiến lược phát triển của Công ty Cổ phần Kosy đồng thời nghiên cứu, thảo luận và đề ra kế hoạch triển khai chi tiết;
- + Ổn định hệ thống và phát triển Công ty theo hướng lành mạnh, bền vững, kiểm soát tốt rủi ro;
- + Tiếp tục xử lý các vấn đề còn tồn đọng trong năm 2022;
- + Tăng cường công tác quan hệ đầu tư, thường xuyên cập nhật tình hình sản xuất kinh doanh lên website của Công ty;
- + Chỉ đạo kịp thời và kiên quyết các hoạt động của Ban điều hành trong công tác triển khai và tổ chức Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

05
QUẢN TRỊ
CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a) Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị

(Xem danh sách ban điều hành tại mục Thành viên HĐQT).

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Tính đến thời điểm 31/12/2021, Công ty Cổ phần Kosy có 01 tiểu ban trực thuộc HĐQT là Tiểu ban Kiểm toán

nội bộ được phụ trách bởi Thành viên HĐQT độc lập - Ông Nguyễn Công Khánh.

Từ thời điểm hoạt động ngày 01/04/2021, Bộ phận kiểm toán nội bộ đã hỗ trợ các hoạt động quản trị rủi ro của HĐQT, thực hiện việc kiểm toán các hoạt động kinh doanh và quản lý điều hành của Công ty, đưa ra các kiến nghị và đề xuất hướng tới giải quyết triệt để các tồn tại, rủi ro và nâng cao chất lượng các hoạt động kinh doanh.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị

- HĐQT đã lãnh đạo Công ty sản xuất kinh doanh có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn, mang lại giá trị gia tăng cho cổ đông.

- HĐQT đã chỉ đạo sửa đổi hoàn thiện và ban hành hệ thống quy chế quản trị nội bộ phù hợp với mô hình mới, của công ty đại chúng quy mô lớn.

- HĐQT đã phối hợp chặt chẽ, kịp thời, thường xuyên với Ban Tổng Giám đốc điều hành và Ban Kiểm soát

trong việc chỉ đạo thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ và của HĐQT đối với Công ty;

- Mọi vấn đề ra quyết định của HĐQT đều được thảo luận, thông báo đầy đủ, kịp thời, đúng quy định với Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc điều hành;

- Các đề xuất của Ban Tổng giám đốc điều hành đối với HĐQT đều được nghiên cứu, thảo luận và có ý kiến chỉ đạo kịp thời;

- Công ty chấp hành đầy đủ, kịp thời các nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT và các quy định của Nhà nước.

CÁC CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	02/2022/NQ-HĐQT/KOS	13/01/2022	Thông qua phương án đề nghị vay hạn mức tín dụng và các vấn đề liên quan đến việc nhận cấp tín dụng từ Ngân hàng TMCP Bảo Việt (BAOVIET Bank)	100%
2	03/2022/NQ-HĐQT/KOS	14/1/2022	Vay vốn tại ngân hàng, sử dụng tài sản để thế chấp và cử người đại diện ký kết các giấy tờ liên quan	100%
3	04/2022/NQ-HĐQT/KOS	24/1/2022	Sử dụng tài sản của Công ty làm Tài sản thế chấp đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của Công ty tại Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga	100%
4	05/2022/NQ-HĐQT/KOS	28/02/2022	Thông qua việc gia hạn thời gian họp ĐHĐCĐ thường niên 2022	100%
5	15/KOSY-QĐ	28/02/2022	Miễn nhiệm chức danh phó tổng giám đốc Lê Hồng Phong	100%
6	16/KOSY-QĐ	28/02/2022	Miễn nhiệm chức danh phó tổng giám đốc Nguyễn Tiến Hoàn	100%
7	17/KOSY-QĐ	28/02/2022	Miễn nhiệm chức danh phó tổng giám đốc Phùng Thị Hải Vân	100%
8	18/QĐ-HĐQT	1/3/2022	Bổ nhiệm Phó tổng giám đốc Nguyễn Tiến Nam	100%
9	06/2022/NQ-HĐQT/KOS	8/3/2022	Thông qua việc vay vốn, bảo lãnh tại ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Thăng Long - PGD Hoàng Mai	100%
10	07/2022/NQ-HĐQT/KOS	16/03/2022	Thông qua việc tổ chức và chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	100%
11	08/2022/NQ-HĐQT/KOS	22/03/2022	Thông qua phương án thế chấp tài sản Công ty và ủy quyền thực hiện các thủ tục liên quan tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt	100%
12	10/2022/NQ-HĐQT/KOS	12/4/2022	Vay vốn tại Ngân hàng, sử dụng tài sản để thế chấp và cử người đại diện ký kết các giấy tờ liên quan	100%
13	11/2022/NQ-HĐQT/KOS	27/4/2022	Vay vốn, cầm cố, thế chấp tài sản tại BIDV Ngọc Khánh Hà Nội	100%
14	12/2022/NQ-HĐQT/KOS	10/5/2022	Thông qua việc thay đổi thời gian, địa điểm họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	100%
15	13/2022/NQ-HĐQT/KOS	17/5/2022	Thông qua hạn mức vay vốn và Hạn mức Bảo lãnh tại ngân hàng Thương mại cổ phần đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long	100%

16	14/2022/NQ-HĐQT/KOS	23/5/2022	Bầu chủ tịch HĐQT công ty nhiệm kỳ 2022-2027	100%
17	15/2022/NQ-HĐQT/KOS	27/5/2022	Quyết định thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp	100%
18	16/2022/NQ-HĐQT/KOS	7/6/2022	Tái bổ nhiệm, miễn nhiệm và bổ nhiệm cán bộ quản lý trong Công ty	100%
19	50/QĐ-HĐQT	7/6/2022	Tái bổ nhiệm Phó tổng giám đốc thường trực Công ty ông Nguyễn Đức Diệp	100%
20	51/QĐ-HĐQT	7/6/2022	Tái bổ nhiệm Phó tổng giám đốc phụ trách khu vực Tây Bắc bà Nguyễn Thị Phương Thảo	100%
21	52/QĐ-HĐQT	7/6/2022	Miễn nhiệm Kế toán trưởng Công ty bà Phạm Thị Thắng	100%
22	58/QĐ-HĐQT	7/6/2022	Bổ nhiệm Kế toán trưởng công ty ông Nguyễn Quốc Hưng	100%
23	17A/2022/NQ-HĐQT/KOS	14/6/2022	Thông qua phương án vay vốn tài trợ vốn lưu động năm 2022 tại Ngân hàng Liên doanh Việt Nga	100%
24	17/2022/NQ-HĐQT/KOS	27/6/2022	Phê duyệt đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các BCTC năm 2022	100%
25	18/2022/NQ-HĐQT/KOS	14/7/2022	Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 và chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự	100%
26	19/2022/NQ -HĐQT/KOS	21/7/2022	Vay vốn Pvcombank	100%
27	20/2022/NQ -HĐQT/KOS	25/7/2022	Một số vấn đề liên quan đến việc vay vốn tại Pvcombank	100%
28	22/2022/NQ-HĐQT/KOS	10/8/2022	Thông qua phương án đề nghị vay hạn mức tín dụng và các nội dung liên quan đến việc nhận cấp tín dụng từ Ngân hàng TMCP Bảo Việt - CN Sở Giao Dịch	100%
29	23/2022/NQ-HĐQT/KOS	30/8/2022	Thông qua phương án đề nghị vay vốn tại ngân hàng MB	100%
30	24/2022/NQ-HĐQT/KOS	8/9/2022	Thông qua việc bổ sung các vấn đề liên quan đến việc vay vốn tại ngân hàng Thương mại cổ phần đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long	100%
31	25/2022/NQ-HĐQT/KOS	27/9/2022	Thông qua nội dung vay vốn của Công ty tại Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga - CN Sở Giao dịch	100%
32	26/2022/NQ-HĐQT/KOS	14/10/2022	Thông qua việc bổ sung các vấn đề liên quan đến việc vay vốn tại Công ty tại Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga	100%
33	27/2022/NQ-HĐQT/KOS	20/10/2022	Thông qua việc bổ sung các vấn đề liên quan đến việc vay vốn tại Ngân hàng Agribank chi nhánh Hoàng Mai	100%
34	28/2022/NQ-HĐQT/KOS	21/11/2022	Thông qua phương án nhận cấp tín dụng và các vấn đề liên quan đến việc nhận cấp tín dụng từ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	100%

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Trong năm 2022 các thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã thay mặt các cổ đông của công ty thực hiện giám sát hoạt động của những người quản lý điều hành, ngăn ngừa các mâu thuẫn và xung đột lợi ích giữa các cổ đông và ban lãnh đạo công ty, nhằm bảo vệ quyền lợi, đồng vốn của các cổ đông.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty

Trong năm 2022 Công ty không có thành viên nào tham gia khóa đào tạo về quản trị Công ty.



2. Ban Kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

(Xem danh sách ban điều hành tại Phần II. Tình hình hoạt động trong năm, mục 2. Tổ chức và nhân sự).

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát

Hiệu quả của công tác giám sát tuân thủ được tăng cường thông qua các hoạt động của Ban Kiểm soát:

Xem xét tính phù hợp của các Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành đảm bảo tuân thủ với quy định của pháp luật và điều lệ hoạt động của Công ty.

Kiểm soát việc tuân thủ Điều lệ và Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông.

Xem xét các báo cáo định kỳ do Ban Tổng Giám đốc lập, kiểm tra các báo cáo tài chính quý, bán niên, năm của Công ty Cổ phần Kosy nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của số liệu tài chính. Đồng thời, phối hợp với Kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến Báo cáo tài chính.

Giám sát việc thực thi, công bố thông tin của Công ty theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.

Đánh giá tình hình đầu tư của Công ty Cổ phần Kosy vào các công ty liên kết. Định kỳ xem xét Báo cáo tài chính quý, bán niên của các công ty này để kiến nghị, đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư của Công ty Cổ phần Kosy.

Kiểm tra việc chấp hành nghĩa vụ của Công ty Cổ phần Kosy theo quy định của pháp luật, bao gồm các nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội và các nghĩa vụ tài chính khác.

CÁC CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

STT	Biên bản họp số	Ngày tháng	Nội dung làm việc
1	01/2022//BB-BKS/KOS	28/02/2022	Về việc gia hạn thời gian họp ĐHĐCĐ thường niên 2022
2	02/2022//BB-BKS/KOS	27/6/2022	Về việc Phê duyệt đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các BCTC năm 2022
3	03/2022//BB-BKS/KOS	14/7/2022	Về việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 và chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự
4	04/2022//BB-BKS/KOS	08/05/2022	Về việc bầu Trưởng ban kiểm soát CTCP Kosy nhiệm kỳ 2022-2027

3. Các giao dịch, thù lao và lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát

a) Thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

Chi tiết Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong năm 2022:

STT	Chức danh	SL	Chi trả năm 2022	Kế hoạch năm 2022
1	Chủ tịch HĐQT	01	3.750.000 đồng/ tháng	2.000.000 đồng/ tháng
2	Thành viên HĐQT	06	2.458.333 đồng/ tháng	1.000.000 đồng/ tháng
3	Trưởng BKS	01	2.000.000 đồng/ tháng	2.000.000 đồng/ tháng
4	Thành viên BKS	02	1.000.000 đồng/ tháng	1.000.000 đồng/ tháng

Tiền lương, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát năm 2022 được thực hiện theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

STT	Bộ phận	Đơn vị	Tiền lương và phụ cấp năm 2022
1	Hội đồng quản trị	Đồng	834.800.000
2	Ban kiểm soát	Đồng	720.948.571
3	Ban Tổng giám đốc	Đồng	3.562.352.007
Tổng cộng		Đồng	5.118.100.578

b) Giao dịch cổ phiếu của Cổ đông nội bộ và người liên quan

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Giao dịch	SLCP	Ngày thông báo giao dịch	Ngày báo cáo kết quả
1	Đỗ Quốc Việt	Người nội bộ	Mua	45.000	12/12/2022	21/12/2022
2	Hà Sỹ Dinh	Người nội bộ	Mua	30.000	13/12/2022	21/12/2022
3	Nguyễn Đức Diệp	Người nội bộ	Mua	62.500	13/12/2022	21/12/2022
4	Nguyễn Việt Thung	Người nội bộ	Mua	123.000	19/12/2022	23/12/2022
5	Trần Thị Thu Hà	Người nội bộ	Mua	90.000	21/12/2022	30/12/2022
6	Nguyễn Việt Cường	Người nội bộ	Bán	10.000.000	23/12/2022	31/01/2023

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ và bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Năm 2021	Năm 2022
I. CÁ NHÂN			
Ông Nguyễn Việt Cường + Tạm ứng + Hoàn ứng + Hoán đổi 14.000.000 cổ phiếu của Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư Xây dựng thủy điện	Chủ tịch HĐQT	- - 210.000.000.000	81.900.000 81.900.000 -
Bà Nguyễn Thị Hằng + Tạm ứng + Hoàn ứng + Hoán đổi 3.500.000 cổ phiếu của Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư Xây dựng thủy điện	Phó CT HĐQT/TV thân cận trong gia đình CT HĐQT	- - 52.500.000.000	- - -
Ông Nguyễn Tiến Hoàn + Tạm ứng + Hoàn ứng	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/03/2022)	- 258.000.000	- -
Bà Trần Thị Thu Hoài + Tạm ứng + Hoàn ứng + Chi phí hoạt động + Thanh toán tiền	Thành viên Ban Kiểm soát	79.887.586 72.258.586 13.762.000 13.762.000	- 7.629.000 - -
II. TỔ CHỨC			
Công ty cổ phần tập đoàn Sơn Phúc + Xuất bán hàng hóa + Thu tiền hàng + Mua dịch vụ + Thanh toán tiền mua dịch vụ	CT của TV thân cận trong gia đình của CT HĐQT	- - 1.071.475.364 140.000.000	- - 84.848.181 352.259.900
Công ty Cổ phần Tư vấn kiến trúc và Xây dựng Đông Đô + Giá trị dịch vụ được nghiệm thu + Thanh toán tiền dịch vụ	CT của TV thân cận trong gia đình của CT HĐQT	- 954.545.455	- -

Công ty cổ phần đầu tư Leo Regulus + Hoán đổi 16.800.000 cổ phiếu của Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư Xây dựng thủy điện	Cùng lãnh đạo là Chủ tịch HĐQT	252.000.000.000	-
Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Đông Tây + Chi hộ + Thu tiền + Chi phí thuê xe + Thanh toán	Cùng Ban lãnh đạo là Phó Chủ tịch HĐQT	6.105.000 6.105.000 192.000.000 211.200.000	- - 192.000.000 103.680.000

d) Đánh giá thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty luôn cập nhật các văn bản có liên quan về tình hình quản trị Công ty của Ủy ban chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán và tuân thủ quy định về Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

06 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến của kiểm toán

“Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính riêng, hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần KOSY tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

(Gửi kèm Bản báo cáo thường niên này).

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- SGDCK TP.HCM;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT

Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2023

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP**

Chủ tịch Hội đồng quản trị

- 
- 1. Ý kiến kiểm toán - Báo cáo kiểm toán độc lập**
 - 2. Bảng cân đối kế toán hợp nhất**
 - 3. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất**
 - 4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất**
 - 5. Thuyết minh Báo cáo tài chính**

Số: 304/2023/UHY - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Kosy
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Kosy

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 kèm theo của Công ty Cổ phần Kosy (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 03 năm 2023, từ trang 6 đến trang 51, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kosy chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kosy tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Kosy cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất này tại ngày 31/03/2022.



Lê Quang Nghĩa
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 3660-2021-112-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2023

Ngô Anh Dũng
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 5215-2021-112-1

Mẫu số B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.340.282.524.366	2.454.099.696.132
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	45.752.508.349	15.773.053.844
Tiền	111		34.465.931.232	15.773.053.844
Các khoản tương đương tiền	112		11.286.577.117	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	8	11.284.732.400	11.043.951.964
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	8.1	11.284.732.400	11.043.951.964
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		956.548.254.741	1.076.565.684.677
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	301.479.049.272	346.021.284.892
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	11	460.395.675.973	520.215.703.482
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	3.829.000.000	4.849.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	10	190.844.529.496	205.479.696.303
Hàng tồn kho	140	12	2.288.055.517.315	1.304.068.809.900
Hàng tồn kho	141		2.288.055.517.315	1.304.068.809.900
Tài sản ngắn hạn khác	150		38.641.511.561	46.648.195.747
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	10.685.602.029	9.877.501.893
Thuế GTGT được khấu trừ	152	17	25.120.753.390	36.770.693.854
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	2.835.156.142	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.495.281.738.180	1.420.715.570.957
Các khoản phải thu dài hạn	210		40.000.000	40.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	10	40.000.000	40.000.000
Tài sản cố định	220		1.111.234.187.196	629.901.748.987
Tài sản cố định hữu hình	221	13	1.111.234.187.196	629.901.748.987
- Nguyên giá	222		1.181.082.187.088	649.365.357.422
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(69.847.999.892)	(19.463.608.435)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.102.314.815	389.740.972.752
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	6	1.102.314.815	389.740.972.752
Đầu tư tài chính dài hạn	250		229.274.644.799	229.664.644.799
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	8.2	229.049.400.000	229.049.400.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	8.2	(74.755.201)	(74.755.201)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	8.1	300.000.000	690.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		153.630.591.370	171.368.204.419
Chi phí trả trước dài hạn	261	5	798.350.966	1.395.899.671
Lợi thế thương mại	269	14	152.832.240.404	169.972.304.748
TỔNG TÀI SẢN	270		4.835.564.262.546	3.874.815.267.089

Mẫu số B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		2.550.337.166.458	1.611.274.172.291
Nợ ngắn hạn	310		1.291.296.906.829	837.733.314.156
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	135.499.351.747	219.469.494.145
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	11.424.140.072	4.817.154.829
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	284.079.048.995	24.529.541.247
Phải trả người lao động	314		2.660.489.317	2.392.977.585
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	89.715.170.077	102.576.102.679
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	39.638.402.949	38.310.159.049
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	728.280.303.672	445.637.884.622
Nợ dài hạn	330		1.259.040.259.629	773.540.858.135
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		7.157.368.297	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	1.251.882.891.332	773.540.858.135
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.285.227.096.088	2.263.541.094.798
Vốn chủ sở hữu	410	21	2.285.227.096.088	2.263.541.094.798
Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.164.813.350.000	2.164.813.350.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.164.813.350.000	2.164.813.350.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		113.293.928.749	91.720.103.649
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		91.576.103.649	69.171.505.036
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		21.717.825.100	22.548.598.613
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		7.119.817.339	7.007.641.149
TỔNG NGUỒN VỐN	440		4.835.564.262.546	3.874.815.267.089

Người lập biểu



Từ Thị Thủy

Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Hưng

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2023

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Việt Cường

Mẫu số B02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	1.343.460.401.347	1.106.568.127.246
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.343.460.401.347	1.106.568.127.246
Giá vốn hàng bán	11	23	1.196.808.073.642	1.056.061.985.100
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		146.652.327.705	50.506.142.146
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	35.419.302.790	47.603.967.767
Chi phí tài chính	22	25	98.887.823.914	25.912.900.410
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		98.669.246.872	25.838.145.209
Chi phí bán hàng	25	26	2.570.171.827	4.026.026.326
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	42.443.187.798	25.142.521.192
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		38.170.446.956	43.028.661.985
Thu nhập khác	31	29	28.477.662	143.967.906
Chi phí khác	32	30	5.816.176.058	12.801.179.515
Lợi nhuận khác	40		(5.787.698.396)	(12.657.211.609)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		32.382.748.560	30.371.450.376
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	10.552.747.270	7.817.238.299
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		21.830.001.290	22.554.212.077
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		21.719.114.209	22.548.598.613
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		110.887.081	5.613.464
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	100,33	137,48
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	32	79,51	85,88

Người lập biểu

Từ Thị Thủy

Từ Thị Thủy

Kế toán trưởng

Nguyễn Quốc Hưng

Nguyễn Quốc Hưng

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2023

Chức tích HĐQT



Nguyễn Việt Cường

Mẫu số B03-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		32.382.748.560	30.371.450.376
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ	02		51.029.619.472	6.993.832.464
Các khoản dự phòng	03		-	74.755.201
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	05		(35.430.265.424)	(47.661.423.038)
Chi phí lãi vay	06		98.669.246.872	25.838.145.209
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước	08		146.651.349.480	15.616.760.212
thay đổi vốn lưu động				
Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	09		180.009.161.506	(102.739.619.123)
(Tăng) hàng tồn kho	10		(983.986.707.415)	(264.219.130.276)
Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay	11		215.460.401.259	104.246.146.971
phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải				
nộp)				
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12		(219.508.994)	2.712.750.074
Tiền lãi vay đã trả	14		(97.538.887.612)	(30.127.896.752)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(11.490.710.855)	(12.377.033.626)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh	20		(551.114.902.631)	(286.888.022.521)
doanh				
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và	21		(181.681.734.561)	(161.379.985.650)
các tài sản dài hạn khác				
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và	22		260.000.000	545.454.545
các tài sản dài hạn khác				
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của	23		(1.864.758.996)	(18.360.000.000)
đơn vị khác				
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ	24		3.033.978.560	11.400.000.000
nợ của đơn vị khác				
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(216.285.168.738)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị	26		-	294.204.000.000
khác				
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được	27		362.419.886	662.990.242
chia				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động	30		(179.890.095.111)	(89.212.709.601)
đầu tư				

Mẫu số B03-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	560.938.670.000
Tiền thu từ đi vay	33		1.653.006.871.995	415.047.501.395
Tiền trả nợ gốc vay	34		(892.022.419.748)	(603.878.580.939)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		760.984.452.247	372.107.590.456
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		29.979.454.505	(3.993.141.666)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	15.773.053.844	19.766.195.510
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	45.752.508.349	15.773.053.844

Người lập biểu

Từ Thị Thủy

Kế toán trưởng

Nguyễn Quốc Hưng

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2023

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Việt Cường

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***Mẫu số B09-DN/HN****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Kosy, (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 010322871, đăng ký lần đầu ngày 10/03/2008. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về tên công ty, ngành nghề kinh doanh, vốn điều lệ, địa chỉ,... của công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội chuẩn y tại các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ đổi lần thứ 01 đến lần thứ 17 ngày 09/12/2021. Theo đó, số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được thay bằng mã số doanh nghiệp số 0102681319 tại Giấy đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 2 ngày 09/07/2010.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại B6-BT5, Khu đô thị Mỹ Đình 2, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đến ngày 31/12/2022 là 2.164.813.350.000 đồng (Bằng chữ: Hai nghìn một trăm sáu mươi tư tỷ tám trăm mười ba triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) chia thành 216.481.335 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Cổ phiếu của công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là: KOS.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2022 là 112 người (tại ngày 31/12/2021 là 124 người).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất, chi tiết: Dịch vụ tư vấn bất động sản; dịch vụ quảng cáo bất động sản; dịch vụ quản lý bất động sản; dịch vụ sàn giao dịch bất động sản;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác, chi tiết: Lắp đặt sửa chữa công trình viễn thông;
- Hoạt động viễn thông khác, chi tiết: Cho thuê công trình viễn thông;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;
- Thoát nước và xử lý nước thải, chi tiết: Xử lý nước thải;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Điều 3, Luật kinh doanh bất động sản năm 2014);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu, chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, chi tiết: Khai thác đá, cát, sỏi;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt, chi tiết: Khai thác khoáng sản kim loại đen, kim loại màu, quặng không chứa sắt, quặng kim loại không chứa sắt (trừ những khoáng sản cấm khai thác);
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Khai thác quặng sắt;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, chi tiết: kinh doanh dịch vụ ăn uống, nhà hàng (không bao gồm kinh doanh quán Bar, phòng hát karaoke, vũ trường);

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH (TIẾP)

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, chi tiết: Kinh doanh khách sạn (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Kinh doanh khu vui chơi giải trí;
- Đại lý du lịch, chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế phục vụ khách du lịch, du lịch sinh thái (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Chuẩn bị mặt bằng, chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, chi tiết: Quy hoạch đô thị và nông thôn, thiết kế nội ngoại thất công trình; thiết kế kiến trúc công trình dân dụng, công nghiệp; thiết kế tổng thể mặt bằng công trình xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hành khách đường bộ khác, chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng công trình công ích khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Sản xuất điện;
- Truyền tải và phân phối điện, chi tiết: Phân phối điện;
- Xây dựng công trình đường sắt;
- Bốc xếp hàng hóa, chi tiết: Bốc xếp hàng hóa đường bộ;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, chi tiết: Gửi hàng, Giao nhận hàng hóa;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại, chi tiết: Bán buôn quặng kim loại, bán buôn sắt thép, bán buôn kim loại khác;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển;
- Đào tạo cao đẳng;
- Đào tạo đại học;
- Đào tạo thạc sĩ;
- Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt, chi tiết: Vệ sinh nhà cửa và các công trình, dịch vụ vệ sinh công nghiệp;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH (TIẾP)

- Dịch vụ chăm sóc, duy trì cảnh quan, chi tiết: Trồng cây, chăm sóc và duy trì công viên, vườn hoa và các khu công cộng khác.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty trong kỳ: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Kinh doanh bất động sản; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng.

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Tại ngày 31/12/2022 Công ty có 01 công ty con và 03 đơn vị phụ thuộc:

Tên công ty con trực tiếp	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thủy điện	Tổ 3, phường Quyết Tiến, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	Thủy điện	98%	98%

Đơn vị trực thuộc:

Tại ngày 31/12/2022, Công ty có 01 chi nhánh trực thuộc và 02 văn phòng đại diện.

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Quản lý Đô thị Kosy Sông Công	Số nhà 205, tổ 7, phường Thắng Lợi, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.
Văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh	Số 130 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.
Văn phòng đại diện tại tỉnh Lai Châu	Số 44 Đại lộ Lê Lợi, tổ 18 phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Số liệu so sánh cho Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty đã được kiểm toán. Các số liệu này hoàn toàn có thể so sánh được với Báo cáo tài chính hợp nhất năm nay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2.2 CƠ SỞ HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31/12/2022. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

2.3 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.3 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn, bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm/kỳ và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.3 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: Giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền sau từng lần nhập. Giá xuất của hàng hóa được tính theo phương pháp bình quân gia quyền

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm. Bao gồm: chi phí giải phóng mặt bằng, chi phí thực hiện dự án, chi phí hạ tầng dự án, ... của các phần dự án chưa được ghi nhận doanh thu tại thời điểm cuối năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 35 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 18 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 04 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	03 năm

3.7 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỒI DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động/ chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Các chi phí sửa chữa lớn được phân bổ vào năm thứ 3 kể từ thời điểm phát sinh chi phí.

3.9 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

3.10 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả của Công ty là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.10 CHI PHÍ PHẢI TRẢ (TIẾP)

Việc ghi trích trước chi phí để tạm tính giá vốn của các công trình tuân thủ các nguyên tắc:

Công ty chỉ trích trước chi phí để tạm tính giá vốn cho các công trình/hạng mục đã hoàn thành và được xác định là đã bán trong kỳ. Chi phí trích trước vào giá vốn là các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng. Số chi phí trích trước được tạm tính đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của công trình/hạng mục được xác định đã bán.

3.11 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các kế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, khoản vay đến hạn trả trong vòng 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh tiếp theo được phân loại là vay ngắn hạn, các khoản có thời gian trả nợ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản vay dài hạn.

3.12 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

3.13 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.14 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu từ chuyển nhượng bất động sản, vật liệu xây dựng và doanh thu cho thuê tài sản.

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính riêng của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính riêng; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.14 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP (TIẾP)

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản (tiếp)

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền đối với hợp đồng không hủy ngang được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất;
- Công ty đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Doanh thu cho thuê

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê căn hộ và dự án cho thuê xe ô tô được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thiện công việc.

Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Doanh thu xác định tương đối chắc;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.15 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã xuất bán hoặc đã cung cấp trong năm.

Giá vốn của bất động sản chuyển nhượng được xác định theo chi phí ước tính căn cứ trên Tổng mức đầu tư ban đầu và các lần điều chỉnh được phê duyệt của các dự án và chi phí thực tế phát sinh liên quan trực tiếp khác liên quan tới việc đầu tư, xây dựng bất động sản.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, giá vốn hàng bán còn bao gồm các khoản chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho kể cả khi sản phẩm hàng hóa chưa được tiêu thụ; giá trị hàng tồn kho bị hao hụt, mất mát và khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.16 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay.

3.17 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán riêng và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán riêng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

3.18 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.18 BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tập đoàn kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong năm 2022 được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	2.508.804.536	5.437.156.780
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	31.957.126.696	10.335.897.064
Các khoản tương đương tiền (*)	11.286.577.117	-
Cộng	45.752.508.349	15.773.053.844

(*) Các khoản tương đương tiền là hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng, hưởng lãi suất 3,45% - 4%/năm.

5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	10.685.602.029	9.877.501.893
- Chi phí trả trước về dịch vụ tư vấn môi giới	8.559.428.224	7.639.534.067
- Chi phí mua bảo hiểm, dịch vụ trả trước	141.929.224	141.715.521
- Kinh phí GPMB (di chuyển đường dây điện và đèn - bù)	1.772.205.445	1.772.205.445
- Công cụ dụng cụ phân bổ	212.039.136	53.681.329
- Các khoản khác	-	270.365.531
Dài hạn	798.350.966	1.395.899.671
- Công cụ dụng cụ	31.443.433	56.846.969
- Ủng hộ xây dựng nhà ăn và nhà văn hóa	582.891.232	893.332.670
- Phí dịch vụ hòa mạng	69.454.544	104.181.822
- Các khoản khác	114.561.757	341.538.210
Cộng	11.483.952.995	11.273.401.564

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

6. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Hệ thống hội nghị truyền hình	-	547.900.000
- Nhà máy thủy điện Nậm Pạc 1	-	389.193.072.752
- Dự án nhà máy điện mặt trời Sơn Mỹ	259.259.259	-
- Dự án thủy điện tích năng Kosy Di Linh	843.055.556	-
Cộng	1.102.314.815	389.740.972.752

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Công ty TNHH Xây dựng Công trình Thủy điện Thái An (1)	2.475.000.000	2.495.000.000
- Công ty TNHH Xây dựng và Đầu tư Thiên Châu (2)	500.000.000	500.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Anh Quân(3)	-	1.000.000.000
- Các đối tượng khác (4)	854.000.000	854.000.000
Cộng	3.829.000.000	4.849.000.000

(1): Hợp đồng số 03/HĐVV/TVTĐ-TA ngày 26/08/2021, thời hạn 8 tháng, lãi suất 5%/năm kèm phụ lục hợp đồng số 01/TVTĐ-TA ngày 30/12/2021, thời hạn 05 tháng kể từ ngày 31/12/2021, lãi suất 5%/năm.

(2): Hợp đồng vay vốn số 01/HĐVV/TVTĐ-TĐTC và số 02/HĐVV/TVTĐ-TĐTC ngày 06/11/2021 thời hạn 03 tháng, tự động gia hạn khi hai bên không có thông báo, lãi suất 5%/năm.

(3): Hợp đồng số 05/HĐVV/TVTĐ-AQ thời hạn 05 tháng, từ ngày 08/12/2021, lãi suất 5%/năm.

(4): Các hợp đồng cho vay với thời hạn dưới 12 tháng, lãi suất 5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

8. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

8.1 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Ngắn hạn	11.284.732.400	11.284.732.400	11.043.951.964	11.043.951.964
+ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	11.284.732.400	11.284.732.400	11.043.951.964	11.043.951.964
(1)				
Dài hạn	300.000.000	300.000.000	690.000.000	690.000.000
+ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	-	-	590.000.000	590.000.000
+ Trái phiếu Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (2)	300.000.000	300.000.000	100.000.000	100.000.000
	11.584.732.400	11.584.732.400	11.733.951.964	11.733.951.964

(1) Các khoản tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long với kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng, hưởng lãi suất 5,1 - 7%/năm.

(2) Khoản đầu tư vào trái phiếu của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam với số lượng 100 trái phiếu tại ngày 24/12/2020, mệnh giá trái phiếu là 1.000.000 VND, kỳ hạn trái phiếu là 7 năm. Lãi suất theo quy định tại các Điều khoản và Điều kiện của trái phiếu. Tiền lãi trái phiếu được trả sau, định kỳ 1 năm 1 lần.

CÔNG TY CỔ PHẦN KOSY

B6-BT5, KĐT mới Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

8. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

8.2 ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào đơn vị khác	229.049.400.000	(74.755.201)		(74.755.201)
+ Công ty Cổ phần Điện gió Kosy Bạc Liêu (**)	221.324.400.000	-	(*)	- (*)
+ Công ty Cổ phần quản lý và vận hành lưới điện 110KV Lai Châu (***)	7.725.000.000	(74.755.201)	(*)	(74.755.201) (*)
Cộng	229.049.400.000	(74.755.201)		(74.755.201)

(*) Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

(**) Công ty Cổ phần Điện gió Kosy Bạc Liêu hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1900664566 ngày 02/07/2020. Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty Cổ phần Điện gió Kosy Bạc Liêu đến ngày 31/12/2022 là 621.000.000.000 đồng. Tỷ lệ phần vốn nắm giữ và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Kosy tại ngày 31/12/2022 ở Công ty Cổ phần Điện gió Kosy Bạc Liêu là 19,8%.

(***) Công ty Cổ phần Quản lý và Vận hành lưới điện 110KV Lai Châu hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6200103099 ngày 18/06/2019. Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty Cổ phần quản lý và vận hành lưới điện 110KV Lai Châu đến ngày 31/12/2022 là 67.000.000.000 đồng. Tỷ lệ phần vốn nắm giữ và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Kosy tại ngày 31/12/2022 ở Công ty Cổ phần quản lý và vận hành lưới điện 110KV Lai Châu là 11,3%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

9. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	301.479.049.272	-	346.021.284.892	-
- Công ty Cổ phần Zone Việt	-	-	23.260.496.936	-
- Công ty TNHH Tư vấn và Thương mại Đông Á	51.757.125.481	-	28.562.423.709	-
- Công ty TNHH Tư vấn thiết kế và Phát triển hạ tầng Việt Nam	47.272.948.395	-	45.643.405.911	-
- Công ty TNHH Xây dựng và Đầu tư Bất động sản Thăng Long	23.617.266.199	-	48.730.252.469	-
- Công ty cổ phần Giải pháp SSTECH Việt Nam	37.369.052.555	-	37.942.695.872	-
- Công ty cổ phần Thương mại và Tư vấn Nam Hà Nội	38.967.517.178	-	33.699.784.838	-
- Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản Bắc Giang	67.721.833.625	-	24.546.480.221	-
- Tổng Công ty Điện Lực Miền Bắc	11.042.583.128	-	3.080.628.813	-
- Các khách hàng khác	23.730.722.711	-	100.555.116.123	-
Cộng	301.479.049.272	-	346.021.284.892	-

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 34.3

CÔNG TY CỔ PHẦN KOSY

B6-BT5, KĐT mới Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

10. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	190.844.529.496	-	205.479.696.303	-
- Ký cược, ký quỹ	182.957.100	-	162.957.100	-
- Tạm ứng	37.087.895.388	-	76.669.156.717	-
+ Ông Nguyễn Anh Toàn (1)	10.628.441.200	-	31.141.423.200	-
+ Bà Vũ Thị Thương (1)	24.607.718.418	-	21.061.112.288	-
+ Bà Nguyễn Thanh Hiền (1)	1.439.044.000	-	16.000.000.000	-
+ Ông Nguyễn Văn Cường (1)	120.000.000	-	4.282.802.970	-
+ Ông Nguyễn Văn Lăng (1)	-	-	2.660.667.376	-
+ Các đối tượng khác	292.691.770	-	1.523.150.883	-
- Phải thu khác	153.429.677.008	-	128.568.582.486	-
+ Công ty TNHH Thông Ngân (2)	31.416.921.000	-	15.810.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Xây dựng và Hạ tầng Ninh Bình (5)	8.182.191.781	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nam (6)	1.793.150.685	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Phát triển điện Lai Châu (3)	23.673.132.192	-	23.673.132.192	-
+ Công ty Cổ phần Quản lý và Vận hành lưới điện 110KV Lai Châu (7)	2.394.174.000	-	2.394.174.000	-
+ Ông Nguyễn Đức Trang (4)	84.382.651.273	-	84.382.651.273	-
+ Các đối tượng khác	1.587.456.077	-	2.308.625.021	-
- Thù lao HĐQT, BKS ứng trước	144.000.000	-	79.000.000	-
Dài hạn	40.000.000	-	40.000.000	-
- Ký cược, ký quỹ	40.000.000	-	40.000.000	-
Cộng	190.884.529.496	-	205.519.696.303	-

Phải thu khác là các bên liên quan : Chi tiết trình bày tại thuyết minh 34.3

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

10. PHẢI THU KHÁC (TIẾP)

- (1) Khoản tạm ứng chi phí giải phóng mặt bằng của Dự án Gia Sảng 11, Dự án Hà Nam, Dự án Ninh Bình và Dự án tiểu khu 16 - Lào Cai.
- (2) Khoản phải thu về Hợp đồng Hợp tác liên danh ngày 06/11/2020 về Dự án khu nhà ở thương mại Đá Lả, thị trấn Quán Hâu, tỉnh Quảng Bình.
- (3) Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2020/HĐHTĐT về việc đầu tư xây dựng công trình đường dây 110kV đấu nối các nhà máy thủy điện Nậm So 1, Nậm Han, Nậm Pạc 2, Nậm Pạc 1, Nậm Pạc 1A, Van Hồ, Chàng Phàng, Nậm Xe, Po Chà, Nậm So 2, vào lưới điện quốc gia.
- (4) Khoản chi phí giải phóng mặt bằng dự án đã chi trả cho các hộ dân đang trong quá trình hoàn tất thủ tục chuyển đổi quyền sở hữu sang Công ty.
- (5) Lãi dự thu cho vay theo Biên bản làm việc số 01/BB/KOSY-HTNB.
- (6) Lãi dự thu cho vay theo Biên bản làm việc số 01/BB/KOSY-XDHN.
- (7) Theo công văn số 12-5/2021/CV-QLVH ngày 12/05/2020 về việc thực hiện góp vốn thay, thực hiện đầu tư xây dựng công trình mở rộng TBA 110kV Mường So. Công ty Cổ phần Tư vấn Thủy điện sẽ góp thay với khoản vốn góp thiếu của các nhà đầu tư khác sẽ được hưởng lãi vay theo thỏa thuận khi các nhà đầu tư còn lại tiến hành góp vốn. Công ty Cổ phần Quản lý và Vận hành Lưới điện 110Kv Lai Châu sẽ chịu trách nhiệm thu hồi khoản lãi và vốn góp.

CÔNG TY CỔ PHẦN KOSY

B6-BT5, KĐT mới Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

11. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	460.395.675.973	-	520.215.703.482	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng KSCONS	46.378.768.507	-	64.147.680.000	-
- Công ty Cổ phần KPT Việt Nam	103.221.061.890	-	95.870.977.206	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hạ tầng Thủ Đô	119.942.104.423	-	175.401.860.423	-
- BQL thực hiện DAXD cấp bách HTCCLL sông cầu kết hợp hoàn thiện HTDDT2 bên bờ sông cầu, tỉnh Thái Nguyên	4.822.943.366	-	7.695.192.485	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Hạ tầng Ninh Bình	75.000.000.000	-	75.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nam	46.577.349.688	-	50.000.000.000	-
- Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Lào Cai	9.535.187.987	-	12.801.546.825	-
- Các đối tượng khác	54.918.260.112	-	39.298.446.543	-
Cộng	460.395.675.973	-	520.215.703.482	-

Trả trước cho người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 34.3

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

12. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.288.055.517.315	-	1.304.068.809.900	-
+ Dự án Kosy Hà Nam	681.744.411.970	-	33.422.635.381	-
+ Dự án Kosy Bắc Giang	360.695.080.159	-	221.736.495.566	-
+ Dự án Kosy Gia Sàng 11	445.088.733.159	-	348.181.509.386	-
+ Dự án Kosy Sông Công	111.000.446.007	-	114.387.527.625	-
+ Dự án Kosy Lào Cai	431.842.440.961	-	415.420.009.139	-
+ Các đối tượng khác	257.684.405.059	-	170.920.632.803	-
Cộng	2.288.055.517.315	-	1.304.068.809.900	-

(*) Quyền sử dụng đất được cấp tại các dự án Kosy Lào Cai, Kosy Sông Công, Kosy Bắc Giang, Kosy Hà Nam, Kosy Gia Sàng 11 được thế chấp cho các khoản vay ngân hàng (Chi tiết được trình bày tại Thuyết minh số 20).

Chỉ phí lãi vay đã vốn hóa vào giá trị của các dự án dở dang trong năm 2022 là 41.620.651.346 đồng (năm 2021 là 40.912.934.021 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dùng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại 01/01/2022	466.014.142.164	145.336.390.094	37.718.554.910	296.270.254	649.365.357.422
- Đầu tư XDCB hoàn thành	373.674.037.673	158.391.377.084	-	547.900.000	532.613.314.757
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(804.485.091)	(92.000.000)	(896.485.091)
Tại 31/12/2022	839.688.179.837	303.727.767.178	36.914.069.819	752.170.254	1.181.082.187.088
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại 01/01/2022	(676.377.005)	(651.464.508)	(17.952.429.359)	(183.337.563)	(19.463.608.435)
- Khấu hao trong năm	(26.998.146.673)	(18.406.590.781)	(5.482.840.044)	(144.261.684)	(51.031.839.182)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	557.679.011	89.768.714	647.447.725
Tại 31/12/2022	(27.674.523.678)	(19.058.055.289)	(22.877.590.392)	(237.830.533)	(69.847.999.892)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2022	465.337.765.159	144.684.925.586	19.766.125.551	112.932.691	629.901.748.987
Tại 31/12/2022	812.013.656.159	284.669.711.889	14.036.479.427	514.339.721	1.111.234.187.196

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2022 là: 1.130.075.636.256 đồng (tại ngày 01/01/2022 là 628.972.470.430 đồng);

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là: 3.666.485.454 đồng (tại ngày 01/01/2022 là: 274.640.000 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

14. LỢI THỂ THƯƠNG MẠI

	Lợi thể thương mại	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ		
Tại 01/01/2022	171.400.643.443	171.400.643.443
Tại 31/12/2022	171.400.643.443	171.400.643.443
GIÁ TRỊ PHÂN BỐ		
Tại 01/01/2022	(1.428.338.695)	(1.428.338.695)
- Phân bổ trong năm	(17.140.064.344)	(17.140.064.344)
Tại 31/12/2022	(18.568.403.039)	(18.568.403.039)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2022	169.972.304.748	169.972.304.748
Tại 31/12/2022	152.832.240.404	152.832.240.404

Lợi thể thương mại phát sinh từ ngày 01/12/2021 khi Công ty Cổ phần Kosy nắm quyền kiểm soát đối với Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thủy điện - Công ty con. Lợi thể thương mại phản ánh chênh lệch giữa giá phí hợp nhất khoản đầu tư vào Công ty con và phần sở hữu của Công ty mẹ (Kosy) trong giá trị hợp lý của tài sản thuần của Công ty con tại ngày mua.

Lợi thể thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của lợi thể thương mại đó là 10 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn	135.499.351.747	135.499.351.747	219.469.494.145	219.469.494.145
- Công ty TNHH Tư vấn và Thương mại Đại An	4.734.794.607	4.734.794.607	21.208.202.510	21.208.202.510
- Công ty TNHH Tư vấn và Thương mại Đại Phát	24.633.988.955	24.633.988.955	34.656.756.727	34.656.756.727
- Công ty TNHH Tư vấn và Thương mại Nam Thăng Long	23.108.341.136	23.108.341.136	60.486.855.425	60.486.855.425
- Công ty CP Licogi 13- Cơ giới hạ tầng	17.105.855.926	17.105.855.926	17.147.557.660	17.147.557.660
- Công ty cổ phần Tập đoàn MBG	21.699.470.005	21.699.470.005	9.247.277.998	9.247.277.998
- Công ty CP Cơ khí Xây lắp Thương mại Minh Cường	5.909.652.000	5.909.652.000	5.142.524.000	5.142.524.000
- Các đối tượng khác	38.307.249.118	38.307.249.118	71.580.319.825	71.580.319.825
Cộng	135.499.351.747	135.499.351.747	219.469.494.145	219.469.494.145

Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 33.3

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	11.424.140.072	11.424.140.072	4.817.154.829	4.817.154.829
- Công ty Cổ phần Bionature Việt Nam	1.883.974.956	1.883.974.956	1.883.974.956	1.883.974.956
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh BDS Hải Phát	1.798.525.772	1.798.525.772	-	-
- Bà Trần Thị Bích Hạnh	2.403.385.873	2.403.385.873	2.403.385.873	2.403.385.873
- Ông Nguyễn Văn Xuất	4.209.996.152	4.209.996.152	-	-
- Các đối tượng khác	1.128.257.319	1.128.257.319	529.794.000	529.794.000
Cộng	11.424.140.072	11.424.140.072	4.817.154.829	4.817.154.829
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	-	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2022
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	8.340.433.648	6.104.427.057	2.236.006.591
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.910.317.059	10.552.747.270	8.656.554.713	7.806.509.616
- Thuế thu nhập cá nhân	788.712.188	867.333.852	659.323.438	996.722.602
- Thuế tài nguyên	-	9.908.560.415	9.432.519.289	476.041.126
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	727.156.191.116	472.422.934.056	254.733.257.060
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	794.056.206	794.056.206	-
- Phí, lệ phí và các khoản thuế khác	17.830.512.000	3.328.931.556	3.328.931.556	17.830.512.000
Cộng	24.529.541.247	760.948.254.063	501.398.746.315	284.079.048.995
	01/01/2022	Số đã nộp trong năm	Số đã được quyết toán bù trừ	31/12/2022
	VND	VND	VND	VND
- Thuế thu nhập doanh nghiệp BĐS tạm nộp	-	2.834.156.142	-	2.834.156.142
- Các loại thuế khác	-	1.000.000	-	1.000.000
Cộng	-	2.835.156.142	-	2.835.156.142
	01/01/2022	Số được khấu trừ trong năm	Số đã được hoàn/khấu trừ trong năm	31/12/2022
	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	36.770.693.854	135.558.662.756	147.208.603.220	25.120.753.390
Cộng	36.770.693.854	135.558.662.756	147.208.603.220	25.120.753.390

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Trích trước chi phí xây dựng dự án BĐS	27.121.887.545	22.300.792.234
+ Trích trước chi phí xây dựng dự án Cầu Gò	27.121.887.545	21.203.129.680
+ Trích trước chi phí xây dựng dự án Lào Cai	-	1.097.662.554
- Trích trước giá trị thi công hoàn thành Dự án thủy điện Nậm Pạc 2	60.884.264.458	75.530.503.430
- Chi phí lãi vay	1.709.018.074	4.744.807.015
Cộng	89.715.170.077	102.576.102.679

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	39.638.402.949	38.310.159.049
- Kinh phí công đoàn	180.817.210	124.807.020
- Bảo hiểm xã hội	662.643.829	-
- Bảo hiểm y tế	107.259.210	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	41.784.060	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	16.049.205.483	16.149.205.483
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	22.596.693.157	22.036.146.546
+ Công ty Cổ phần Phát triển thủy điện 86	2.000.000.000	2.000.000.000
+ Công ty TNHH MTV Thủy điện Thanh Tuyền	1.500.000.000	1.500.000.000
+ Công ty TNHH MTV Thương mại Tiến Minh (*)	17.837.454.824	17.837.454.824
+ Khoản phải trả phải nộp khác	1.259.238.333	698.691.722
Cộng	39.638.402.949	38.310.159.049

Phải trả khác với bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 32.3

(*) Là khoản Công ty TNHH MTV Thương mại Tiến Minh hợp tác kinh doanh phân chia lợi nhuận cùng với Công ty Cổ phần Kosy tại giai đoạn 1 dự án Kosy Lào Cai theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 08/HĐ-2014/KOSY-TIENMINH ngày 01/09/2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN KOSY

B6-BT5, KĐT mới Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Nội dung	31/12/2022		Trong năm		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	493.159.176.212	493.159.176.212	1.018.797.290.780	754.452.545.398	228.814.430.830	228.814.430.830
Nghân hàng liên doanh Việt Nga - Sở giao dịch (1)	114.379.468.000	114.379.468.000	192.619.468.000	145.040.000.000	66.800.000.000	66.800.000.000
Nghân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam	-	-	-	9.848.000.000	9.848.000.000	9.848.000.000
Nghân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Anh (2)	30.186.000.000	30.186.000.000	82.650.000.000	67.734.000.000	15.270.000.000	15.270.000.000
Nghân hàng TMCP Dầu tư và PT Việt Nam - CN Ngọc Khánh (3)	30.000.000.000	30.000.000.000	68.600.000.000	68.540.000.000	29.940.000.000	29.940.000.000
Nghân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - CN Thăng Long (4)	50.000.000.000	50.000.000.000	80.880.000.000	60.880.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
Nghân hàng TMCP Quân đội - CN Thanh Xuân (5)	-	-	18.200.000.000	20.400.000.000	2.200.000.000	2.200.000.000
Nghân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Hội Sở (6)	99.713.714.290	99.713.714.290	271.034.000.000	216.120.285.710	44.800.000.000	44.800.000.000
Nghân hàng TMCP Bảo Việt (7)	100.000.000.000	100.000.000.000	184.885.504.020	84.885.504.020	-	-
Nghân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - CN Thăng Long - PGD Hoàng Mai (8)	48.489.000.000	48.489.000.000	98.478.318.760	49.989.318.760	-	-
Nghân hàng NN&PTNN Việt Nam - CN Hoàng Mai (11)	3.800.000.000	3.800.000.000	3.800.000.000	-	-	-
Ông Nguyễn Huy Tường	9.973.530.000	9.973.530.000	15.850.000.000	27.876.470.000	22.000.000.000	22.000.000.000
Vay cá nhân khác (15)	6.617.463.922	6.617.463.922	1.800.000.000	3.138.966.908	7.956.430.830	7.956.430.830
Vay dài hạn đến hạn trả (thời hạn dưới 1 năm)	235.121.127.460	235.121.127.460	141.467.548.018	123.169.874.350	216.823.453.792	216.823.453.792
Nghân hàng TMCP Quân đội - CN Đào Duy Anh (9)	-	-	524.000.000	1.541.666.683	1.017.666.683	1.017.666.683
Nghân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Thủ Đức (10)	14.769.600.351	14.769.600.351	20.248.880.018	22.116.239.667	16.636.960.000	16.636.960.000
Nghân hàng NN&PTNN Việt Nam - CN Hoàng Mai (11)	165.900.000.000	165.900.000.000	120.000.000.000	94.064.000.000	139.964.000.000	139.964.000.000
Nghân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đông Anh (12)	792.000.000	792.000.000	528.000.000	264.000.000	528.000.000	528.000.000
Nghân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - CN Thăng Long (13)	166.668.000	166.668.000	166.668.000	166.668.000	166.668.000	166.668.000
Nghân hàng NN&PTNN Việt Nam - CN tỉnh Lai Châu (14)	47.165.044.026	47.165.044.026	-	5.017.300.000	52.182.344.026	52.182.344.026
Vay cá nhân (15)	6.327.815.083	6.327.815.083	-	-	6.327.815.083	6.327.815.083
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	728.280.303.672	728.280.303.672	1.160.264.838.798	877.622.419.748	445.637.884.622	445.637.884.622

CÔNG TY CỔ PHẦN KOSY

B6-BT5, KĐT mới Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Nội dung	31/12/2022			01/01/2022		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn (thời hạn trên 1 năm)	1.251.882.891.332	1.251.882.891.332	634.209.581.215	155.867.548.018	773.540.858.135	773.540.858.135
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Đào Duy Anh (9)	-	-	-	524.000.000	524.000.000	524.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Thủ Đức (10)	4.196.736.500	4.196.736.500	-	20.248.880.018	24.445.616.518	24.445.616.518
Ngân hàng NN&PTNN Việt Nam - CN Hoàng Mai (11)	557.594.989.755	557.594.989.755	520.559.324.057	134.400.000.000	171.435.665.698	171.435.665.698
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đồng Anh (12)	1.119.500.000	1.119.500.000	-	528.000.000	1.647.500.000	1.647.500.000
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - CN Thăng Long (13)	583.330.000	583.330.000	-	166.668.000	749.998.000	749.998.000
Ngân hàng NN&PTNN Việt Nam - CN tỉnh Lai Châu (14)	686.817.555.822	686.817.555.822	112.811.771.540	-	574.005.784.282	574.005.784.282
Công ty Cổ phần Bionature Việt Nam (15)	732.293.637	732.293.637	-	-	732.293.637	732.293.637
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh BĐS Hải Phát (15)	838.485.618	838.485.618	838.485.618	-	-	-
Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	1.251.882.891.332	1.251.882.891.332	634.209.581.215	155.867.548.018	773.540.858.135	773.540.858.135

(1) Ngân hàng liên doanh Việt Nga - Sở giao dịch: Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2022/115159/HĐTD ngày 11/07/2022. Thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 11/07/2023 thời gian của mỗi khoản vay trong hạn mức được quy định trong hợp đồng tín dụng cụ thể. Hạn mức cho vay 115.000.000.000 đồng. Mục đích khoản vay được sử dụng bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Lãi suất cho vay và phương thức trả lãi được ghi trên hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản đảm bảo được quy định trong hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2022/115159/HĐBĐ ngày 25/01/2022 gồm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 866570, KĐT mới Kosy, phường Xương Giang, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 866569, KĐT mới Kosy, phường Xương Giang, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

(2) Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Anh: Hợp đồng cho vay hạn mức số 28/2022-HĐCVHM/NHCT144-KOSY ngày 30/08/2022. Thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 02/08/2023 thời gian của mỗi khoản vay trong hạn mức tối đa không quá 5 tháng kể từ ngày giải ngân. Hạn mức cho vay 35.000.000.000 đồng. Mục đích khoản vay được sử dụng bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thương mại vật liệu xây dựng của công ty. Lãi suất cho vay và phương thức trả lãi được ghi trên khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và các tài sản với đất đối với các thửa đất phường Gia Sàng, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

(3) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ngọc Khánh: Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2022/8084260/HĐTD ngày 05/05/2022. Thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 05/05/2023, thời gian của mỗi khoản vay trong hạn mức được nêu trong hợp đồng tín dụng cụ thể. Hạn mức tín dụng cho vay 30.000.000.000 đồng. Mục đích khoản vay được sử dụng bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Lãi suất cho vay và phương thức trả lãi được ghi trên từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản đảm bảo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 302, 325, 379, 380 tờ bản đồ số 6 phường Thăng Lợi, TP. Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

(4) Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - CN Thăng Long: Hợp đồng hạn mức tín dụng số 359/2022/HĐHMTD/PVBTLG-KOSY ngày 15/08/2022. Thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 15/08/2023 thời gian của mỗi khoản vay trong hạn mức là 06 tháng kể từ ngày giải ngân. Hạn mức cho vay 50.000.000.000 đồng. Mục đích khoản vay được sử dụng cho việc bổ sung vốn lưu động, phát hành L/C nội địa và bảo lãnh thanh toán cho hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng. Lãi suất cho vay và phương thức trả lãi được ghi trên khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo gồm thế chấp xe ô tô theo hợp đồng thế chấp; Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và các tài sản với đất đối với các thửa đất phường Pom Hán, TP. Lào Cai, Lào Cai; Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và các tài sản với đất đối với các thửa đất số 24 phường Bắc Cường, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

(5) Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thanh Xuân: Hợp đồng tín dụng hạn mức số 28242.21.003.747163.TD ngày 04/11/2021. Thời hạn cấp hạn mức đến ngày 31/07/2022 thời gian của mỗi khoản vay trong hạn mức tối đa 4 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hạn mức cho vay là 25.000.000.000 đồng. Mục đích khoản vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động để kinh doanh. Lãi suất cho vay và phương thức trả lãi được ghi trên từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo được quy định trong hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1035.22.003.74163.BĐ ngày 11/01/2022 gồm quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn với đất đối với các thửa đất số 1146, 1168, 741, 728, 1156, 1159 tờ bản đồ số 14-15 phường Gia Sàng, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

(6) Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Hội Sở: Hợp đồng tín dụng hạn mức số 23082021-373085-01-SME ngày 24/09/2021 và Phụ lục 01/PLHD ngày 22/09/2022. Thời hạn cấp hạn mức đến ngày 24/11/2022 thời hạn của mỗi khoản vay trong hạn mức tối đa không quá 4 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hạn mức cho vay là 100.000.000.000 đồng. Mục đích khoản vay được sử dụng bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, phát hành LC UPAS nội địa phục vụ hoạt động thương mại vật liệu xây dựng. Lãi suất cho vay và phương thức trả lãi được ghi trên từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo gồm quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn với đất đối với các thửa đất khu đô thị số 17, phường Pom Hán, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai; Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn với đất đối với các thửa đất KĐT mới Kosy, phường Xương Giang, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

(7) Ngân hàng TMCP Bảo Việt: Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0392-2022-HĐTD1-BVB005 ngày 04/08/2022. Thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 04/08/2023 thời hạn của mỗi khoản vay trong hạn mức tối đa không quá 06 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hạn mức cho vay là 100.000.000.000 đồng. Mục đích khoản vay được sử dụng bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Lãi suất cho vay và phương thức trả lãi được ghi trên từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo được quy định trong hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 009-2022-HDDCC1-BVB023 ngày 20/01/2022 Cổ phiếu KOS, cổ phiếu được niêm yết trên sàn HOSE từ ngày 08/07/2019 khối lượng 1.500.000 cổ phiếu thuộc sở hữu của ông Nguyễn Việt Cường (chức vụ: chủ tịch hội đồng quản trị); Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 073-2022-HDDTC1-BVB005 và HĐ số 074-2022-HDDTC1-BVB005 ngày 07/06/2022 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 866489 và CX866486, KĐT mới Kosy, phường Xương Giang, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 036-2022-HDDTC1-BVB023 và HĐ số 035-2022-HDTC1-BVB023 ngày 01/04/2022 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 866490, CX866582 và CX866511, KĐT mới Kosy, phường Xương Giang, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 012-2022-HDTC1-BVB023 ngày 21/01/2022 toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác chi tiết theo Phụ lục 1 của hợp đồng này thuộc KĐT Kosy phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

(8) Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - CN Thăng Long - PGD Hoàng Mai: Hợp đồng tín dụng hạn mức số HĐTD1132022064 ngày 04/05/2022. Thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng đến ngày 03/05/2023 thời gian của mỗi khoản vay trong hạn mức tối đa 6 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hạn mức cho vay 50.000.000.000 đồng. Mục đích khoản vay của từng lần giải ngân do Ngân hàng và bên vay thỏa thuận phù hợp với quy định Ngân hàng và quy định pháp luật. Lãi suất cho vay và phương thức trả lãi được ghi trên từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo được quy định trong hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HDTCT1132022064/03 và HDTCT1132022064/04 ngày 24/05/2022 gồm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 866451, CX 866580 KĐT mới Kosy, phường Xương Giang, Thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 139853, DA 139852, DA 139851 phường Gia Sàng, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

(9) Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Đào Duy Anh: Hợp đồng tín dụng số HĐTD số 2815.18.064.747163.TD ngày 08/08/2018. Thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng đến ngày 08/08/2023. Mục đích khoản vay được sử dụng phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Tài sản đảm bảo là 3 xe Mercedes-Benz E300 theo hợp đồng mua bán số E18ADU055-E18ADU056-E18ADU057 ngày 21/05/2018.

(10) Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Thủ Đức: Hợp đồng tín dụng số LD1911200008 Ngày 09/05/2019. Thời hạn vay 05 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên 17/05/2019. Hạn mức cho vay 300.000.000.000 đồng. Mục đích khoản vay được sử dụng phục vụ dự án sông Công. Lãi suất vay cho vay 12%/năm và có điều chỉnh mức lãi cho vay. Tài sản đảm bảo quyền sử dụng đất thuộc khu đô thị Kosy sông Công, phường Thắng Lợi, TP. Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

(11) Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Hoàng Mai:

Hợp đồng tín dụng số 1240-LAV-202000248 ngày 24/04/2020. Thời hạn cho vay 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên 24/04/2020. Hạn mức cho vay 240.000.000.000 đồng. Mục đích khoản vay được sử dụng phục vụ dự án Bắc Giang. Lãi suất vay cho vay 10.5%/năm và có điều chỉnh mức lãi cho vay. Tài sản đảm bảo gồm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với các thửa đất thuộc KĐT mới Kosy, phường Xương Giang, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Hợp đồng tín dụng số 1240-LAV-2020000838 ngày 24/12/2020. Thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên 24/12/2020. Hạn mức cho vay 250.000.000.000 đồng. Mục đích khoản vay được sử dụng phục vụ dự án khu đô thị số 11 phường Gia Sàng. Lãi suất cho vay 10.5%/năm và có điều chỉnh. Tài sản đảm bảo gồm tài sản hình thành trong tương lai toàn bộ dự án khu đô thị số 11 phường Gia Sàng, TP. Thái Nguyên, Thái Nguyên.

Hợp đồng tín dụng số 1240-LAV-202200554 ngày 08/06/2022. Thời hạn 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hạn mức cho vay 500.000.000.000 đồng. Lãi suất vay cho vay 9% năm và có điều chỉnh mức lãi cho vay. Mục đích sử dụng vốn thực hiện đầu tư dự án khu nhà ở đô thị Kosy Hà Nam tại phường Duy Hải, thị xã Duy Tiên. Tài sản đảm bảo là Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở đô thị Kosy Hà Nam tại phường Duy Hải, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam hình thành trong tương lai.

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

(12) Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đồng Anh: Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 17/2020/HĐCVDADT/NHCT144-KOSY ngày 12/08/2020. Thời hạn vay 5 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên 14/08/2020. Mục đích sử dụng vốn để mua xe. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo theo hợp đồng mua bán xe.

(13) Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - CN Thăng Long: Hợp đồng cho vay số 186/2021/HĐTD/PVBT-L-KOSY ngày 27/05/2021. Thời hạn vay 6 năm kể từ ngày giải ngân. Mục đích sử dụng vốn để mua xe. Lãi suất vay 8%/năm. Tài sản đảm bảo theo hợp đồng mua bán xe.

(14) Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh tỉnh Lai Châu:

Hợp đồng số 7800-LAV-201901059 ngày 24/12/2019 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 29/06/2022/HĐSD/201901059 ngày 29/06/2022. Thời hạn cho vay 12 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên 26/12/2019. Hạn mức cho vay 313.000.000.000 đồng. Mục đích khoản vay là đầu tư xây dựng dự án Nhà máy thủy điện Nậm Pạc 1. Lãi suất vay cho vay 10%/năm và có điều chỉnh trong lại cho vay. Tài sản đảm bảo: trong thời gian xây dựng là toàn bộ quyền thuê đất, quyền khai thác, toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai bao gồm: Nhà máy thủy điện Nậm Pạc 1 và các công trình liên quan đến dự án nhà máy Thủy điện Nậm Pạc 1 và các công trình liên quan đến dự án nhà máy Thủy điện Nậm Pạc 1.

Hợp đồng số 7800-LAV-201901069 ngày 26/12/2019, Hợp đồng sửa đổi số 01/02/2022/HĐSD/NP2 ngày 19/04/2022, Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 30/06/2022/HĐSD/201901069 ngày 30/06/2022 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 04/07/2022/HĐSD/201901069 ngày 04/07/2022. Thời hạn cho vay 12 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên 27/12/2019. Hạn mức cho vay 400.000.000.000 đồng. Mục đích khoản vay là đầu tư xây dựng dự án Nhà máy thủy điện Nậm Pạc 2. Lãi suất vay cho vay 10%/năm và có điều chỉnh trong tương lai cho vay. Tài sản đảm bảo: trong thời gian xây dựng là toàn bộ quyền thuê đất, quyền khai thác, toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai bao gồm: Nhà máy thủy điện Nậm Pạc 2 và các công trình liên quan đến dự án nhà máy Thủy điện Nậm Pạc 2; trong thời gian vận hành là oàn bộ quyền thuê đất, quyền khai thác, toàn bộ tài sản bao gồm: Nhà máy thủy điện Nậm Pạc 2 và các công trình liên quan đến dự án nhà máy Thủy điện Nậm Pạc 2.

(15) Các khoản vay khác có thời hạn vay từ 12 tháng đến 24 tháng, hưởng lãi suất 0% – 6,5 %/năm, mục đích khoản vay để phục vụ sản xuất kinh doanh, khoản vay không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN KOSY

B6-BT5, KĐT mới Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Tại 01/01/2021	1.037.500.000.000	121.178.185.036	-	1.158.678.185.036
- Tăng vốn trong năm	1.127.313.350.000	-	-	1.127.313.350.000
- Lãi trong năm	-	22.548.598.613	5.613.464	22.554.212.077
- Tăng khác	-	(51.874.680.000)	7.002.027.685	7.002.027.685
- Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	(132.000.000)	-	(51.874.680.000)
- Phân phối quỹ	-	-	-	(132.000.000)
Tại 31/12/2021	2.164.813.350.000	91.720.103.649	7.007.641.149	2.263.541.094.798
Tại 01/01/2022	2.164.813.350.000	91.720.103.649	7.007.641.149	2.263.541.094.798
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	21.719.114.209	110.887.081	21.830.001.290
- Chi trả thù lao HĐQT, BKS (*)	-	(144.000.000)	-	(144.000.000)
- Tăng/(Giảm) khác	-	(1.289.109)	1.289.109	-
Tại 31/12/2022	2.164.813.350.000	113.293.928.749	7.119.817.339	2.285.227.096.088

(*) Chi trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2021 theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 01/2022/BB-DHĐCĐ ngày 20/05/2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

21.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
+ Ông Nguyễn Việt Cường	1.016.400.000.000	1.016.400.000.000
+ Ông Nguyễn Trung Kiên	44.666.660.000	44.666.660.000
+ Bà Nguyễn Thị Hằng	188.980.540.000	188.980.540.000
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Leo Regulus	252.000.000.000	252.000.000.000
+ Các cổ đông khác	662.766.150.000	662.766.150.000
Cộng	2.164.813.350.000	2.164.813.350.000

21.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI, CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	2.164.813.350.000	1.037.500.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	1.127.313.350.000
+ Vốn góp cuối năm	2.164.813.350.000	2.164.813.350.000
Cổ tức, lợi nhuận đã phân phối	-	51.874.680.000

21.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2022	01/01/2022
	CP	CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	216.481.335	216.481.335
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	216.481.335	216.481.335
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	216.481.335	216.481.335
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	216.481.335	216.481.335
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	216.481.335	216.481.335
* <i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	133.554.634.980	3.410.628.813
- Doanh thu bán hàng hóa	1.148.099.812.247	1.058.063.328.032
- Doanh thu kinh doanh BĐS	61.805.954.120	45.094.170.401
Cộng	1.343.460.401.347	1.106.568.127.246

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	59.806.565.400	1.512.778.174
- Giá vốn hàng hoá đã bán	1.090.642.649.596	1.007.799.578.109
- Giá vốn kinh doanh bất động sản	46.358.858.646	46.749.628.817
Cộng	1.196.808.073.642	1.056.061.985.100

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.793.022.790	961.610.027
- Lãi chuyển nhượng các khoản đầu tư	24.626.280.000	46.561.500.000
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	80.857.740
Cộng	35.419.302.790	47.603.967.767

25. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Chi phí lãi vay	98.669.246.872	25.838.145.209
- Chi phí tài chính khác	218.577.042	74.755.201
Cộng	98.887.823.914	25.912.900.410

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Các khoản chi phí bán hàng	2.570.171.827	4.026.026.326
- Chi phí nhân viên	1.121.010.070	1.729.316.501
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	10.716.848	30.666.672
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.438.444.909	2.266.043.153
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	42.443.187.798	25.142.521.192
- Chi phí nhân viên quản lý	7.312.478.484	7.148.707.876
- Chi phí đồ dùng văn phòng	129.574.747	59.050.001
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	4.801.004.422	4.994.451.011
- Thuế, phí và lệ phí	6.000.000	410.807.281
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.969.835.616	4.042.222.674
- Chi phí bằng tiền khác	84.230.185	7.058.943.654
- Phân bổ Lợi thế thương mại	17.140.064.344	1.428.338.695
	45.013.359.625	29.168.547.518

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	10.552.747.270	7.817.238.299
	10.552.747.270	7.817.238.299

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	514.120.896	-
- Chi phí nhân công	30.205.867.950	21.091.170.800
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	51.029.619.472	6.992.074.888
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	250.699.797.989	297.972.593.521
- Thuế phí	727.162.191.116	-
- Chi phí bằng tiền khác	13.010.093.062	48.851.468.265
Cộng	1.072.621.690.485	374.907.307.474

29. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	10.962.634	138.313.011
- Các khoản khác	17.515.028	5.654.895
	28.477.662	143.967.906

30. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Chi phí tài trợ	4.730.000.000	12.173.000.000
- Các khoản bị phạt	1.084.333.467	619.657.018
- Các khoản chi phí khác	1.842.591	8.522.497
	5.816.176.058	12.801.179.515

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	21.719.114.209	22.548.598.613
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP) (*)	216.481.335	164.009.747
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	100,33	137,48

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (TIẾP)

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được xác định như sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	CP	CP
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	216.481.335	103.750.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành thêm lưu hành bình quân trong năm	-	60.259.747
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	216.481.335	164.009.747

32. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	21.719.114.209	22.548.598.613
Số cổ phiếu dự kiến lưu hành (CP) (*)	273.153.795	262.559.747
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/CP)	79,51	85,88

(*) Số cổ phiếu dự kiến lưu hành được xác định như sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	CP	CP
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	216.481.335	103.750.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành thêm lưu hành bình quân trong năm	-	60.259.747
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	216.481.335	164.009.747
Số cổ phiếu phổ thông dự kiến sẽ được phát hành (*)	56.672.460	98.550.000
Số cổ phiếu dự kiến lưu hành (CP)	273.153.795	262.559.747

(*) Công ty có kế hoạch tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/05/2022. Theo đó số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm là 56.672.460 cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

33.

BÁO CÁO BỘ PHẬN

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành các lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh bất động sản và công trình xây dựng, dịch vụ thương mại, năng lượng và đầu tư tài chính. Công ty lập báo cáo theo các bộ phận kinh doanh này.

Chỉ tiêu	Kinh doanh Bất động sản	Dịch vụ thương mại	Thủy điện	Đầu tư tài chính	Tổng bộ phận đã báo cáo	Loại trừ	Tổng cộng toàn Công ty
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
KẾT QUẢ KINH DOANH							
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ							
- Doanh thu bán ra bên ngoài	61.805.954.120	1.148.249.812.247	133.404.634.980	-	1.343.460.401.347	-	1.343.460.401.347
- Doanh thu nội bộ	-	-	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần	61.805.954.120	1.148.249.812.247	133.404.634.980	-	1.343.460.401.347	-	1.343.460.401.347
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	46.358.858.646	1.090.715.571.946	59.733.643.050	-	1.196.808.073.642	-	1.196.808.073.642
Doanh thu tài chính	-	-	-	35.419.302.790	35.419.302.790	-	35.419.302.790
Chi phí tài chính	-	30.608.878.917	68.060.367.954	218.577.043	98.887.823.914	-	98.887.823.914
Chi phí bán hàng	131.276.530	2.438.895.297	-	-	2.570.171.827	-	2.570.171.827
Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.292.406.293	24.010.717.161	17.140.064.344	-	42.443.187.798	-	42.443.187.798
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	14.023.412.651	475.748.926	(11.529.440.368)	35.200.725.747	38.170.446.956	-	38.170.446.956
Thu nhập khác	516.852	10.717.830	17.242.980	-	28.477.662	-	28.477.662
Chi phí khác	263.206.715	5.458.051.123	94.918.220	-	5.816.176.058	-	5.816.176.058
Lợi nhuận khác	(262.689.863)	(5.447.333.293)	(77.675.240)	-	(5.787.698.396)	-	(5.787.698.396)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.760.722.788	(4.971.584.367)	(11.607.115.608)	35.200.725.747	32.382.748.560	-	32.382.748.560

CÔNG TY CỔ PHẦN KOSY

B6-BT5, KĐT mới Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

33. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Chi tiêu	Kinh doanh Bất động sản	Dịch vụ thương mại	Thủy điện	Đầu tư tài chính	Tổng bộ phận đã báo cáo	Loại trừ	Tổng cộng toàn Công ty
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
TÀI SẢN							
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.072.471.660	42.976.320.943	703.715.746	-	45.752.508.349	-	45.752.508.349
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	11.284.732.400	11.284.732.400	-	11.284.732.400
Các khoản phải thu ngắn hạn	509.609.162.495	360.258.042.833	86.681.049.413	-	956.548.254.741	-	956.548.254.741
Hàng tồn kho	2.288.055.517.315	-	-	-	2.288.055.517.315	-	2.288.055.517.315
Tài sản ngắn hạn khác	1.652.507.420	34.267.628.645	2.721.375.496	-	38.641.511.561	-	38.641.511.561
Các khoản phải thu dài hạn	40.000.000	-	-	-	40.000.000	-	40.000.000
Tài sản cố định	671.586.391	13.926.517.221	1.096.636.083.584	-	1.111.234.187.196	-	1.111.234.187.196
Tài sản dở dang dài hạn	50.712.041	1.051.602.774	-	-	1.102.314.815	-	1.102.314.815
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	229.274.644.799	229.274.644.799	-	229.274.644.799
Tài sản dài hạn khác	7.807.810.262	145.055.873.575	766.907.533	-	153.630.591.370	-	153.630.591.370
Tổng tài sản	2.809.959.767.584	597.535.985.991	1.187.509.131.772	240.559.377.199	4.835.564.262.546	-	4.835.564.262.546
NỢ PHẢI TRẢ							
Nợ ngắn hạn	527.183.377.652	618.619.943.679	145.493.585.498	-	1.291.296.906.829	-	1.291.296.906.829
Nợ dài hạn	561.791.726.255	3.273.609.255	693.974.924.119	-	1.259.040.259.629	-	1.259.040.259.629
Tổng nợ phải trả	1.088.975.103.907	621.893.552.934	839.468.509.617	-	2.550.337.166.458	-	2.550.337.166.458

Các chỉ tiêu không theo dõi riêng cho từng hoạt động đang được phân bổ trong năm theo tỷ trọng doanh thu thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

34. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

34.1 CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan cá nhân

Trong năm tài chính 2022, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng, người phụ trách công bố thông tin và các thành viên thân cận trong gia đình chức trách chủ chốt được xác định là bên liên quan của Công ty.

Danh sách các bên liên quan tổ chức

Tên tổ chức	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sơn Phúc	Công ty của thành viên thân cận trong gia đình của Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Tư vấn kiến trúc và Xây dựng Đông Đô	Công ty của thành viên thân cận trong gia đình của Chủ tịch HĐQT
Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Đông Tây	Công ty của Phó chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Đầu tư Leo Regulus	Cùng lãnh đạo là Chủ tịch HĐQT

34.2 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Mua hàng hóa, dịch vụ của bên liên quan		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sơn Phúc	84.848.181	1.071.475.364
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Đông Tây	192.000.000	192.000.000
	276.848.181	1.263.475.364
Hoàn ứng		
- Ông Nguyễn Tiến Hoàn	-	258.000.000
	-	258.000.000
Hoán đổi cổ phần của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thủy điện		
- Công ty Cổ phần Đầu tư Leo Regulus (Hoán đổi 16.800.000 cổ phần)	-	252.000.000.000
- Ông Nguyễn Việt Cường (Hoán đổi 14.000.000 cổ phần)	-	210.000.000.000
- Bà Nguyễn Thị Hằng (Hoán đổi 3.500.000 cổ phần)	-	52.500.000.000
	-	514.500.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

34. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**34.2 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)****Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng**

Họ và tên	Chức danh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Hội đồng quản trị			
Ông Nguyễn Việt Cường	Chủ tịch Hội đồng quản trị	503.050.000	417.500.000
Bà Nguyễn Thị Hằng	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	331.750.000	335.900.000
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	480.083.704	354.560.000
Ông Đỗ Quốc Việt	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	657.279.091	638.980.000
Ông Nguyễn Công Khánh	Thành viên	-	6.000.000
Ông Tạ Ngọc Sơn	Thành viên	-	6.000.000
Bà Trần Thị Kim Oanh	Thành viên	-	6.000.000
Ban kiểm soát			
Ông Nguyễn Quốc Hưng	Trưởng BKS (Miễn nhiệm từ ngày 20/5/2022) Kế toán trưởng (Từ ngày 07/6/2022)	491.888.571	278.546.704
Bà Trần Thị Thu Hoài	Thành viên	69.770.000	-
Bà Trần Thị Thu Hà	Thành viên	75.200.000	6.000.000
Ông Hà Việt Hùng	Thành viên	84.090.000	-
Ban Tổng giám đốc			
Ông Nguyễn Đức Diệp	Phó Tổng Giám đốc	578.540.000	527.405.454
Ông Nguyễn Đức Doanh	Phó Tổng Giám đốc	598.390.000	-
Ông Nguyễn Tiến Hoàn	Phó Tổng Giám đốc	40.650.000	485.603.636
Bà Phùng Thị Hải Vân	Phó Tổng Giám đốc	45.370.000	513.508.056
Ông Nguyễn Việt Thung	Phó Tổng Giám đốc	549.283.559	397.738.095
Ông Nguyễn Tiến Nam	Phó Tổng Giám đốc	612.755.653	-
Bà Phạm Thị Thắng	Kế toán trưởng (Miễn nhiệm từ ngày 07/6/2022)	493.110.001	513.100.000
Tổng cộng Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng		5.611.210.579	4.486.841.945

34.3 SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Trả trước cho người bán		
- Công ty Cổ phần Tư vấn kiến trúc và Xây dựng Đông Đô	3.182.988.371	3.182.988.371
	3.182.988.371	3.182.988.371
Tạm ứng		
- Bà Trần Thị Thu Hoài	-	7.629.000
	-	7.629.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

34. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

34.3 SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải trả bên liên quan		
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Sơn Phúc	451.326.362	712.652.900
- Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Đông Tây	103.680.000	-
	<u>555.006.362</u>	<u>712.652.900</u>

35. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

36. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

37. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty Cổ phần Kosy đã được kiểm toán.

Người lập biểu

Từ Thị Thủy

Kế toán trưởng

Nguyễn Quốc Hưng

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2023

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Việt Cường

TẬP ĐOÀN KOSY

Văn phòng giao dịch:

Tầng 6, tòa nhà Hội Nhà báo Việt Nam,
Đường Đinh Nghệ, phường Yên Hòa,
quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

ĐT: (+84) 24 3783 3660

Website: www.kosy.vn

Fax: (+84) 24 3783 3661

Email: infor@kosy.vn

Văn phòng đại diện Chi nhánh TP. HCM:

Căn Officetel số SAV.8-14.08 The Sun Avenue, 28 Mai Chí Thọ,
phường An Phú, TP. Thủ Đức, Hồ Chí Minh, Việt Nam

ĐT: 090 737 0679